

MẸ QUAN ÂM CỬU LONG
Huỳnh Trung Chánh

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 8-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU
THEO DẤU CHÂN XƯA
MẸ QUAN ÂM CỬU LONG
NGƯỜI ĐẸP THOÁNG HƯƠNG SEN
MỞ TOANG CỬA ĐỊA NGỤC
TIẾNG CHUÔNG CHƯ THIỀN SƯ
QUAN ÂM TÓC RỐI
CÂY KHÔ TRỞ BÔNG

---o0o---

LỜI NÓI ĐẦU

Chư Bồ Tát, tùy theo hạnh nguyện thù thắng khác biệt mà mỗi vị mang một danh hiệu khác nhau, tựu trung hạnh nguyện của vị nào cũng vĩ đại rộng sâu không thể nghĩ bàn và hạnh nguyện nào cũng khiến tôi chân thành ngưỡng mộ. Ngày xưa, mỗi khi đọc tụng suy tư về hạnh nguyện cao cả của quý Ngài, thân tâm tôi cực kỳ kích động, tôi hân hoan, tôi kinh ngạc, tôi thần phục... rồi tự nhiên nước mắt tôi ràn rụa trong niềm hỉ lạc khôn nguôi. Gần đây, nhân tụng kinh Đại Bảo Tích, “Pháp Hội Văn Thù Sư Lợi thọ ký”, chiêm ngưỡng hạnh nguyện của Ngài Văn Thù, tôi bỗng khám phá rằng niềm xúc động của tôi vẫn dạt dào cao ngất như thời trai trẻ không sai khác.

Niềm tin tưởng Phật đạo của tôi gắn liền với lòng ngưỡng mộ chư Bồ Tát, do đó, tuy vẫn tự thẹn mình tài hèn, đức mỏng, chí khí kém cỏi nhưng bao giờ tôi cũng tha thiết mong ước hành được phần nào Bồ Tát hạnh, dù rằng tôi chỉ có thể thực hiện trong khả năng hạn hẹp nhỏ nhoi của mình. Thuở ban đầu học Phật, tôi rất cảm kích đại nguyện “địa ngục chưa trống không

thì chưa thành Phật” của Địa Tạng Vương Bồ Tát, nên thường nhủ lòng gần gũi với những kẻ lâm cảnh tù tội, những kẻ chìm trong tăm tối u mê... để an ủi, chia sẻ nỗi khổ với họ. Tôi cũng say mê hạnh nguyện Quán Thế Âm Bồ Tát, lắng nghe tiếng kêu than của chúng sanh trong thế gian để ban vui cứu khổ. Oái ouch độ người mà tùy hỉ không câu nệ hình tướng, cứu người mà tùy thuận người... lòng từ bi của Ngài thật là bất khả thuyết, bất khả thuyết. Thời trung niên, đường đời trắc trở, tôi thường chiêm bái tượng Bồ Tát Di Lạc, tạc theo hình dáng của Ngài Bồ Đại hòa thượng, với nụ cười hoan hỉ trước sự khuấy phá của sáu đũa nhỏ - lục tặc -. Tôi nguyện nương theo Ngài học tập hạnh hỷ xả - buông bỏ -, dẫu rằng hành vi thả lỏng sáu căn tiếp xúc không ngăn ngại với sáu trần mà lòng không xao động là chuyện thiên nan vạn nan tôi chưa bao giờ thực hiện nổi. Tuổi đời chồng chất, tôi bắt đầu biết nhìn lại mình, nhờ vậy ngày càng khám phá ra con người thật hư đốn của mình. Nhận thấy mình tội chướng sâu dày, ngày đêm cần phải chân thành sám hối, nên tôi hết lòng quy ngưỡng Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, để tích cực tu tập vun bồi đạo đức. Thật ra, trong thập nguyện Phổ Hiền, thì ngay như đệ nhất nguyện “Lễ kính chư Phật” tôi vẫn chưa thực hành nổi, nhưng tôi vẫn cảm thấy rằng nhờ nương theo Phổ Hiền Đại Nguyện tu tập mà đạo hạnh của tôi lần lần được cải sửa đôi chút. Nhân duyên tu tập “Phổ Hiền Hạnh Nguyện” của tôi rất đặc biệt : khi tôi đọc tụng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện lần đầu tôi nghe rúng động cả toàn thân vì man mác như đã từng tụng phẩm kinh này nhiều lần tự kiếp nào rồi. Tôi chân thành tha thiết quy ngưỡng Bồ Tát Phổ Hiền, tương tự như đứa con bơ vơ lạc lõng bỗng tìm về mái nhà xưa ấp ủ trong lòng mẹ.

Do niềm tin kính vô biên với chư Bồ Tát mà trong các tập truyện của tôi, tôi thường nhắc nhở đến hạnh nguyện của chư Bồ Tát để tán thán, để ngưỡng vọng và chân thành hướng về quý Ngài để nương tựa mà tu tập. Tôi cũng tha thiết mơ ước hội đủ thiện duyên hành hương Trung Quốc, chiêm bái bốn đại danh sơn : Ngũ Đài, Nga Mi, Phổ Đà và Cửu Hoa, nơi mà chư cổ đức ca ngợi rằng chư Bồ Tát trong bước đường hành hóa đã từng xuất hiện. Ước mơ của tôi may mắn đã biến thành sự thật, tôi đã có phước duyên hy hữu chiêm bái tứ đại danh sơn vào mùa thu năm 1999, và tuy thời gian hành hương ngắn ngủi không thánh tích nào được chiêm bái đầy đủ, nhưng ở địa điểm nào tôi cũng xúc động dạt dào để dâng hiến tất cả lòng thành kính thiết tha của mình lên chư Bồ Tát, nên tôi đã mãn nguyện lắm rồi.

Tập truyện này bắt đầu viết khi những hình ảnh của chư Bồ Tát và tứ đại danh sơn vẫn còn bàng bạc trong tâm khảm, tác giả hi vọng những hình ảnh hùng vĩ, thiêng liêng của thánh địa sẽ còn phản phát trong những mẫu

chuyện đạo để ưu ái trao đến bạn đọc, mong bạn đọc có thể đón nhận được niềm tin tưởng vô biên vào đạo pháp vẫn tràn ngập trong lòng tác giả.

Trân trọng.

---o0o---

THEO DẤU CHÂN XƯA

Phùng Lư Châu trang trọng quì trước tượng Bồ Tát Phổ Hiền trong điện Vĩnh Minh Hoa Tạng thành tâm phát nguyện. Lễ xong chàng thông thả bước ra ngoài ngắm cảnh. Mặt trời đứng ngọ cao vút chiếu ánh nắng rạng rỡ trên đỉnh núi cao tỏa thành vòng hào quang bảy màu lung linh kỳ diệu. Hiện tượng Phật Quang vô cùng màu nhiệm, Châu chiêm ngưỡng với niềm an lạc vô biên, chàng cảm giác như Bồ Tát đã chứng giám lòng thành của mình. Châu thanh thản bước đến “vách đá xả thân” cheo leo, chàng mỉm cười tung nắm đá vụn xuống vực thẳm. Lơ đễnh nhìn theo mớ đá long lanh rơi xuống đáy sâu hun hút, Châu bỗng mơ màng nhớ lại quãng đời qua...

Lư Châu vốn là con trai duy nhất của một gia đình khá giả tại huyện Phật Đô, thị xã Lạc Sơn, tỉnh Tứ Xuyên. Cha mất sớm, Châu là cháu đích tôn được nội tổ thương yêu đùm bọc. Bà nội cung cháu thường dẫn đi lễ chùa, Châu lễ lạy thuần thục và thuộc kinh rất nhanh, nên ai cũng khen thằng bé có tâm đạo. Một hôm, bà cháu đi lễ chùa Chiêu Giác tại Thành Đô, bỗng có vị sư tu hạnh khổ đầu đà, dáng dấp khật khùng bất thần vỗ nhẹ trán thằng bé rồi lên tiếng : “Hà ! hà ! Thằng bé Phùng Lư Châu này quả có tiền định ! Nè dầu ở châu nào thì cũng phải nhớ tu tập con nhé ! Con không xuất gia đầu Phật thì thiệt thòi cả đời đó !”. Nghe lời nói kỳ dị này, nội lo sợ nên nghiêm cấm Châu lai vãng đến cửa chùa, dù là đến chùa để học chữ nghĩa. Thời bấy giờ, việc đào luyện nhân tài được giao cho chùa, chùa biến thành chốn học đường chuyên dạy cả tam giáo : Phật, Nho và Đạo. Thế nhưng nội nhất quyết rước thầy đồ về nhà dạy Châu học, nội chủ trương chàng chỉ cần có chút ít vốn liếng chữ nghĩa để bảo quản cơ nghiệp tổ tiên, chớ đâu có mộng đồ đạt ra làm quan mà phải chánh thức đến chùa đi học. Đang hồn nhiên vui sống, bất ngờ nội tổ bạo bệnh qua đời, chúc thư của người lại biến mất. Chú ruột của Châu, xưa nay thương yêu cháu như con đẻ, bỗng nhiên lại ra về xa vắng khác thường. Một hôm, viện cố không đâu, chú giận dữ xua đuổi mẹ con Châu ra khỏi ngôi nhà hương hỏa, ngôi nhà mà đáng lý ra thì Châu, cháu đích tôn đương nhiên được thừa hưởng. Mẹ Châu dẫn con thơ

lên huyện đường khóc lóc khẩn cầu cứu xét, nhưng viên quan, chẳng biết vì lý do mờ ám gì, lại về phe với người chú, phủ nhận tư cách thừa kế của Châu. Thua buồn, mẹ Châu dẫn con về quê ngoại tại bến Tào ngư Than, huyện Hồng Nhã, tỉnh Tứ Xuyên nương náu. Bà bán mớ tư trang còn lại, tạo được ngôi nhà khiêm tốn cùng với thửa vườn trồng lê hai mẫu. Không quen nếp sống chân lấm tay bùn đồng quê, bà giao vườn đất cho Triệu Ngũ, cháu trai con của người anh thứ hai, coi sóc để chia một phần hoa lợi, nhờ vậy cũng tạm đủ sống đắp đổi qua ngày. Tai họa này lại tiếp theo tai họa khác. Niềm phẫn uất khôn nguôi khiến bà mẹ lâm trọng bệnh, rồi chỉ trong vòng hai năm sau thì qua đời. Khổ đau chán nản tột cùng, Châu lẩn quẩn trong đầu ước vọng được chết, vì chỉ có chết thì họa may cái thân bèo bọt này mới không còn bám dập. Thế nhưng, chàng vẫn phải gắng gượng sống, sống để báo hiếu, cư tang chăm sóc mồ mả mẹ ba năm, rồi sẽ “thả trôi đời mình ra sao thì ra”. Từ nhỏ Châu vốn không gần gũi bên ngoại, nên khi về sống địa phương này, chàng cảm thấy rất cô đơn, không ai thân thiết để bày tỏ nỗi niềm riêng. Châu chỉ biết tiêu sấu bằng cách thả thuyền trôi trên giòng Thanh Y lơ lửng, hay lang thang khắp các đỉnh núi Hồng Nhã, mơ mộng gửi hồn mình theo gió theo mây chập chờn trôi vào chốn không gian vô tận. Trên non cao, mở rộng tầm mắt hướng về bốn phương trời xa tít, Châu thường bị thôi thúc bởi ước mơ làm kẻ phiêu lưu lang bạt giang hồ, chớ không muốn chôn chặt cuộc đời mình ở xó quê hương hẹp tẻ này. Đó là lý do khiến Châu thỉnh thoảng trèo lên đồi Thanh Mục viếng Tiên Thiên các, tham kiến chư vị đạo sĩ để thưa hỏi về pháp tu trường sanh bất tử, về cảnh Bồng Lai và thú tiêu dao sơn thủy của đạo gia. Rất tiếc, chư đạo sĩ quá bận rộn với việc cúng tế cầu đảo nên chẳng ai phí phạm thời giờ giải đáp những câu hỏi vớ vẩn của kẻ vô danh tiểu tốt như chàng. Vừa mãn tang mẹ, để chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến viễn du, Châu đi một vòng từ giã thân nhân thì bỗng khám phá rằng mẹ và người dì thứ tư đã có lời kết ước xuôi gia ngay khi chàng và cô em Hồng Ngọc còn tám bé. Điều cực kỳ hứng thú là “tiểu Ngọc”, năm năm về trước chỉ là con bé đen đui tong teo như cây sậy, mà nay lại biến thành một thiếu nữ xinh đẹp mặn mà, khiến chàng vừa thoáng thấy dung nhan thì đã điên đảo tâm thần... Dì Tư ngọt ngào nói :

- Mấy năm qua, dì dưỡng luôn canh cánh nhớ lời nguyện ước năm xưa, muốn sớm tác hợp lương duyên cho hai con để thỏa lòng chị ba nơi suối vàng, nhưng chờ mãi đến nay mới đề cập tới vì phải chờ con mãn tang mẹ!

Niềm hạnh phúc vô biên đột ngột tràn ngập khiến Châu ràn rụa nước mắt, chàng ấp a ấp úng thật lâu mới thốt nên lời :

- Tạ ơn dì dưỡng thương con, nhưng khổ nỗi ngoài chiếc kiềng và đôi bông vàng mẹ để lại, con đâu dư tiền để tiến tới hôn nhân...

- Tiền bạc đã có dì dưỡng bù đắp, con hãy yên chí ! Vả chẳng chuyện hôn lễ đâu có vội vàng gì, chuyện mà dì dưỡng quan tâm là tương lai sự nghiệp của con. Dưỡng con thường buôn bán đi lại Lạc Sơn nên nghe tin viên huyện quan Phật Đô cũ đã bị cất chức. Quan huyện mới đang truy cứu những chuyện mờ ám ngày trước, một cơ hội thuận tiện để con có thể kiện đòi lại tài sản của nội tổ con. Đây mới là chuyện cấp bách phải giải quyết ngay, con biết không?

Đang là kẻ cô đơn sống dở chết dở, tương lai đen tối mù mịt mà bỗng được dì dưỡng đề ra phương cách phục hồi tài sản, rồi lại ưu ái hứa gả con, Châu xúc động nước mắt ràn rụa lấp bắp :

- Dạ ! dạ !...

- Ô ! dưỡng con sẽ đi Phật Đô dò la manh mối ! kiện thưa thì phải chấp nhận “chi tiền”, chi bao nhiêu cũng được, miễn là được việc cho mình thì thôi !... Ô ! chi phí hao tổn thế nào, dì dưỡng cũng ứng trước cho con được mà!

- Con khờ dại chẳng hiểu biết gì cả ! con xin dì dưỡng thương mà thu xếp mọi việc cho con !

Phó thác cả đời mình cho dì dưỡng thì đâu còn gì phải lo lắng nữa, Châu an tâm thụ hưởng tối đa cái hạnh phúc trên trời vừa rớt xuống. Suốt ngày, Châu chỉ có “trách vụ” duy nhất là kẻ cận bên tiểu Ngọc để săn sóc, nâng niu, chiều chuộng nàng mà thôi. Dì cũng dễ dãi để Châu tùy tiện đưa tiểu Ngọc dạo chơi đây đó. Hai người tự do tay nắm tay tung tăng đi nhau trên đỉnh đồi vắng vẻ tí tê tâm sự, bơi thuyền đùa giỡn trên giong Thanh Y hay tham gia hát hò trong các vụ hội hè đình đám vui nhộn. Phiên chợ Tết huyện Hồng Nhã ồn ào náo nhiệt, đôi trẻ tíu tít theo làn sóng người say sưa ngắm nhìn những gian hàng hoa trái chung bày sặc sỡ, Châu chọn được một cành đào xinh xắn, trà và vài loại bánh mứt cho nhà vợ. Khi viếng gian hàng tơ lụa, tiểu Ngọc hớn hờ ướm thử từng bộ quần áo đắt giá. Nhận thấy nàng tỏ vẻ thèm thuồng chẳng muốn rời chiếc áo gấm màu mạ non thêu những đoá phù dung màu hồng sắc sảo, vượt quá xa túi tiền của mình, Châu ngưng ngập khẽ nói : “Em ráng chờ một thời gian nữa, anh mà đòi được gia tài thì một chục bộ anh cũng thừa sức mua cho em mà !”. Tiểu Ngọc chán nản dợm rời bước, thì bỗng nhiên có tên công tử ăn mặc diêm dúa đứng cạnh đó chặn nàng lại, vênh váo lên tiếng :

- Hà hà ! tên đó không tậu nổi cho cô em áo gấm đó, thì đã có ta đây sẵn sàng lo cho cô em mà !

Thấy tên công tử giở giọng sàm sỡ, Châu giận tím gan, nhưng vì cạnh hắn còn có hai tên thuộc hạ “bặm trợn”, nên chàng đành nhịn nhục kéo tiểu Ngọc đi ra. Nào ngờ, tiểu Ngọc khờ dại tưởng kẻ lạ là người tốt bụng nên ngây thơ đối đáp :

- Xin cảm tạ lòng tốt của công tử ! Nhưng em và công tử chưa quen biết nhau thì làm sao em dám nhận quà !

- Trước lạ sau quen ! có sao cô em lại ngại ngần?

- Không! em không nhận đâu !

Châu lời Hồng Ngọc đi một quãng rồi, mà tên công tử vẫn bám theo, lái nhai tán tỉnh :

- Cô em dễ thương làm sao ! Xin cô em cho tôi biết quý danh và quê quán, nội ngày mai gia nhân của tôi sẽ mang quà đến cho cô !

- Ô ! em họ Trần, tên Hồng Ngọc ở Tào ngư Than. Em không nhận quà của công tử đâu ! xin công tử chớ bận lòng !

Trên đường đưa người yêu về nhà, Châu căn nhắc thái độ dễ dãi của nàng đối với hạng người vô lại, và do đó hai người đã gay gắt to tiếng với nhau. Ngọc cứ ngoan cố cho rằng tên công tử là hạng hào hoa phong nhã và trách ngược lại là Châu đã thô lỗ nổi máu ghen tuông vớ vẩn. Châu giải thích thế nào nàng cũng không chịu hiểu. Giận dữ, Châu tự dặn lòng rằng sẽ chẳng bao giờ tìm gặp nàng nữa. Thế nhưng, chỉ ngay ngày hôm sau, cơn giận tan biến, niềm nhớ nhung đã ngùn ngụt dày dò, Châu muốn gặp người yêu tức khắc nhưng vì tự ái, chàng cố gắng cắn răng chịu đựng, hi vọng nàng sẽ nhượng bộ trước. Chờ mãi mà nàng vẫn im hơi lặng tiếng, nên đến ngày thứ ba Châu đành chịu phép qui hàng lò dò tìm đến nhà nàng. Chàng đang rụt rè trước ngõ bỗng bị dựng ngăn chặn lại, lạnh lùng lên tiếng :

- Mi còn đến đây làm gì? Đi ngay ! ta chẳng muốn thấy bản mặt mi nữa !

Không ngờ chuyện cãi vã của mình khiến người lớn nổi giận, Châu cuống quýt van nài :

- Con xin lỗi dưỡng ! Con và em Ngọc chỉ có chuyện hiểu lầm nhỏ. Con xin gặp em để giải thích ngọn ngành.

- Không có điều gì để giải thích ! không có điều gì để nói nữa! Mi đừng vác bản mặt đến nhà này là đủ !

Bị dưỡng xô đuổi trắng trợn, Châu chết điếng người tự hỏi tại sao chỉ mới mấy ngày trước dưỡng vốn vã thương yêu mà hôm nay lại đối xử phũ phàng tàn nhẫn như vậy? Châu không tin chuyện Hồng Ngọc giận hờn lại có thể sanh ra hậu quả kinh khủng này. Lòng dạ hoang mang cùng cực, Châu lùi thối lui nhưng không ra về ngay. Chàng lần quần quanh đó hi vọng di hoặc tiểu Ngọc xuất hiện thành linh cứu gỡ cho chàng cơn bối rối này. Bỗng nhiên, Châu nghe tiếng vó ngựa vọng lại, rồi có ba người kỵ sĩ xuất hiện dẫn đầu bởi tên công tử đáng ghét hôm trước. Không cần ai giải thích Châu hiểu ngay chính tên này là đầu giầy mối nợ gây ra biến cố đau thương cho chàng. Con ghen tức bùng nổ không kềm hãm được, Châu phóng tới thộp ngực hấn. Châu chưa kịp ra tay thì những cú đấm đá thi đua nhau nện trên thân thể của chàng, Châu ngã gục xuống, tai còn văng vẳng nghe tiếng can ngăn của dì :

- Công tử dạy cho hấn bài học như thế cũng đủ rồi. Xin tha cho hấn phen này đi !

- Công tử đừng nghe lời bả ! Đập rắn thì đập cho chết, nương tay hậu hoạn khó lường công tử ạ !, dưỡng cao giọng.

Châu đang buông xuôi bất động, bỗng nghe lời xúi ác độc của dưỡng, cơn hận thù trong lòng bùng nổ thúc đẩy chàng cắn răng chịu đựng, nhóm dậy lê lét từng bước đến được nhà của người anh họ Triệu Ngũ thì mới lặn quay bất tỉnh. Cả nhà họ Triệu xúm xít săn sóc Châu. Sau khi nghe chàng thổ lộ nguồn cơn, chị Triệu nhanh nhẩu đi ngay đến nhà Ngọc mong sưu tầm thêm những tin tức nóng sốt khác. Vừa trở về, chị Triệu tuôn ra một hơi :

- Oái chà ! chú đụng với đám trọc phú họ Ngô thật là nguy hiểm ! Bọn nó thanh thế lớn, hại người như bỡn. Chú nên tránh nó thật xa mới được!

- Chị có nói chuyện được với tiểu Ngọc không? Ngọc có hiểu vì sao mà em ra nông nổi như thế này không?, Châu thều thào hỏi.

- Ô ! chị có tiếp xúc với con Ngọc, nó cho biết cô dưỡng tư đã nhận lời gả nó về làm dâu nhà họ Ngô rồi. Nó nhắn với chú là “kiếp này lỡ làng, thôi thì

đành hẹn nhau kiếp lai sinh” và khuyên chú nên bỏ đi thật xa, kéo tánh mạng khó vẹn toàn !

- Oái ! thật không ngờ di dương có thể nhẫn tâm phản bội lời hứa hôn năm xưa dễ dàng như vậy?, Châu than thở.

- Em Châu à ! - Triệu Ngũ ôn tồn lên tiếng -, Chỉ riêng em thật thà tin tưởng di dương tư, chớ bà con cô bác ai chẳng nghi ngờ rằng họ đã bịa đặt vụ hứa hôn để ngấm nghĩa tài sản của nội em. Nay tình cờ họ ôm chặt được cái hũ vàng nhà họ Ngô trên tay rồi, thì họ còn đại gì mà phải bám vào em để theo đuổi cái gia tài bất trắc làm chi nữa? Họ trở mặt đá đít em là chuyện đương nhiên mà !

Đêm hôm đó, căn nhà của Châu bị bọn vô lại đốt phá tan tành, may mà Châu còn nằm dưỡng thương tại nhà Triệu Ngũ nên mới không bị hãm hại. Tình thế hung hiểm quá, Triệu Ngũ vét tiền dành dụm đưa hết cho Châu để phòng thân, rồi âm thầm chèo thuyền đưa Châu trốn khỏi Tào ngư Than trong đêm đen.

Ra đi mang theo niềm sầu đau thù hận, Châu thề sẽ khổ công tâm sư học đạo, tập luyện một môn võ công thượng thặng để có ngày trở lại tầm cù. Trước đây, Châu thường nghe những khách giang hồ tán tụng võ thuật siêu tuyệt của các phái Thiếu Lâm, Võ Đang và Nga Mi(1). Thiếu Lâm và Võ Đang xa xôi, nên chàng quyết định tìm đường đến Nga Mi, vùng núi thiêng tọa lạc tại thị xã Lạc Sơn, tỉnh Tứ Xuyên.

Ngắm nhìn tòa Nga Mi sơn hùng vĩ, cao ngất trời xanh lòng Châu rộn rã tin chắc rằng nơi này đúng là chốn dung thân lý tưởng của mình. Thế nhưng khi thật sự đến nơi, thăm hỏi đủ mọi hạng người Châu chẳng thu thập được một dữ kiện nào chứng tỏ có sự hiện hữu về một môn phái võ thuật tại đây. Có người còn cho rằng huyền thoại về Nga Mi hoa quyền, Nga Mi tuyệt chiêu, Nga Mi kiếm pháp... đều toàn là những chuyện tưởng tượng. Châu thoát viếng Chùa Báo Quốc, cửa ngõ lên núi, rồi tìm đến động Cửu Lão nay là chùa Tiên Phong - đạo tràng của đạo sĩ Triệu minh Công, nổi tiếng về thuật đi mây về gió - và chùa Phục Hồ, - ngôi chùa mà theo truyền thuyết thì vị sơ tổ võ công rất thâm hậu đã từng hàng phục loài mãnh hổ - mà dấu vết võ học của người xưa vẫn biệt tăm. Không nản lòng Châu tiếp tục lục soát khắp nơi từ các ngôi chùa am dưới chân núi rồi lần lên đến lưng núi, viếng chùa Vạn Niên(2). Chùa Vạn Niên tựa mình trên vách đá hùng vĩ, có những cây đại thụ tàn bóng dị kỳ đong đưa mớ giây leo chằng chịt, cây lá chen chúc khoe

tươi trở đủ loại hoa rực rỡ, lại có ao nước tinh khiết trong xanh do giòng suối từ Long Môn động đổ xuống mang theo những mảnh đá nhỏ long lanh như ngọc, nên xưa kia chùa còn có tên là Bạch Thủy tự. Tương truyền Phổ Hiền Bồ Tát, trên bước đường hành đạo đã từng dừng chân chốn này nên ngôi chùa còn có tên là Phổ Hiền tự, và kể từ đó Nga Mi sơn được tôn kính là một thánh địa và là đạo tràng của Bồ Tát Phổ Hiền. Điện đá nung tức chuyên điện, có lối kiến trúc rất đặc biệt : toàn điện được tạo toàn bằng đá nung, kể cả nóc điện hình cái vòm, giống như một nắp vung bằng đồng vĩ đại úp chụp xuống. Vách điện kiến trúc thành tầng bậc, ba tầng trên trang trí hàng ngàn tượng Phật, Bồ Tát, La Hán nhỏ, và đặc biệt nhất, ở giữa điện là pho tượng đồng vĩ đại tạc Ngài Phổ Hiền Bồ Tát an tọa trên thớt voi sáu ngà. Đây là địa điểm được ca tụng là linh thiêng bậc nhất tại núi Nga Mi. Khách hành hương tin tưởng rằng khi thành tâm lễ Bồ Tát rồi đi nhiều quanh tượng bảy lần thì tâm nguyện chánh đáng của hành giả sẽ được thành tựu. Châu chiêm ngưỡng tượng Bồ Tát thật lâu. Trong một phút xuất thần, Châu cảm thấy tượng Bồ Tát sống động như hiện thực đang tỏa ánh mắt từ bi an ủi chở che, chàng nức nở : “Xin Bồ Tát cứu con! Xin Bồ Tát cứu con”. Rồi bảo điện, Châu bỗng thấy hai tên thuộc hạ họ Ngô lù lù ở cổng ngoài, mắt dáo dác nhận diện từng khách hành hương. Từ dạo sống lang thang bụi đời, Châu lân mẫn thương kẻ đầu đường xó chợ, nên khi gặp lão ăn xin già Phổ Đức chí thành hành hương, chịu khó leo trèo vất vả, chàng kết thân làm bạn đường để dắt dẫn đỡ đàn và chia xẻ cơm nước. Gần gũi nhau đôi ngày thì Châu đã thân thiết tâm sự với lão tất cả nỗi niềm đau khổ của mình. Vì vậy, vừa thấy nguy Châu hội ý với lão để lão cà rà xin tiền cản trở chúng, hầu chàng có thể len lỏi vào đám đông lẫn tránh, rồi băng rừng mà đi, không theo lối mòn bình thường nữa. Tưởng đã thoát thân, bảy ngày sau Châu lần mò leo lên Kim Đỉnh, địa điểm cao nhất của Nga Mi sơn, thì đã thấy hai tên chó săn đó đã chờ sẵn tự bao giờ. Biết chúng phải đợi đến đêm mới ra tay hành động, Châu ung dung khoác tay lão hành khát già đưa nhau lên Phổ Quang điện đánh lễ Bồ Tát. Hành lễ xong, Châu vét số tiền tùy thân còn lại dúi hết cho lão, rồi thoan thoát bỏ đi. Chàng muốn có được những giây phút cô đơn, để trầm ngâm nhớ lại quãng đời qua, và cũng muốn thanh thản ngắm những cụm mây trắng bồng bênh trong bầu trời mờ sương. Châu thảm than : “Oài ! sao ta phải mang kiếp người khổ nhục này? Oài ! sao ta chẳng là mây trắng mong manh thông dong trên đỉnh núi?”. Châu thờ thần hương tâm mất về bờ vực sâu hun hút. Vực thẳm muôn trùng này được gọi là Xả Thân nhai hoặc Đoạt Hồn nhâm, tuy mang nghĩa là vách đá đoạt hồn tán mạng, nhưng lại được giới tình si tôn xưng là vực thẳm của tình yêu. Niềm tin này đã phát xuất từ truyền thuyết rất xa xôi. Ngày xưa đó có chàng thư sinh tên Trang Thanh và công nương La Uyển Thu yêu nhau qua thi phú, nguyện kết nghĩa

phu thê, nhưng phụ thân cô gái, một vị Tiết độ sứ quyền uy, cương quyết ngăn cản. Hai người dẫn nhau trốn đi và đã bị quân lính truy nã ráo riết. Đã quyết tâm sống chết bên nhau, nên khi lên đến Kim Đỉnh Nga Mi sơn, đôi tình nhân xiềng tay nhau khóa chặt, nguyện đời đời kiếp kiếp dù làm ma, làm quỷ, làm người, cũng là vợ chồng. Thế rồi, họ ôm nhau nhảy xuống vực sâu tự tử. Chết thành quỷ thần, hai người thường hiển linh phù trợ cho những lúa đôi thủy chung gắn bó. Vì vậy, sau này những kẻ yêu nhau khẩn khít mặn nồng đã đưa nhau đến đây thệ nguyện và cầu xin phù hộ cho được ăn đời ở kiếp. Họ cũng long trọng mang theo xích sắt và khóa, nhưng dĩ nhiên họ không buộc tay nhau lao xuống vực sâu, mà chỉ tượng trưng xiềng chặt xích và hai khóa vào hai sợi giây giăng dọc theo các bậc thang đá lên Kim Đỉnh. Câu chuyện người xưa gọi Châu nhớ mối tình chua chát của mình, chàng nghĩ nếu mình được cùng người yêu nắm tay nhảy xuống chết chung thì hạnh phúc biết là bao. Châu đã quyết định chọn cái chết ngay từ khi đặt chân tới đỉnh; chàng nghĩ chuyện tâm cừ đã hoàn toàn vô vọng thì sống để làm gì? huống chi kẻ địch dễ gì buông tha chàng. Tuy nhiên, khi mon men đến bờ vực, chuẩn bị gieo mình xuống, thì chút hối tiếc đó bám sát tâm trí khiến chàng đứng khựng lại, đầu óc trống rỗng như sỏi đá vô tri. Châu hồi tỉnh lại khi tiếng hồng chung thanh thoát bên tai, tiếng chuông nhắc nhở chàng hạnh nguyện bao la của Phổ Hiền Bồ Tát, rồi bao nhiêu tâm ý của chàng đều tập trung vào việc tưởng niệm tượng Ngài cõi voi, thế rồi, bao nỗi ưu tư dằng dặc : sống chết, thương yêu, thù hận trong giây phút đã lặng lẽ tan biến tất cả. Trời sụp tối, bỗng Châu nghe có tiếng bước chân rất nhẹ tới gần. “Chúng nó sắp ra tay”, ý nghĩ đó vừa lóe lên thì vai chàng đã bị hai bàn tay chụp cứng lại. Không chần chờ gì nữa, Châu vận dụng hết sức lực phóng ra hổ thẳm, và vì vậy, đã vô tình lôi “tên gian ác” đi theo số phận hẩm hiu của chàng.

Châu nhắm tít mắt lại, nghe tiếng gió rít lên theo độ rơi vùn vụt của thân xác chàng. Trong giây phút chờ chết, Châu tiếp tục tưởng niệm Bồ Tát. Niệm hằng lâu mà sao thân xác vẫn còn rơi, rơi mãi... Lạ thật, đáng lẽ, thân xác chàng đã tan nát dưới đáy vực lâu rồi, có thể nào hồ này không đáy và chàng cứ rơi mãi đến xuống tận mấy tầng địa ngục chăng? Độ rơi càng lúc càng nhanh bỗng chậm dần vì có luôn gió đồng mãnh từ dưới thốc ngược lên, thế rồi, thay vì rơi thẳng xuống thông thường, chàng bị cơn gió xoay nên rơi vòng vòng theo hình tròn ốc. Thân thể chàng dường như nhẹ hẫng ra, sức rơi chậm lại nên khi Châu dang hai cánh tay chàng có cảm giác mình như con chim bay lượn đang là đà đáp xuống. Ành sáng mờ mờ, tầm nhìn lại bị đám mây trắng dày đặc che khuất, Châu không thấy gì ngoài cái bóng của “kẻ gian ác” bay cách chàng không xa. Châu tò mò nhìn kỹ mặt mũi kẻ gian như

thế nào, rồi bỗng nhiên chàng xúc động reo lên : “Uả ! té ra là ông ! Trời ơi ! con đã hại ông rồi!”. Thì ra lão hành khất Phở Đức tốt bụng thấy chàng đứng ngẩn ngơ cạnh hồ thăm nguy hiểm nên kéo chàng lại, vô tình bị chàng lôi theo. Có lẽ, ông lão biết chàng ái ngại nên mỉm cười trấn an, rồi phát tay như ngầm bảo chàng tiếp tục an vui cái trò chơi bay lượn, đừng bận tâm chi cả.

Lớp mây dày đặc loãng dần, Châu không còn bay lượn được nữa mà bị rơi nhanh xuống nghe tiếng “ùm” thật lớn. Trời đàu lên, Châu thấy lão hành khất cũng rơi xuống hồ nước, và thoát nạn như chàng. Cả hai cất tiếng cười vang, rồi đưa nhau lội vào bờ. Phong cảnh ở đây đẹp tuyệt trần : hồ nước trong mát xinh tươi, hoa lá muôn màu rực rỡ, cây trái xum xuê, chim đủ loài sắc lông sặc sỡ, ca hát vang lừng.

Châu nhìn quanh, rồi cất tiếng :

- Ông ơi ! Có lẽ mình đã lạc vào chốn thần tiên rồi ông à!

- O ! cũng có thể coi là cảnh non bồng ! Chốn này gọi là Bắc Câu Lư châu(3), nhân dân cõi này có nhiều phước báu hơn nhân dân cõi Nam Thiệm bộ châu, nơi mà loài người sinh sống nên cảnh vật cũng thù thắng hơn !

Thấy ông lão trả lời rành rọt, Châu rối rít hỏi :

- Cõi này xa lắt xa lơ hờ ông? sao từ thuở giờ không một ai thấy biết vậy ông ?

- Trong thế giới Ta Bà này, các cảnh giới nằm chập chồng trên nhau nên có thể nói là các cõi cũng không gần mà cũng chẳng xa nhau. Chỉ có điều là căn nghiệp của loài người chỉ tương ứng với không gian ba chiều của cõi Diêm phù Đề nên loài người chỉ thấy biết cõi này mà thôi ! Mấy ai có nhân duyên đặc biệt bị đẩy lệch sang chiều không gian khác như chuyện chúng mình?

- Thế người ở đây tánh tình có ác độc không? nếu bắt gặp ta họ có giam cầm hành hạ không?

- Nhân dân ở đây vốn chỉ thích ca vui hợp đoàn chớ không có dạ quanh co ác độc..., vả lại, họ nào có thấy nghe chúng ta mà sanh tâm này nọ...

- Uả ! sao lạ như vậy ông ?

- Vì nghiệp căn khác nhau nên dù cùng sống chung cũng không thấy nhau. Vật chất chôn nầy không tương ứng với con nên cũng không ngăn ngại con, do đó, con có thể đi xuyên qua thành quách mà không hề hấn gì. Nầy hãy theo ta đi một vòng cho biết sự tình.

Thế rồi, lão hành khất nắm tay Châu lướt đi như bay, xuyên qua cây cỏ, tường vách, thân thể dân bản xứ, để quan sát sinh hoạt nơi đây. Dân chúng trẻ đẹp, vóc dáng như nhau, vây thành đoàn nam nữ chung sống, cùng bơi thuyền, tắm gội, ca hát, đùa giỡn...; nầy ý hành dâm dục thì chọn kẻ đồng tình đưa nhau dưới tàn cây “khúc cung” rậm rạp vui thú, xong cuộc vui thì chia tay, không có liên hệ gia đình ràng buộc; thức ăn thức uống, y phục dư sẵn, chẳng ai phải gia công khổ cực làm lụng và mọi người cứ thế mà vui chơi suốt ngày.

- Nếp sống ở đây sung sướng thật, nhưng trong cõi nầy mình chỉ là bóng ma, có thọ dụng được gì đâu ! Con chẳng thích làm ma chút nào hết !

Châu đang cảm râm chột trông thấy hàng cây đơm đầy trái chín màu đỏ sẫm có vẻ ngon lành, con đói còn cào bống dung nổi dậy giục chàng thò tay hái mớ trái để ăn đỡ dạ, nhưng chẳng biết sao tay chàng cứ chụp trượt vuột mãi. Cây trái đối với chàng có lẽ chỉ là thứ ảo ảnh nên chàng chẳng có cách nào dụng chạm được. Lão hành khất cười ngất, lên tiếng :

- Ta đã bảo vật chất ở đây không tương ứng, không ngăn ngại với người thì làm sao người có thể cầm giữ ăn uống chứ ! Nếu người cảm thấy đói, thì chịu khó đến cây “hương thọ” đằng kia, người chút hương thơm cho đỡ dạ, hương thơm nầy cũng giúp cho thân thể người nhẹ nhàng, ngũ căn linh mẫn hơn...

Theo sự chỉ dẫn đó, Châu tìm đến cây “hương thọ” đón nhận mùi hương. Hương nầy chẳng những trị được “bệnh đói” mà còn giúp thân thể chàng nhẹ hững, lâng lâng bay bổng như gió như mây. Hứng chí Châu lông bông bay lượn ngắm cảnh khắp nơi. Rừng cây, hồ nước thanh tú nhiều không kể xiết, nhưng núi non hang động lại hiếm hoi. Châu sẫm soi mãi mới chọn được một động đá xinh xắn nằm trên một triền đồi đầy hoa tím thơ mộng. Chàng vội vã trở về báo cáo với lão hành khất :

- Hay quá Ông ơi ! con tìm được một hang động rất dễ thương. Mình có nơi trú ẩn an toàn rồi ông ạ !

Lão già mỉm cười hiền hòa :

- Sống ở đây mình hiện hữu cũng như không, thân xác chẳng bị nắng mưa hành hạ, tiền của không tích lũy,... thì nơi chốn nào chẳng an toàn, con bận tâm chuyện ăn ở mà chi ? Ồ ! góp ý với con cho vui vậy thôi, chứ con muốn chọn nơi trú ẩn nào tùy thích, đừng lo nghĩ đến ta vì ta sắp từ già chốn này rồi.

- Ông đi đâu? Ông đi đâu con theo đó, chớ ở một mình buồn chết đi...

- Ta trở về chốn cũ! Con nặng nề quá, làm sao ta có thể cu mang chuyễn đưa con sang chiều không gian của loài người cho được !

- Con nhẹ hững mà ! con bay được mà ông !, Châu reo to.

-Thân con tạm thời nhẹ nhờ “hương thọ”, nhưng tâm con thì sao? nó có thanh thoát chẳng hay vẫn trĩu nặng bởi dục vọng, bởi tham sân si, bởi thương ghét ân oán mừng lo..., huống chi, về đó thì con lại than thân trách phận... thì có ích lợi gì !

Trong cơn hiểm nguy, tâm ý Châu hướng vào việc tưởng niệm Bồ Tát Phổ Hiền, sau đó chàng lại bị cảnh giới lạ lùng này thu hút, nên đã quên khuấy cơn sầu tình đang cu mang. Chừng nghe lão hành khát hỏi, bao nhiêu nỗi yêu thương thù hận đột ngột quay về đảo lộn đầu óc chàng, khiến thân chàng đang lơ lửng trên không bỗng rơi tòm xuống đất. Đi về thì chịu trăm ngàn cay đắng và mất mạng như chơi, còn ở lại sống tẻ nhạt với cảnh làm con ma cô đơn vô tích sự kéo lê cả đời thì bi đát quá. Châu bối rối nhận thấy giải pháp nào cũng tệ cả, nhưng sau những giây phút đắn đo, chàng quyết định thà rằng chết cho ra chết, chớ không sống như ma vất vương chốn này. Chàng năn nỉ :

- Xin ông thương con ! tìm cách đưa con về với loài người. Sống chết đối khổ gì con cũng cam tâm cả !

- Con đường về là con đường thanh tịnh tâm, tâm thanh tịnh nhẹ nhàng thì trong một niệm có thể dạo khắp cõi Ta Bà thế giới, lúc đó muốn đến với chiều không gian nào chẳng được. Không ai có thể chuyễn hóa tâm mình, mà mình phải tự cứu độ bằng cách tu tập hằng giữ tâm trong chánh niệm, nghĩa là tập quán sát từng giờ từng phút không để tạp niệm sinh khởi, thì tịnh tâm sẽ hiện bày. Nếu con thực hành tiến bộ, thì ta có thể gia bị thêm cho con đủ dũng lực để trở về.

- Sao thì con cũng đồng ý hết ! Xin ông dạy con thể thức tu tập ngay đi !

Thế là lão hành khát bắt đầu dạy Châu ngồi kiết già thực tập mười sáu pháp quán niệm hơi thở trong mười sáu ngày ông vắng mặt, ngoài ra, ông cũng

cẩn thận giảng giải pháp quán thân bất tịnh để dự phòng cho chàng đối trị trong trường hợp cơn bệnh tình si trầm kha bộc phát. Sau khi ông lão rời bước, Châu liền ngồi dưới gốc cây hương thọ thực tập pháp quán niệm hơi thở thứ nhất : “Thở vào một hơi dài hành giả biết mình đang thở vào một hơi dài. Thở ra một hơi dài hành giả biết mình đang thở ra một hơi dài”. Thể thức tu tập thoát nghe qua rất giản dị, nhưng khi thực sự bắt đầu thì lại lắm gian nan. Châu chỉ theo dõi hơi thở chừng mười hơi, thì bao nhiêu chuyện xưa tích cũ bỗng nổi tiếp nhau hiện ra, rồi bao nỗi vui buồn hờn giận theo đó mà xôn xao. Khi sự tỉnh, Châu xấu hổ gạt bỏ vọng niệm và bắt đầu theo dõi hơi thở trở lại. Gay go nhất là những khi chàng bị hình dáng tiểu Ngọc ám ảnh, Châu điều đứng bỏ dở công phu thiền tọa vì dầu chàng xua đuổi thể nào bóng nàng vẫn lỳ ra đó, thì làm sao tiếp tục theo dõi hơi thở cho được. Châu sự nhớ pháp quán thân bất tịnh, chàng quán nàng như là một bọc da chứa đầy những chất dơ bẩn : đờm dãi, máu me, phân, nước tiểu..., bọc da đó mấy năm nữa thì sẽ nhăn nheo hư hoại, rồi sẽ nằm bất động, bầy nhầy, sinh thúi gớm ghiếc... Phép quán bất tịnh tuy không trị dứt nổi bệnh tình si nhưng cũng giúp chàng tạm nguôi ngoai, hầu có thể tiếp tục tu quán niệm. Tình trạng vọng tâm sinh khởi này cứ tái diễn mãi, nhưng cũng may là mỗi ngày mỗi thưa thớt dần. Tu tập chón này được mùi hương trợ lực thân tâm thoi thớt nhẹ nhàng lại không bị ngoại cảnh kể cả ẩm no đói lạnh chi phối, nên Châu tu tập tinh tấn suốt ngày đêm. Nhờ vậy, khi thực hành đến thức quán niệm thứ 6 : “Ta đang thở vào và cảm thấy an lạc; ta đang thở ra và cảm thấy an lạc” thì chàng đạt đến trạng thái hỷ lạc trong thiền định, từ đó những vọng niệm không còn đột ngột xuất hiện nữa. Khi chàng hoàn thành thức thứ 16 : “Ta đang thở vào và quán chiếu về sự buông bỏ; ta đang thở ra và quán chiếu về sự buông bỏ”, Châu cảm thấy thân tâm thanh thản an vui, chuyện đời không có chi ràng buộc, về hay ở cũng vậy thôi. Đúng lúc đó, thì lão hành khất trở lại. Ông khảo sát Châu, khen chàng khá tiến bộ, đưa chàng 5 đề tài mới để quán niệm và hẹn sẽ trở lại khi chàng hoàn tất. Chàng khởi sự quán “sắc bất dị không” nửa ngày, kể đó quán “không bất dị sắc”. Những viên đá vụn ảo ảnh trước kia chàng không thể rời bỏ, nay qua quán niệm Châu có thể cầm nắm cất giữ được. Bốn ngày kể chàng tiếp tục quán các đề tài thọ, tưởng, hành, thức. Vừa hoàn tất, thì lão hành khất cũng xuất hiện sẵn sàng đưa chàng rời Bắc Câu Lư châu. Ông đặt hai bàn tay trên vai Châu, bảo chàng đứng thẳng người nhắm mắt quán “ngũ ấm giai không”. Châu lắng lòng quán niệm cho đến khi cảm giác tay ông lão đã rời vai chàng thì mới mở mắt. Thật là kỳ lạ, Châu tưởng chàng vẫn đứng yên chỗ cũ, không ngờ lại thấy mình đang cô đơn đứng trên Xá Thân nhai, tại Kim Đỉnh núi Nga Mi. Mặt trời vừa lóe ánh hồng, đồi núi vắng lặng chìm trong mù sương mờ mịt, ông lão mất dạng và cũng chưa có bóng người lui tới. Khi hồi tưởng

lại những biến cố dồn dập lạ lùng vừa qua, Châu cực kỳ bối rối chẳng biết mình đang mơ hay tỉnh. Chàng dụi mắt đôi lần rồi thử véo mạnh gò má. “Ui cha !” Chàng gật gù tạm tin hiện đang tỉnh, nhưng còn chuyện lạc đến Bắc Câu Lư châu thì thực hư vẫn chưa rõ được. Có lẽ, chàng đã đứng ngẩn ngơ tại đây từ đêm qua cho đến sáng nay và đã đi vào giấc mơ kỳ diệu thấy rơi xuống hồ thẳm, rồi lạc bước đến chốn thần tiên. “Thế còn chuyện xảy ra trước đó : kết bạn hành hương với lão hành khất Phổ Đức, bị kẻ địch rượt đuổi, chuyện tình với nàng tiểu Ngọc thì sao?”, Châu phân vân tự hỏi. Trừ hình bóng ông lão vẫn còn sống động trong tâm, những hình ảnh khác đối với chàng xa xôi mù mờ đứt quãng, nên Châu cũng không thể đoán chắc đó là thực hay mộng nữa? Châu bỗng nhận thấy túi áo hơi cộm, chàng thò tay móc ra được một vốc đá nhỏ màu trắng long lanh chiếu sáng. Trố mắt nhìn sững những vật kỳ lạ này khá lâu, Vinh mới mừng tượng nhớ ra là trong khi tọa thiền quán đề tài “không bất dị sắc” thành công, chàng thừa hốt một vốc đá vụn bỏ vào túi. Không lẽ đó là những viên đá trắng lóng lánh này? và không lẽ chuyện tu tập tại Bắc Câu Lư châu là thực ?

Châu quyết tâm tìm cho ra lão hành khất, tìm được lão thì sẽ giải tỏa được mọi nghi vấn. Châu đi lần xuống chùa Vạn Niên. Chàng ngạc nhiên thấy các điện Kim Cang, điện Thiên Vương và điện Thất Phật đã bị hỏa tai thiêu hủy; dấu vết tàn tạ đã cũ kỹ trong khi khoảng tháng trước khi Châu ghé vào chiêm bái vẫn còn nguyên vẹn. Châu tò mò dò hỏi thì mới biết hỏa hoạn xảy ra từ bốn năm trước, tức năm Gia Tĩnh thứ 18, và vì vua Thế Tông nhà Minh tôn sùng Đạo giáo, nghiêm khắc với Phật giáo nên việc trùng tu bị đình trệ. Châu sững sốt nhằm tính rằng chàng đã lên Nga Mi sơn vào cuối mùa đông Gia Tĩnh nguyên niên, giờ thì đã vào thu Gia Tĩnh năm thứ 22, như vậy thời gian hơn 21 ngày tại Bắc Câu Lư châu tương đương với 21 năm 6 tháng cõi thế. “Minh già mất rồi!”, Châu thàn than. Chàng vội vã đến ao Bạch Thủy soi mặt, nhận thấy dáng dấp chàng vẫn trong lứa tuổi đôi mươi, thì ra, chàng chẳng già yếu tí nào mà còn khỏe mạnh ra. Có thể do sự tác động kỳ diệu của chất “hương thọ” nên thân thể chàng trở nên thoan thoát nhẹ nhàng, không cảm thấy mệt nhọc, rét lạnh, đói khát... chi cả. Châu quanh lên quần xuống núi Nga Mi hàng mấy mươi lần, cố công dò hỏi đủ mọi nơi mà vẫn không tìm ra tông tích lão hành khất. Bấy lâu, thân cận với lão hành khất, Châu thương kính ông như người cha già, yên chí rằng mình sẽ sống bên ông mãi mãi, nên không có nhu cầu nào gấp để hỏi han. Nay ông biệt dạng, hồi tưởng lại từng lời dạy dỗ, từng cử chỉ của ông, Châu mới hối tiếc và tự trách đã có cơ hội gần gũi bậc Thánh mà lơ là không biết tận hưởng, không tham học đạo lý cao sâu, không dò hỏi cẩn thận trú sở để tìm cầu. Châu tiếp

tục lặn lội sang Trung Nga và Tiểu Nga, rồi đi khắp dãy Côn Luân dò la mà người xưa vẫn biệt dạng.

Trên đường đi ngang phố chợ huyện Cảnh Khuyên, thấy có hiệu kim hoàn, Châu tò mò mang một hạt đá thăm dò giá trị. Bất ngờ hạt đá vụn vật đó lại chính là viên kim cương to sắc nước xanh tím trị giá đến 300 lượng vàng. Trong khoảnh khắc, từ một kẻ cùng đinh biến ngay thành một đại phú ông, Châu bối rối không nghĩ ra nổi phương cách nào để tiêu pha cho hết sự nghiệp trên trời rớt xuống này. Mặc dầu, mối tình xưa hầu như đã chìm trong quên lãng, hốt nhiên, Châu bỗng nảy sinh ý định trở về thăm lại quê hương theo tư cách của kẻ “mặc áo gấm về làng”. Châu tung tiền ra thuê một đoàn tùy tùng ngựa xe sang trọng tiến về huyện Hồng Nhã. Cảnh vật đổi thay, đám thuộc hạ phải dò la khá lâu mới khám phá ra căn nhà tranh vách đất xệu xạo của Triệu Ngũ. Triệu Ngũ chưa đầy 50 tuổi mà nom lụ khụ lắm rồi. Biết anh ta không nhận dạng được mình nên chàng nhất quyết dấu nhem lai lịch và tự xưng là thân tộc của Phùng Lư Châu đi tìm Châu. Nghe nhắc đến tên chàng, Triệu Ngũ bù lu bù loa khóc lóc thương số phận của người em họ không biết hiện nay đang trôi giạt phương trời nào, rồi anh xúc động cả kê kể lể câu chuyện xưa, với đầy đủ tình tiết mà ngay chính chàng là người trong cuộc lại quên tuốt luốt. Rồi anh kết luận : “Trời cao có mắt ông ạ ! cô dựng tôi trăm mưu nghìn kế bắt sống cho được thằng rể giàu sang, ngờ đâu gặp thứ rể dờm. Cha con họ Ngô phung phí tài sản, thua bài bạc gia tài đã khánh kiệt mà cố giữ bề ngoài hào hoa để dễ vay mượn. Khi con Ngọc về làm dâu chưa đầy sáu tháng, ông già chồng bạo bệnh chết, thằng con là Ngô Đại không đủ uy tín để vay đầu này đắp đầu kia, nên tình trạng nợ nần “tứ giãng” bị đổ bể. Thế rồi đám chủ nợ phát hoảng, xúm nhau kiện thưa đòi của, cuối cùng trọn sản nghiệp bị xâu xé sạch nhẵn. Hai vợ chồng nó đành khăn gói về nhà cô dựng nương náo. Thằng rể quen thói ăn hại, khi lên cơn nghiện ngập chỉ biết đánh đập vợ khảo tiền, nên dù cho con Ngọc có tảo tần làm lụng cực nhọc mà cuộc sống ngày càng bi đát. Đám con nó cũng chẳng ra gì : trai lêu lổng theo phường trộm cắp đang bị tập nã, gái đi bụi đời bạt mạng biệt tăm biệt tích”. Châu cúi cho ông anh tình nghĩa 30 lượng vàng, rồi theo chỉ dẫn của anh ta, tìm đường đến nhà Ngọc. Ngồi vắt vẻo trên lưng ngựa, Châu hồ hững ngắm ngôi nhà trống trải đổ nát, nơi mà chàng đã từng có những phút giây hạnh phúc tuyệt vời lẫn lộn với nỗi đờn đau ê chề nhục nhã. Một mù đàn bà bè xề, đàn độn, bản thiêu, rách rưới đang tần mẩn ngồi xất chuối cây cho heo ăn trước cửa. Thật khó tưởng tượng nổi người đàn xấu xí này lại là nàng ! Thật khó tưởng tượng nổi ngày xưa mình có thể sống chết vì người người đàn bà này ! Châu ngoắc mù tới. Mù hoảng hốt bật dậy đứng khoanh tay khúm núm cúi đầu như kẻ tội phạm. Châu lạnh nhạt trao

cho mụ 20 lượng vàng, rồi trước sự ngạc nhiên tốt độ của mọi người, chàng thúc ngựa phóng nhanh như chạy trốn. Đang cho ngựa phi nhanh, bỗng Châu ghì cương lại tránh gã say sưa bệ rạc té chổng gọng dưới lộ. Gã quẹo quào vận sức để lồm cồm bò dậy nhưng cứ trượt ngã mãi, nên cất giọng tru tréo chửi bới Trời Đất cho hả giận. Vượt qua hẳn mười thước, Châu chột dừng lại cất tiếng hỏi : “Người tên họ là gì?”. Gã còn đang ngẩn ngơ, thì tên tùy tùng lanh lợi đã lôi hẳn dậy nạt lớn : “Quan hỏi người tên họ gì?”. Gã tỉnh rượu tức khắc, ấp úng thưa : “Dạ ! con tên là Ngô Đại ạ!”. Châu vét mớ bạc vụn vắt xuống lộ, lạt lẻo nói : “Này! Chăm tí tiền lẻ uống rượu!”, rồi tiếp tục ra đi.

Rời Hồng Nhã, Châu cảm thấy lòng lâng lâng nhẹ nhõm như vừa trút được gánh nặng lớn. Châu thoát cảm thấy có niềm vui tràn ngập, một sự thỏa mãn băng quơ kèm với chút tự hào thích thú, nhất là khi nhớ cảnh Ngô Đại bò lê lét thu lượm mớ tiền còm. Đúng theo chương trình vạch sẵn đoàn ngựa xe tiếp tục tiến về huyện Phật Đô, quê nội chàng. Khi đi ngang địa phận núi Lăng Vân tình cờ nghe có cảnh chùa cổ và tượng Phật vĩ đại trên ngọn Thê Loan, Châu tò mò ghé vào chiêm bái. Lăng Vân là ngọn núi nhỏ, xinh xắn, hoa lá xanh tươi và lúc nào cũng có mây trắng vờn quanh nên càng thêm thơ mộng. Chỉ mất một thời gian gian ngắn, Châu đã lên tới chánh điện lễ Phật, rồi bước ra Thiên Ninh các nhìn xuống triền núi chiêm bái tượng Phật Di Lạc(4) vĩ đại thoải mái ngồi, bề cao từ chân đến đỉnh núi, một công trình xây cất to tát tưởng như sức người không thể nào hoàn thành nổi, nếu không có những vị bồ tát như Ngài Hải Thông xuất hiện. Tương truyền vào thời nhà Đường, có nhà sư pháp danh Hải Thông đến đây chọn một hang động trên đỉnh để tĩnh tu. Dưới chân núi là một con sông rộng, đúng ra là nơi tiếp giáp của ba con sông : Mân, Thanh Y và Đại Độ, ba giòng nước chảy siết đối nghịch nhau đã tạo nên những con xoáy ngầm hung bạo bất ngờ nhận chìm thuyền bè qua lại. Ngày ngày nhìn xuống núi, phải chứng kiến thường xuyên tai họa thảm khốc của đồng bào, sự cực kỳ xúc động nên phát nguyện tạc pho tượng Từ Thị Di Lạc vĩ đại nhìn ra giòng sông, ngưỡng mong Bồ Tát ban phát lòng TỪ vô lượng của người cho thuyền nhân. Thế rồi sư bỏ ra mấy mươi năm trời lặn lội khắp nơi khổ công quyên hóa. Khi đã hội đủ số tiền cần thiết, sư quay về Lăng Vân, thỉnh nguyện với viên huyện quan sở tại cho phép xây cất. Viên quan biết sư đang giữ số tiền to, máu tham ô nổi dậy ùng ùng. Hẳn viên lẽ chuyện dựng tượng Phật để cứu khổ cứu nạn là huyền hoặc nên ngăn cấm và ra lệnh sư phải trao tất cả số tiền lạc quyên cho hẳn. Sư thưa : “Xin Ngài hiểu cho. Tiền của quyên giáo là chỉ để tạc tượng nên dầu có phải chết bần tăng cũng nhất quyết không làm khác được. Còn những gì là của riêng của bần tăng thì bần tăng lúc nào cũng hoan hỉ cả”.

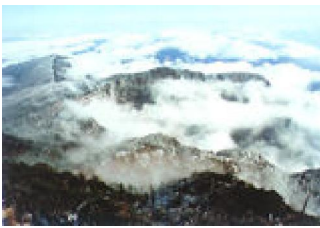
Viên quan nổi giận : “Hừ ! ngươi nói cái gì của ngươi thì ngươi hoan hỷ, vậy ngươi hãy cho ta đôi mắt của ngươi đi !”. Sư trầm tĩnh đáp : “Xin vâng ạ!”, rồi sư móc đôi mắt, máu me đỏ ròng ròng dâng lên : “Xin Ngài nhận cho !”. Viên quan sợ hãi không dám hoành hợ tiền bạc nữa. Mấy tháng sau thì hẳn bị cách chức đột ngột. Từ đó, sư bắt đầu ngày đêm thực hiện công trình tạc tượng cho đến khi lia đời, các thế hệ đẽo từ tiếp nối sự nghiệp của sư, cuối cùng sau 90 năm gian khổ tượng đã hoàn thành bởiø cư sĩ Vĩ Cử , Tiết độ sứ Kiếm Nam Tây Xuyên. Điều nhiệm màu kỳ diệu là ngay từ ngày khởi công, tai nạn chết người trên giòng sông không còn xảy ra nữa. Châu lần theo những nấc thang đẽo quanh co theo vách đá dựng đứng xuống chân núi. Trong niềm cảm xúc vô biên trước hành hoạt vị pháp xả thân của người xưa, Châu chân thành lễ tượng Bồ Tát Di Lạc. Tượng vĩ đại, cao ngang đỉnh núi, chàng phải ngấn đầu ngả người ra sau mới có thể chiêm ngưỡng trọn vẹn. Châu thành khẩn lâm nhâm tán : “Phật chúng sanh tánh thường rỗng lặng. Đạo cảm thông không thể nghĩ bàn...” và chàng cảm thấy có sự giao cảm nhiệm màu truyền đến, dường như chàng đã tiếp xúc được với Ngài. Đúng thời điểm ánh mắt Châu vừa chạm đến mặt tượng, thì hốt nhiên toàn thân chàng rung động : chàng rùng mình rợn gai ốc, tóc tai dựng đứng, nước mắt tuôn trào... Chàng vừa nhận chân rất rõ là : thân tâm của chư Bồ Tát vô cùng vô tận bao la không ngăn mé, lòng từ bi hỷ xả của chư Bồ Tát vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn... Liên tưởng đến thân tâm mình, Châu than thầm : “Oái ! còn thân tâm con thì nhỏ nhoi ti tiện chẳng ra gì !”. Vừa than thở Châu vừa chân thành quán sát con người thực của mình trong mấy ngày vừa qua và cảm thấy xấu hổ tột cùng. Chàng đã từng thực tập quán niệm theo dõi tâm trong từng nhịp thở để giữ tâm trong chánh niệm, thế mà vừa nhất thời giàu sang, được người người quy lụy, thì đã biến đổi tức khắc thành kẻ nông cuồng tự cao tự đại, tham sân si do đó mà liên miên sinh khởi. Chàng về quê ngoại không vì tình thâm nghĩa trọng, mà thực tâm chỉ muốn “tác oai tác phúc”, nên chi, chàng đã đối xử với họ Ngô bằng dạ hẹp hòi thù hận, còn với Triệu Ngũ và Ngọc thì cũng đầy vẻ khinh miệt kiêu căng... Châu thành tâm cầu xin sám hối lỗi lầm, chàng thầm nguyện : “Thân con nhỏ nhoi như con trùng, con dế, tâm con xấu xa hèn mọn như quỷ như ma, nhưng từ nay con xin học theo hạnh nguyện của chư Bồ Tát, nguyện đời đời kiếp kiếp xả bỏ thân mạng mình để cứu khổ chúng sanh. Xin chư Bồ Tát chứng giám lòng thành của con. Xin chư Bồ Tát gia bị cho con...”.

Châu quyết định hủy bỏ chuyến về thăm quê nội. Chàng giải tán toán tùy tùng, mặc áo thô, đầu trần chân đất, kiểm soát tâm theo từng nhịp thở, từng bước từng bước trở lại núi Nga Mi. Châu lặng lẽ lên Kim Đỉnh, vào điện Phật Quang đánh lễ. Chàng phát nguyện sẽ xin xuất gia, nghiêm trì tu tập

giới đức, hầu có ngày hội đủ điều kiện theo dấu chân người xưa, một mình một bóng làm kẻ ăn xin nghèo khó lưu lạc khắp nơi tùy cơ giáo hóa chúng sanh. Có lẽ Bồ Tát đã chứng giám lòng thành của chàng, nên ban cho chàng điểm phúc được chiêm ngưỡng cầu vòng Phật quang kỳ diệu. Sau khi gởi trả nắm đá kim cương về với vực thẳm Xả Thân nhai, Châu thư thái đi lần xuống chùa Vạn Niên yết kiến lão hòa thượng Uùng Hiệp. Châu đánh lễ hòa thượng, tường thuật đầy đủ chi tiết của đời mình, rồi thỉnh cầu xin được xuất gia đầu Phật. Hòa thượng lắng nghe câu chuyện lạ lùng của chàng cho đến khi kết thúc rồi nghiêm trọng lên tiếng : “Thí chủ quả có đại phước đức, đại nhân duyên nên được Bồ Tát ra tay cứu độ. Thí chủ ước nguyện muốn gần gũi Ngài mãi mãi chăng? Xin hãy tùy tiện đến Chuyên điện tâm cầu...”. Châu háo hức bước nhanh đến Chuyên điện. Điện vắng vẻ không một bóng người. Châu chiêm ngưỡng tượng Bồ Tát Phổ Hiền cỡi voi sáu ngà, rồi bỗng nhiên thân tâm chàng rung động, chàng quì sụp xuống nước mắt tuôn tràn. Chàng chột hiểu. Chàng thấy rất tử tế. Lão khất sĩ, vị cha già thân thương, không một giây một phút nào xa rời chàng, và ngay trong giờ phút hiện tại này Ngài vẫn đang hiển hiện hào quang sáng ngời trong biển tâm của chàng.

Tháng 2.2000

Ghi Chú :



1. Nga Mi sơn : Nga Mi nghĩa đen là mây chim nga, là một tòa núi cao tọa lạc tại huyện Nga Mi thị xã Lạc Sơn, tỉnh Tứ Xuyên. Sở dĩ, tòa núi mang địa danh này vì hình thể núi quanh co tựa như “đầu cò mây nga, nhỏ mà dài, đẹp mà tươi” (như tần thủ nga mi, tế như trường, mỹ như diễm). Nga Mi là ngọn núi nổi tiếng đẹp nhất Trung Quốc, với núi rừng chập chùng, thác nước tuôn chảy như thảm lụa trắng ngoạn mục, suối trong róc rách, vách đá dị dạng, mây trắng vờn quanh, thông reo vi vút... Toàn núi phân làm đại Nga, nhị Nga và tam Nga; đại Nga là nơi du lãm tập trung, có nhiều danh tự cổ kính như Vạn Niên, Hoa Tạng, Báo Quốc, Phục Hồ, Tiên Phong. Kim Đỉnh Phổ Quang, tọa lạc trên đỉnh cao nhất (3099 thước), là nơi mà vào những ngày nắng tốt, du khách có thể chiêm bái hiện tượng ánh cầu vòng Phật Quang kỳ diệu.

2. Chùa Vạn Niên tọa lạc ở độ cao 1020 thước, nằm giữa rừng cổ thụ thâm u và vách đá rêu phong, được khởi dựng từ đời nhà Tấn với tên Bạch Thủy tự,

là ngôi chùa cổ kính, uy nghiêm, hùng vĩ bậc nhất tại Nga Mi sơn. Vào mùa Xuân, muôn loài hoa : sơn lựu, thực dược, mẫu đơn, Nga Mi tuyết... đua nhau nở rộ, bên cạnh lại có ao Bạch Thủy (còn có tên là Minh Nguyệt), nước trong xanh từ động Long Môn đổ xuống mang theo những hòn đá tí teo long lanh như ngọc, tăng thêm phần thanh tú mỹ lệ cho chốn tôn nghiêm. Tương truyền thì Bồ Tát Phổ Hiền, trong bước đường hoằng hóa đã từng dừng chân chốn này, nên chùa còn có tên là Phổ Hiền tự, và chính vì vậy mà Nga Mi sơn được tôn xưng là đạo tràng của Bồ Tát Phổ Hiền. Giữa điện đá nung (Chuyên điện) có tượng Ngài Phổ Hiền cỡi voi sáu ngà bằng đồng đúc vào thời Bắc Tống cao 7.3 thước, nặng 62 tấn, ngoài ra, trên bảy tầng kệ quanh vách điện còn tôn trí khoảng ba ngàn tượng Phật, Bồ Tát nhỏ bằng đồng. Đây là một địa điểm cổ kính, uy nghi và linh thiêng nhất của Nga Mi, nên khách hành hương thường thành tâm đi nhiều nhiều vòng để phát nguyện hay cầu xin Bồ Tát gia hộ. Ngoài điện Phổ Hiền, chùa còn có những cơ sở vĩ đại khác như bảo điện Đại Hùng, điện Tỳ Lô, điện Quán Âm, điện Di Lặc, Bát Nhã đường, lầu kinh các, lầu trống, u minh chung... Chùa bảo quản được ba pho tượng tam thế Phật và pho tượng Phật A Di Đà bằng đồng từ thời nhà Minh, ngoài ra còn có xá lợi răng, bộ bồi điệp kinh (do Vua Tích Lan tặng cho vua Minh Gia Qing), bảo tháp đựng hai viên xá lợi (do phái đoàn Phật Giáo Miến Điện tặng).

3. Bắc Câu Lư châu là một trong 4 cõi nhân gian của Thế giới Ta Bà. Theo thế giới quan Phật giáo thì Thế giới Ta Bà được phân chia thành ba cảnh giới : cõi vô sắc, cõi sắc và cõi dục. Cõi vô sắc và cõi sắc đều là thế giới của chư Thiên, riêng cõi dục lại được phân thành 20 cõi, gồm có 6 cảnh trời cõi dục (lục dục thiên), 4 cõi nhân gian (1. Đông Thắng thần châu, 2. Nam Thiệm bộ châu, cũng còn gọi là Diêm Phù Đề, tức là thế giới mà loài người đang sinh sống 3. Tây Ngu hóa châu và 4. Bắc Câu Lư châu), 1 cõi Súc sanh, 1 cõi Nga quý và 8 cõi Địa Ngục.

4. Lạc Sơn Đại Phật còn gọi là Lăng Vân đại Phật tọa lạc trên ngọn Thê Loan, núi Lăng Vân. Đại Phật dựa vào núi, nhìn ra sông, nơi nhập lưu của 3 con sông Mân, Thanh Y và Đại Độ. Tượng Phật Di Lạc, cao 71 thước, mắt dài 3.3 thước, mặt cao 14.7 thước rộng 10 thước, tai dài 7 thước, vai rộng 24 thước. Tượng Phật ngồi an nhiên tự tại, khí phách hùng vĩ là tượng đá khắc lớn nhất thế giới. Tượng do cao tăng Hải Thông khởi tạo vào thời Đường, Khai Nguyên thứ nhất (năm 713) và đã hoàn thành 90 năm sau đó bởi cư sĩ Vĩ Cử, Tiết Độ sứ Kiếm Nam, Tây Xuyên.

MẸ QUAN ÂM CỨU LONG

Trời trong, biển lặng, bốn phương trời bát ngát. Chiếc tàu tốc hành Thượng Hải Phở Đà(1) lướt như bay trên mặt biển, cơ hồ như đang xẻ biển khơi thành hai mảnh với hai lượn sóng to chạy dài theo hông tàu. Tàu trang bị khá tân tiến như trên một phi cơ hành khách, có máy điều hòa không khí mát mẻ, có ghế dựa thoải mái, và màn ảnh truyền hình liên tục chiếu phim đám đá sôi nổi. Nhóm hành khách Việt lên đường hành hương thánh địa Bồ Tát Quán Thế Âm, địa điểm mà hầu hết mọi người hằng thao thức chiêm ngưỡng, nên hầu như lòng ai cũng hớn hờ rộn ràng. Nhiều nhóm hào hứng tranh nhau nhắc nhở kinh nghiệm linh cảm của họ đối với vị Bồ Tát cứu khổ cứu nạn. Có vị mê mê tượng Quán Âm lung lẳng trên cổ lâm râm khấn niệm. Ra khơi chừng nửa giờ, bộ mặt thực hung bạo của biển cả mới lộ nguyên hình. Trời bỗng u ám, mưa lất phất, rồi cơn giông nhỏ thành linh kéo đến. Từng lượn sóng to úp chụp chiếc tàu như muốn nhận chìm tất cả xuống biển sâu. Hành khách tranh nhau say sóng, có người đã lộ vẻ khẩn trương, và tiếng niệm Quán Âm chân thành cũng đã trỗi lên đây đó. Có những Phật tử trẻ tuổi hành Bồ Tát hạnh chạy tới chạy lui săn sóc bạn đồng hành đang vật vã chóng mặt hay nôn mửa. Vĩnh thầm nghĩ : “Chưa đến thánh địa của Ngài mà mình đã nghe được tiếng vọng của Ngài rồi!”. Thật ra thì tình hình chẳng có chút xíu gì nguy hiểm, nếu so với chuyến vượt biển của chàng khoảng 20 năm về trước, trên chiếc thuyền đánh cá ọp ẹp, đói khát hành hạ, và phải ngồi bó gối san sát theo kiểu cá mèi hộp trong khoang tàu hôi hám. Chuyến hành trình sang qua ngày thứ nhì thì gặp biển động, có lẽ chỉ cùng một cỡ với cơn giông ngày nay, nhưng đối với chiếc thuyền con thì đó là đại họa. Chiếc thuyền lặn lộn như trái mướp bị đẩy xuống sâu tận dưới đáy vực, để rồi từ trên cao lượn sóng to như trái núi ập xuống, tưởng chừng như sẽ đập nát chiếc thuyền thành mảnh vụn. Thế nhưng, từng lượn này đến lượn khác tiếp nối, chiếc thuyền tưởng chừng như sắp lật úp bao lần mà vẫn thoát nạn. Ngày đó, trên thuyền mạnh ai nẩy lên tiếng “kêu cầu cứu” : tiếng niệm Quán Âm, tiếng khẩn cầu Đức Mẹ Đồng Trinh vang lừng. Thế nhưng chỉ 30 phút sau thì tiếng cầu xin im bật. Hầu hết thuyền nhân đều bị say sóng nằm la liệt bên nhau, có lẽ không mấy ai còn đủ tinh thần để tưởng nhớ đến Phật, đến Chúa nữa. Vĩnh là một trong ba người còn tỉnh, chàng phải gắng sức tát nước liên tục mà vẫn không ngừng niệm Quán Âm cho đến khi sóng biển lặng dần. Chàng vốn ngưỡng mộ hạnh nguyện của chư Bồ Tát, nhưng chàng chủ trương niệm Quán Âm là chỉ nhằm nhắc nhở mình thực tập hạnh nguyện “lắng nghe và cứu khổ”, đồng thời, cũng là cách áp dụng phương pháp tu hữu hiệu có công năng đưa hành giả đạt đến trạng thái “nhất tâm bất loạn”. Tâm lặng lẽ an nhiên không loạn động thì tất cả nỗi khổ đau, sợ hãi

đều vốn chỉ là vọng tưởng, là “huyễn” nên tự nó sẽ tan biến đi. Vĩnh không ngờ trong cơn lâm nguy chàng cũng phải niệm Quán Âm theo tinh thần tha thiết xin được cứu khổ cứu nạn như thường tình, và tuy tự thân chàng cảm thấy rất linh ứng, nhưng từ đó đến nay chàng không hề lạm dụng việc niệm danh hiệu Bồ Tát để cầu xin điều gì nữa cả. Khác với chàng, Mỹ hoàn toàn đặt niềm tin tuyệt đối vào Bồ Tát Quán Âm, mặc dù, nàng không đến nỗi tin tưởng theo kiểu thường trực cầu cạnh xin xỏ Ngài những quyền lợi cón con như một số đàn bà khác. Niềm tin đó đã phát xuất từ những nỗi khổ đau trong chuỗi đời ấu thơ đầy nước mắt của nàng. Nàng thường đoan quyết rằng nếu không có Bồ Tát hiển linh cứu độ, thì nàng đâu còn sống sót cho đến ngày nay.

Cuối năm 1989, Vĩnh cùng vài cựu huynh trưởng Gia Đình Phật tử nhận lãnh công tác thiện nguyện hướng dẫn, thông dịch, đưa đón những gia đình thuộc diện con lai vừa đến Dallas, tiểu bang Texas định cư. Trong dịp này, Vĩnh có dịp tiếp xúc gia đình vợ chồng anh Nguyễn Văn Hợi cùng năm cô con gái tuổi từ 17 đến 22. Gia đình thiếu nề nếp nên mẹ con, chị em lúc nào cũng cãi vã, nói năng đôi xử nhau thô tháo bất chấp sự hiện diện của người lạ. Cô gái út tên Mỹ, người có giọng máu lai duy nhất, mặt mày tương đối xinh xắn, lại là đứa con ngỗ ngược hỗn láo nhất trong nhà, có lẽ, cô ta tự hào là nhờ màu da của cô mà mọi người mới đến được xứ sở văn minh này. Vĩnh đưa họ đi lập hồ sơ trợ cấp, tập lái xe, chỉ dẫn ghi danh khóa Anh văn buổi tối, nhưng chuyện học hành này coi bộ chẳng ai tỏ ra hào hứng cả. Vài tháng sau thì đám đàn bà đều chọn nghề may, tuy lương không cao, nhưng nhờ đông người cùng làm việc nên tiền bạc khá dồi dào. Anh Hợi lảm rảm vậy mà rất phong lưu. Anh chẳng cần bôn ba tìm kiếm nghề nghiệp nào cả, suốt ngày nhong nhong đi chơi, về nhà thì cứ tì tì nhậu nhẹt, mà nhậu toàn là thứ rượu whisky VSOP đắt tiền mới “oai” chứ. Có điều là anh phải chịu khó ngoáy hai lỗ tai cho sạch để nghe sáu cái mồm oang oác gấu ó tranh cãi nhau suốt ngày mà thôi. Từ dạo gia đình họ an cư lạc nghiệp, Vĩnh không lui tới nữa, nhưng thỉnh thoảng cũng nghe vài tin tức của họ : hai cô lớn lập gia đình, cô Mỹ lai ra riêng và anh Hợi vẫn sống mạnh sống hùng, tiệc lớn tiệc nhỏ huy hoàng. Bẵng đi hai năm, Vĩnh vô tình gặp cô Mỹ đưa cha đi chùa. Anh Hợi hóc hác, thân thể bệ rạc hẳn ra. Vĩnh lo lắng hỏi :

- Uả ! Trông anh có vẻ gầy yếu ! Anh có đi khám bệnh không anh Hợi?
- Ba tui đau nặng lắm chú Vĩnh à !, con bé rung rung nước mắt lên tiếng, rồi cô dặn nhỏ cha : “Ba nói chuyện với chú Vĩnh nha ! con trở ra sân trước lễ Phật bà một chút!”.

Vĩnh trầm nghĩ : “Không dè con nhỏ ương ngạnh hỗn hào này lại có thể nhỏ nước mắt thương khóc ông già ghê! Lạ thật !”. Anh Hợi lắc đầu chán nản, rồi đợi cô con đi khuất, mới cất tiếng thở than :

- Tội nghiệp con nhỏ ! nó đưa tôi đến chùa là để tha thiết cầu Phật bà phù hộ cho tôi hết bệnh. Mà hết làm sao nổi chú ! Tôi bị ung thư gan nặng “hết thuốc chữa”, “thầy chạy” rồi, thì còn mong cầu van xin gì nữa !

Anh chép miệng thở dài, rồi tiếp tục thều thào :

- Tui chết thì yên phận của tui, chỉ tội nghiệp cho con Mỹ, nó coi cút một mình một thân, chẳng còn một ai mà nương tựa!

Tuy không còu ý dòm ngó đời tư kẻ khác, nhưng tiếp xúc với gia đình anh Hợi một thời gian, Vĩnh đương nhiên biết rõ gia đình họ thuộc giới bình dân nghèo nàn thiếu học. Có lẽ họ không dư dả để đèo bồng thêm đứa con nuôi, vậy thì, con bé lai ắt hẳn phải là tác phẩm của bà vợ táo tợn, “nhảy dù” với lính Mỹ kiếm chút tiền nhằm cải thiện nếp sống bản chạt hàng ngày. Giờ đây, theo luận điệu của anh Hợi thì dường như bà vợ không liên hệ gì với cô con lai, trong khi anh chồng lại là ruột thịt, chuyện “tréo căng ngỗng” như vậy mấy ai mà tưởng tượng cho nổi. Vĩnh tò mò dò hỏi :

- Còn chị và mấy cô con lớn nữa chi ! Anh khéo xa lo quá!
- Oái ! Bà và tui nhòu kị con Mỹ lắm, nó chết sống mặc kệ, họ nào có kể số gì! Có lần tui năn nỉ bà thương con Mỹ một chút thì bà ó ré ồm tòi : “Nó đâu phải là con tui thì mắc mớ gì tui phải lo chứ?”

- Ủa ! vậy thì cô Mỹ là con của ai?

Anh Hợi lừng khừng đáp :

- Con của ai thì tui cũng không biết nữa !!!

Vĩnh chưng hửng trở mắt nhìn anh. Chắc chắn anh không đùa giỡn, nhưng sự thực thì sao? Vĩnh ngần ngừ muốn hỏi cho ra lẽ, nhưng thấy mặt mày anh buồn hiu nên ngại ngừng nín lặng. Anh Hợi trầm ngâm khá lâu như để lắng lòng tìm về với dĩ vãng, rồi bỗng nhiên như sự tĩnh lại, anh rỉ rả kể một hơi :

- Ngày cuối tháng tư năm đó, tình hình lộn xộn quá chừng. Tui đang “mần” hạ sĩ thợ máy tại Hải quân công xưởng Ba Son, công xưởng

cắm trại trăm phần trăm nhưng lính tráng trốn gần hết chỉ còn lại có mấy mống. Một thằng bạn thân quơ đầu được cái va li của ai bỏ lại, quăng cho tôi bộ đồ xi vinh để thay bộ đồ nhà binh, rồi mạnh ai nấy phóng lên xe đạp chuẩn đi. Tui là thứ tép riêu chẳng ra cái thá gì, mà sao hôm đó tui buồn tủi quá, tui bỏ đi không đành nên cứ lần quần đạp xe lòng vòng bôn binh chợ, bút rút ngóng nhìn cảnh đồ vỡ của dinh Độc Lập, Bộ Quốc Phòng. Rồi tôi lộc cộc đạp xe ngang qua Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ, tôi đang tò mò nhìn vào bỗng nghe tiếng đứa con gái nhỏ đứng xéo bên kia đường kêu khóc vật vã : “Hu... hu... Vú ơi ! Vú ! Vú đâu rồi ! hu hu...”. Tui chạnh lòng ghé lại dỗ cho con bé nín khóc, dò hỏi nhà cửa nó để đưa về dùm. Con bé còn nhỏ quá, mới chừng 5 tuổi, miệng tí lia đủ chuyện tào lao, mà hỏi đường về nhà thì ăn nói bất quàng, tui chẳng biết đâu mà mò. Con bé lai trắng trẻo dễ thương mặc quần áo đẹp, cổ mang giây chuyền vàng, mang “lắc” vàng, tai đeo khoen vàng... đứng một mình trong cảnh nhốn nháo này mà gặp kẻ gian thì nguy hiểm quá. Tui tính đứng chơi với nó cho đến khi người nhà nó tìm gặp thì mới yên bụng ra đi, nhưng tôi chờ hoài rồi cả ruột mà chẳng thấy ai. Chập lâu sau tui định bỏ đi, nhưng tui đi thì con bé khóc ré lên. Tui bỏ đi năm, sáu lần mà lần nào cũng phải quanh trở lại nên cuối cùng tui đành chờ nó đem về nhà tại ngõ hẻm lầy lội đường Lạc long Quân, quận 11, Saigon. Tui kể cho bà xã nghe chuyện của nó rồi nói “Trời Phật giao nó cho mình! thôi thì mình nuôi nó chớ làm sao bi giờ! có mắm ăn mắm, có muối ăn muối... tốn hao bao nhiêu đâu phải không bà!?” Mặt mày chù ụ, bả hậm hực : “Hứ! sao lại không tốn hao? Ai đời... Nhà nghèo mạt rệp chạy gạo nuôi bốn đứa con đã hụt hơi, mà lại còn mang thêm của nợ về báo đời nữa! ngu ơi là ngu!”. Tui nghĩ mình cũng ngu thiệt nên nói xui lơ : “Nói vậy thôi, chớ tui đâu tính nuôi nó mãi chi. Ngày mai tui chớ nó trở lại chỗ cũ, gia đình nó thế nào tìm gặp, chớ không lẽ người ta bỏ nó luôn sao?”. Cả tuần lễ liên tiếp, tôi đưa con béu trở lại khu Tòa Đại Sứ chờ đợi mà chẳng thấy ai hỏi han. Bà xã tui càng ngày càng gây gổ dữ dội hơn nữa, bả buộc tôi đem nó bỏ đại ra bôn binh chợ Saigon, sống chết mặc nó... Lúc đó, tôi chưa tìm ra việc làm, cơm canh từng ngày là nhờ bả cực nhọc buôn bán bánh kẹo tại trường tiểu học mà có, nên dầu bả làm trời làm đất gì tui cũng chẳng dám hó hé. Thế nhưng chuyện tống cổ một đứa bé con hỉ mũi chưa sạch ra khỏi nhà thì tui không đành lòng, nên tui cứ hứa cuội hoài hà, cuối cùng bả tức giận căm tuyệt không cho nuôi ăn nó nữa. Bà con lối xóm biết chuyện này, thương hoàn cảnh của cha con tui, nên ngày nào cũng có nhà nhín ra chút đỉnh cho con bé. Xin làm thợ máy không ai muốn, tui mang thùng đồ

nghe ra ngã tư cạnh quán cà phê của thím Bảy lãnh vá sửa xe đạp, mỗi ngày cũng kiếm được chút cháo, nên đỡ phải nhờ vả bà con chòm xóm. Mấy tháng sau, tui được thằng bạn bảo lãnh đi mượn được chiếc xích lô đạp. Chèn ơi! đạp xích lô mệt trần thân vậy mà có ăn lắm! Tiền tôi đem về mỗi ngày đủ xài, nên vợ tui không dẫn vật tui nữa, tui năn nỉ ỉ ôi mãi bà mới chịu nuôi con Mỹ. Cho ăn mà bà cứ hành hạ đánh mắng nó hà rầm hà, có lần quá tội nghiệp tôi xin bà nhẹ tay một chút chẳng dè bà càng làm dữ hơn nữa, nên về sau, mỗi khi thấy mặt mũi mó bâm đập, lưng và đít nó bị lằn ngang lằn dọc, tôi xót xa mà phải giả đồ như đui như điếc. Bảy nhứt là đám con tui lại hòa theo bà hiếp đáp con bé, tôi muốn khuyên dạy chúng mà cũng sợ bị vợ con trách là bênh vực người dung hơn con ruột nên cũng đành bỏ qua. Lâu lâu đâu được tí tiền tôi mang gởi thím Bảy cà phê, nhờ thím mua quần áo cũ, dày dép... cho con bé; thím Bảy tốt bụng và kín đáo, bao năm trời thay tôi lo con bé mà không hề lộ chuyện bí mật này. Kể ra, sống với gia đình tui thì cực khổ, nó lại bị hiếp đáp, nhưng lây lất mà sống rồi thì cũng qua. Hai năm sau, con Mỹ theo mấy chị đi học. Nó sáng dạ lắm, học xong cấp tiểu học nó đậu vào trường cấp hai. Vào năm nó đang học lớp bảy, tui gặp vận rủi, bị tai nạn lưu thông, chiếc xích lô gãy nát, tôi què giò phải ngồi một chỗ. Tiền bạc không có, mấy đứa nhỏ phải chia nhau đi làm : con lớn học may, đứa kế bán bánh kẹo tại trường tiểu học, đứa phụ giúp dì nó coi sạp vải, con Mỹ và chị Năm của nó đi bán vé số. Một hôm vợ tôi bị mất một số tiền dành dụm giấu ở dưới khạp gạo, bà đề quyết ngay là chính con Mỹ là thủ phạm. Con bé bán vé số về nhà, đang hí hửng khoe với tui là được một ngày hên, thì bị bà lôi vào tra vấn. Con bé vừa trả lời không biết, thì bà liền tát cho mấy tát tay nháng lửa, động đầu nó vô vách, hét lớn : “Mày chó ai vào đây, đừng có láo xược!”. Bà xét túi quần áo của nó, lôi được một số ít tiền. Con Mỹ giải thích tiền đó là tiền mà mấy người mua giấy số trúng thưởng cho nó, tôi tin chắc đó là sự thực, vì nó thường mua thuốc lá, mua bia cho tôi bằng tiền lì xì này. Thế nhưng vợ tôi nghĩ khác, bà tiếp tục đánh đập la hét : “Mày đừng có mong già mồm mà qua mặt tao! rõ ràng mày đã ăn cắp, mày xài đã đòi nên mới còn chừng đó”. Con Mỹ bị đòn đã quen, nó thường cắn răng chịu đựng cho đến bà hả giận thì mới được buông tha. Lần này, bỗng dưng nó lộ mắt nhìn bà, chăm chăm nói : “Trong nhà này, ai mà được bà cung thì mới biết chỗ bà giấu tiền, sao bà không nghi, không hỏi người đó?”. Câu trả treo đó khiến vợ tôi nổi sùng hơn nữa, bà đánh đập nó tơi tả, xé nát quần áo nó, rồi đuổi nó ra khỏi nhà. Con Mỹ bỏ đi ngay. Tui sốt ruột quá, muốn phóng theo để an ủi nó, nhưng cái cẳng đi cà nhắc

không bắt kịp. Tui đành van nài thím Bảy cà phê giúp tìm nó, cho nó ở đậu vài bữa. Thím Bảy an ủi tôi : “Anh đừng lo ! Nó lại đăng chùa chớ chẳng đi lang thang đâu! Ngày nào bán vé số về, nó chẳng ghé chùa làm công quả”. Nghe thím nói tui cũng yên bụng, nhưng không ngờ đến trưa hôm sau thì có dì ba Diệu Hỷ, làm công quả tại chùa Giác Viên báo tin : “Đêm qua con Mỹ vào chùa khóc lóc xin ngủ đêm, đến sáng người ta khám phá nó nằm lẫn lộn, bên cạnh còn chén thuốc rầy gần cạn, nên chùa vội cho chở nó vào bệnh viện Chợ Rẫy cứu cấp”. Tôi tức tốc nhờ đưa con lớn chở xe đạp đến phòng cứu cấp. Con Mỹ nằm thiêm thiếp, da trắng bệch như xác chết. Bác sĩ lắc đầu cho biết nó đã được bơm ruột, nhưng chất độc nặng quá nên mạng sống khó vẹn toàn. Tôi chết điếng, đứng sững như trời trồng, nước mắt chảy dài mà cảm họng không nói được tiếng nào. Con Hai cũng khóc ngất. Tới giờ phút này nó mới chịu thú thiệt là nó đã lấy cắp tiền để sắm son phấn, xú chen, xì líp như đám bạn cùng trang lứa. Con Hai đã 18 tuổi, tuổi ham hố đua đòi chung diện, vợ tui vẫn biết nó thường rút rĩa tiền buôn bán nhưng cho đó là chuyện lật vặt nên làm lơ, dè dặt nó lại cả gan làm vớ này. Con Mỹ nằm im không nhúc nhích hơn sáu tiếng đồng hồ, ông bác sĩ ra lệnh cho y công : “Không cứu nổi đâu, hãy đưa nó sang Nhà Xác cho trổng chỗ!”. Tui thấy nó vẫn còn thoi thóp, nên van lạy ông Bác sĩ giữ nó ở Phòng Cấp Cứu thêm vài giờ nữa. Trong lúc rối rắm đó, tôi chỉ biết khóc ngất, nắm tay chân nó kêu réo : “Mỹ ơi ! Mỹ ! con ráng tỉnh dậy sống với ba ! Con đừng bỏ ba con ơi !”. Có khi thì tui quỳnh quít khẩn vái lung tung : “Con lạy Trời Phật, con lạy ông thần bà chúa, cô hồn các đấng... ai có linh thiêng ra tay cứu vớt cho con tui sống lại...”. Thành linh, mắt nó hơi động nhẹ rồi từ từ hé mở, một giọt nước mắt lăn ra. Tui mừng rú : “Con tui sống lại rồi! bác sĩ ơi ! bà con ơi ! con tui sống lại rồi !”...

Kể lại câu chuyện xưa mà anh Hợi đầm đìa nước mắt khiến Vĩnh cũng xúc động lây. Chàng cất tiếng phụ họa :

- Cô Mỹ mà sống lại chắc là do tình thương vô bờ của anh đó, anh Hợi à !
- Không phải vậy đâu chú, - Anh Hợi thật thà cãi - Khi tỉnh, con Mỹ kể lại như vậy nè: “Tự nhiên con thấy con khỏe nhẹ bay bổng lên, con không nghe đau đớn gì nữa. Từ trên cao nhìn xuống con thấy ba kêu khóc vái van, con cũng thấy bác sĩ, y tá lảng xãng bên xác con nữa. Có mấy đứa nhỏ mặc áo đỏ rủ con đi chơi nhưng con thấy ba khổ sở quá chừng, con thương đứt ruột đi chẳng đành. Con ráng nói lớn “Ba đừng buồn ! ba ơi !”, mà sao ba hồng nghe. Bỗng nhiên con thấy Phật

bà Quan Âm giống y chang như bức tượng tại chùa Giác Viên, đến xoa đầu con rồi bảo : “Con thương ba con lắm phải không?”. “Dạ!”. “Vậy con hãy trở lại sống với ba con đi!”. Phật bà dẫn con đến bên cái xác, xô nhẹ con, con giựt mình nghe đau nhức rụng rời, rồi con ráng mở mắt ra...”

-
- Kể đến đây, anh Hợi bỗng thở dài rồi buồn hiu than :
- Nó chẳng nở bỏ tui, mà bi giờ thì tui có muốn sống hoà với nó lại không được !
- Vĩnh đang nghe chuyện xưa hấp dẫn, sợ anh Hợi lạc sang đề tài khác, vội lên tiếng :
- Sau khi tỉnh lại, cô Mỹ ở đâu vậy anh?
- Ồ ! con Mỹ muốn về chùa Giác Viên, nhưng sau vụ tự tử, chùa sợ trách nhiệm nên không dám lãnh, tui đành phải đưa nó về nhà. Vợ tui nó quê quê vụ nghi oan nên cũng đỡ xéo xắt. Mấy tháng sau thì có tin đám con lai được cho đi Hoa Kỳ, từ đó, nó không còn bị hà hiếp nữa. Có gia đình dọ dẫm tui, đề nghị trả một số tiền to để họ lập hồ sơ diện con lai chung với con Mỹ, mà nó thì nhứt quyết chẳng đi đâu cả nếu thiếu tui. Vợ con tui ham xuất ngoại quá, hè nhau xúi tui lo lập hồ sơ. Tui làm trật tới trật lui, nên phải đến ba năm mới tới đất nước này. Qua đây, đời sống sung sướng ai cũng vui vẻ, không ai hiếp đáp ai được, vậy mà không dè lại có chuyện để họ gây lộn lùng tùng phèo khiến tui điên cả đầu.
- Ủa ! còn chuyện gì trục trặc vậy anh?
- Số là như vậy nè ! hồi tôi lượm con Mỹ thì nó có mang khoen tai vàng, tấm “lắc” vàng, sợ giây chuyện vàng cùng với tượng Phật bà bằng cẩm thạch. Sau lưng tượng trên phần bọc vàng có khắc chữ Amy 112070. Tôi mang hỏi mấy người rành chữ nghĩa, thì họ nói Amy chắc viết tắt Ành Mỹø tên con bé. Khi vừa gặp nó, nó cũng xưng tên trại trại như vậy nên tôi yên chí gọi nó là Mỹ. Còn sáu con số người ta đoán đó là số mật mã nhưng ý nghĩa nhưng thế nào không ai rõ.
- Sáu con số này có lẽ là ngày sanh : 20 tháng 11 năm 1970 đó anh. Người Việt mình viết ngày rồi mới tới tháng, nên nếu còn ở trong nước chắc tôi cũng không nghĩ ra. Ủa! chuyện khắc chữ nghĩa này sao lại khiến gia đình anh xào xáo kia?
- Ồ ! nó về ở nhà tui thì bà xã tui lột hết mấy thứ đó, bả cho biết gạo hết sạch rồi, hãy đem bán mớ vàng này lấy tiền nuôi con. Tui nghĩ tượng khắc chữ và số là chứng tích mà gia đình nó làm dấu, nếu bán mất đi thì sau này nó khó tìm lại cha mẹ ruột. Vì vậy, tui bán đứt mấy thứ kia, còn tượng cẩm thạch thì tôi cầm đỡ cho thím Bảy để lấy đủ tiền

nap cho bả. May mắn là sau đó tui tìm được nghề đập xích lô, tui chắt mót lần lần gom đủ tiền chuộc lại cái tượng. Mang tượng về dẫu là chuyện khổ dài dài đó chú; chôn dẫu ở ngoài thì sợ mất, cất trong nhà thì sợ bả biết. Bả mà biết thì chắc tui cũng bị bả tổng ra khỏi cửa huống chi là con Mỹ. Mang tượng qua tới đây, chờ dẫu đó yên rồi, tui lên đưa cho con Mỹ, dặn phải giữ kín. Tượng giao tượng thì khỏe thân, nào ngờ mẹ con nó cãi lẫy với nhau, con Mỹ bới chuyện xưa trách móc rồi còn trưng cái tượng Phật để làm bằng. Bà xã tôi tức như điên, nhưng không hoạnh hợ con Mỹ được, thành thử bao nhiêu tội lỗi bả trút lên đầu tui hết, bả cà riêng cà tôi cần nhằn chửi bới tui tới ngày, tui chịu đời hết thảy vậy đó.

- Câu chuyện kết thúc thì Mỹ cũng vừa lễ Quan Âm xong, nàng cho biết cần phải đi giao và nhận đồ may cho kịp giờ hẹn, nên hấp tấp đưa cha ra xe. Vĩnh vội hỏi với theo :
- Anh còn ở chỗ cũ không? Vài bữa nữa tôi sẽ đến thăm anh, anh thấy có tiện không?
- Anh Hợi thoảng ngần ngừ, rồi đáp :
- Ổ... vẫn còn ở chỗ đó. Khi nào rảnh, mời chú đến chơi. Tuy hẹn là vài ngày nữa mới ghé thăm nhưng ngay hôm sau Vĩnh đã lần mò tìm đường đến nhà anh Hợi tại chung cư Vineyard đường Pleasant Run, Irving. Trước kia chàng đánh giá anh Hợi rất tầm thường, giờ đây khi biết được tầm lòng cao cả của anh - nghèo khó bần cùng, bị vợ chửi mắng mà vẫn mở rộng vòng tay đón đứa bé con về nuôi, gạo hết nhẵn mà vẫn không nỡ bán kỹ vật cuối cùng của nó...
- Vĩnh kính trọng anh vô cùng. Chàng nghĩ mình học Phật tu thân, nhưng nếu lâm vào hoàn cảnh tương tự chắc mình chỉ bảo vệ thân mạng mình, kể đó là vợ con cha mẹ mình, chớ làm sao hành được cái hạnh Bồ Tát như anh ta được. Con người tốt như vậy mà phải sống chuỗi ngày ngắn ngủi còn lại, trong sự buồn nẫu, lo âu thấp thỏm thì thảm thương quá. Do đó, Vĩnh hấp tấp viếng thăm mong tạo được sự gần gũi tối thiểu, nhiên hậu sẽ tùy cơ hướng dẫn anh thực hành pháp môn Niệm Phật làm hành trang cho ngày vĩnh viễn ra đi. Vĩnh đến mà không báo trước vì lỡ lạc mất số điện thoại, do đó, chàng ngần ngại đứng trước cửa một lúc rồi mới rụt rè bấm chuông. Chị Hợi mở cửa lò mắt ngạc nhiên.
- Chào chị. Xin lỗi đã đến thành linh. Có ảnh ở nhà không chị? Thằng chả không có ở đây ! Chả ở nhà con lai á !
- Cô Mỹ ở gần đây không chị? Xin chị chỉ đường cho tôi đến đó thăm ảnh có chút việc.
- Ai biết !

- Chị Hợi trả lời cộc lốc, kèm theo cái cửa đóng ập phũ phàng khiến Vĩnh sượng sùng lùi thối trở ra. Vĩnh đang vô vọng nhìn quanh, chợt thấy cô thứ Năm lái xe trở tới. Chàng mừng rỡ, cười “câu tài” lên tiếng :
- Chào cô Năm. Tôi đi thăm anh Hợi mà chẳng biết nhà. Cô có thể chỉ cho tôi được không?
- Chú lái xe trở ra, quẹo mặt đến dãy chung cư kế đây, số nhà 3480, tầng trệt, phòng số 2.
- Vĩnh đến nơi bấm chuông. Thấy chàng Mỹ đơn đả mời vào. Phòng khách trống trải chỉ có bàn ăn hai ghế ngồi vừa dùng để tiếp khách, anh Hợi ngồi ghế xích đu lúc lắc xem truyền hình, cạnh đó, là bàn máy may của gia chủ. Thấy anh Hợi uể oải nhòm dây, Vĩnh vội giơ tay ngăn cản. Chàng lên tiếng :
- Tôi đâu ngờ anh dọn qua đây với cô Mỹ?

Anh Hợi cười gượng chưa trả lời thì Mỹ đã ồng ồng chen vào :

- Cái con mẹ ác ôn nhieéc mắng ba tui đã đòi rồi quăng đồ của ông ra sân đó! chú ạ! Uá! làm sao chú biết được nhà này?
- Cô Năm chỉ đường cho tôi.

Để tránh dây dưa vào một đề tài chỉ đào sâu mỗi bất hòa trong gia đình họ, Vĩnh vội kéo ghế ngồi cạnh Hợi hỏi thăm bệnh tình, rồi gọi chuyện để anh nhắc nhở lại những kỷ niệm vui buồn của thời đi lính Hải quân. Từ ngày lâm trọng bệnh, mất thú nhậu nhẹt, bạn bè thua thớt dần, đã hằng lâu mới có người chịu khó nghe giải bày tâm sự, nên anh Hợi vui vẻ vô cùng. Anh hào hứng kể từ chuyện này sang chuyện khác, nỗi đờn đau buồn nằn gậy ra bởi chứng bệnh nan y cơ hồ biến mất. Khi Vĩnh từ giã ra về, anh cứ quỵn luyến nhìn theo tiếc nuối. Mỹ đưa Vĩnh ra tận xe, năn nỉ :

- Xin chú làm ơn tới chơi thường thường một chút. Có chú nói chuyện, ông già vui quá hà !
- Cô Mỹ à! Tôi nhận thấy thời giờ còn lại của anh Hợi rất ngắn ngủi, anh lại không có niềm tin nào để bám víu nên dễ sanh buồn phiền. Tiếc quá! giá mà anh có được niềm tin giống như niềm tin vào Đức Quán Âm của cô, thì chắc chuỗi ngày còn lại của anh cũng dễ chịu hơn!
- Đúng vậy đó chú Vĩnh! mỗi lần gặp chuyện buồn khổ tôi chấp tay trước tượng Phật Bà niệm danh hiệu của Ngài thì cảm thấy an ủi nhiều lắm! Chú Vĩnh làm ơn nói sao cho ông già tin Phật đi, chớ tui nói hoài, lần nào ông cũng cười hề hề hứa, rồi chẳng thấy ăn nhằm gì hết!

- Tôi cũng muốn cố gắng nhưng chuyện này khó lắm cô ạ! Điểm khó là niềm tin của con người phải xuất phát dựa trên cái thấy, cái cảm tự nhiên... cho nên nếu bị ép buộc, bị thuyết phục thì người ta thường có phản ứng trái ngược. Vì vậy, theo tôi thì mình phải tạo cơ hội cho anh Hợi yên chí rằng ảnh đến với đạo một cách tự nhiên thì mới tốt. Do đó, tôi không muốn anh Hợi nghi tôi đến chơi là vì ảnh và để thuyết pháp cho ảnh. Mình phải tìm một lý do nào khác mới được. Lý do gì bây giờ kia? Hay là ngày mai cô lên tiếng nhờ tôi dạy tiếng Anh mỗi ngày một giờ, để tôi có cơ đến chơi trò chuyện với ảnh. Sau đó, tôi khuyên cô đọc thêm sách Việt cho mở mang kiến thức. Tôi chọn cho cô đọc toàn sách có chuyện đạo vui vui, ảnh vô tình nghe, rồi mình sẽ tùy nghi bàn bạc rộng ra, biết đâu nhờ vậy mà ảnh tò mò tìm hiểu rồi sẽ tự tìm thấy niềm tin trong đạo Phật.

- Uà! chuyện đó tui làm được.

- Còn chuyện này xin làm phiền cô nữa đây. Anh Hợi kể rằng khi cô bị những người kia nặng lời thì anh rất đau khổ, ngược lại, nếu anh nghe cô dùng lời lẽ không đẹp ám chỉ họ, thì chắc ảnh cũng không vui. Tôi đồng ý với cô là họ không phải là người tốt, nhưng trước mặt ảnh khi nhắc tới họ, đề nghị cô nên dùng chữ nhẹ nhẹ một chút cho ảnh đỡ khó chịu. Được không cô?

Không che dấu nổi bất mãn, Mỹ nghe ngoáy bỏ đi vào nhà, chẳng thêm bớt lời nào nữa. Vĩnh ngại cô nàng còn bực bội nên chờ đến hai hôm sau mới lò dò tìm đến. Gặp chàng, Mỹ chẳng những không đổ quạu mà còn rối rít chào đón. Vĩnh cũng muốn lấy lòng nàng, nên tán tỉnh :

- Lần nào đến cũng thấy có hoa đẹp trên bàn thờ Quán Âm. Cô Mỹ thuần thành quá!

- Không tin thuần thành sao được chú? Ngày tui bị cái con ... ơ ơ... mà nuôi tui xua đuổi, tui tự tử kể như chết rồi, thì Phật Bà cứu mạng tôi đó.

- Danh hiệu của Ngài là Quán Thế Âm có nghĩa là vị bồ tát có hạnh nguyện lắng nghe tiếng kêu thương của thế gian để mà cứu khổ cứu nạn. Cô tin tưởng niệm danh hiệu của Ngài thì được linh ứng chớ sao?

- Chú Vĩnh cũng niệm Quán Âm hả?

- Tôi cũng niệm Quán Âm để học hạnh nguyện của Ngài, hầu mỗi khi nghe thấy ai buồn khổ thì ráng sức mình giúp đỡ họ. Điểm dễ thương của Bồ Tát là tùy theo ước muốn của chúng sanh mà hiện ra đủ mọi hình dạng để cứu giúp. Tôi cũng mong học theo đặc điểm này. Mình không hiện thành vua quan thánh thần được, nhưng nếu ai cần

người anh, người em, con cháu, bạn hữu ... thì tôi sẽ ráng lo lắng cho họ theo tư cách đó...

Hai người đàn ông lại tiếp tục chuyện trò. Khi nghe họ bàn đến những nỗi khó khăn thuở ban đầu tại xứ người, thì Mỹ chen vào than :

- Ở xứ người mà nói nghe không rành thiệt khô ! Mỗi lần đưa ba tui đi nhà thương, tui thiệt “sầu” mình! Chú Vĩnh à! khi nào chú rảnh chú nhín chút thời giờ kèm tôi tiếng Anh nghen chú!

Vĩnh còn đang ngần ngừ, thì anh Hợi đã năn nỉ :

- Chú làm ơn nhín chút thời giờ dạy cho con Mỹ, nghen chú!

- Được rồi, nếu cô có lòng muốn học thì mỗi ngày tôi sẽ dạy cô một giờ.

Theo đúng kế hoạch đã vạch sẵn, trong thời gian đầu sau phân dạy Anh văn, thì Vĩnh sắp lại tán gẫu với anh Hợi về những đề tài liên hệ đến quê hương mến yêu : chuyện xóm làng, sông nước, ruộng đồng, bánh trái, cá mắm... dài dài bất tận. Tuần lễ sau, nhân lúc Mỹ đi giao và nhận hàng may, Vĩnh gọi chuyện :

- Cô Mỹ mới học Anh văn vài ngày mà đã tiến bộ thấy rõ.

- Mấy bữa nay bỗng dung nó đi thưa về trình, xưng con, thưa ba ngọt xớt. Nó còn gọi vợ tui là má nữa ! Tôi thiệt khoái quá xá hà !

- Ô! mấy ngày trước, nhân bàn về những câu chào hỏi lịch sự của người Hoa Kỳ, tôi cũng nói thêm về lối thưa gửi lịch sự của người Việt. Chỉ có vậy mà mà không ngờ cô ấy có thể áp dụng ngay, nói năng dịu dàng liền, khá thật!

- Tui đã nói với chú là nó sáng dạ lắm mà!

- Cô ấy thông minh như vậy mà không học nhiều ổng quá! Tôi có ý chọn một số sách Việt để cô đọc cho tăng sự hiểu biết, nhưng sợ cô chán ngán rồi bỏ dở. Anh Hợi à! Cô Mỹ rất có hiếu, nếu anh chịu khó nghe, giả vờ thích thú, tôi tin cô sẽ hứng chí đọc thì lợi ích lắm đó!

- Chuyện ấy dễ quá mà! Tui sẽ làm theo ý chú.

Hôm sau Vĩnh mang vài tập truyện của hòa thượng Thiện Hoa và của sư bà Thế Quán như : Bài học ngàn vàng, Nét đẹp Đông Phương, Em mơ người hoang đảo..., để mỗi ngày Mỹ đọc một giờ cho cha nuôi nghe. Truyện viết dễ thương, cảm động, vừa hàm chứa nội dung đạo pháp sâu đậm, càng nghe càng hấp dẫn. Do đó, tuy lúc đầu hai cha con, người này vì người kia hi sinh giọng gạo tham gia, nhưng lần lần họ bị câu chuyện lôi cuốn. Họ theo dõi tình tiết, phê phán nhân vật,

trao đổi quan điểm... với sự góp ý của Vĩnh. Thế rồi, từ chuyện đời sang chuyện đạo, từ nhân vật tưởng tượng chuyển sang nhân vật có thực, ba người mặc sức bàn ngang tán rộng. Thời giờ bàn ngang tán rộng hấp dẫn quá, nên ngày nào Vĩnh bận việc về sớm, hai cha con buồn hiu. Đó là lý do mà cả hai cứ nài ép Vĩnh đến sớm, ăn cơm thân mật, để có thêm thời gian bàn bạc. Aên cơm mời mãi thì cũng ái ngại, nên Vĩnh gọi tiền cho Mỹ nhờ nấu cơm tháng cho tiện. Từ cơm nước tiền lần đến giặt giũ, Mỹ lo lắng cho chàng như một cô em gái. Bù lại, Vĩnh thay cô ta gánh vác việc đưa đón, hẹn ngày khám bệnh cho anh Hợi nên cũng bận rộn không kém. Tình thân thiết của Vĩnh và hai cha con cứ thế mà gia tăng theo ngày tháng. Diễn tiến tự nhiên khác là anh Hợi bỗng thích đi chùa lễ Phật, nghe Pháp. Anh quyết tâm dành quỹ đời còn lại để học Phật tu thân nên thường yêu cầu Vĩnh giải thích những điểm chưa thông suốt. Một hôm, nhân khi đọc truyện “Để lại cho vui” của sư bà Thế Quán, đến đoạn hai mẹ con sư bà hẹn sẽ gặp nhau ở cõi Tây Phương Cực Lạc, Mỹ bỗng ỡng ẹo :

- Ba à! ba con mình cũng ráng tu tập và hẹn nhau ở đó nghen ba!

Anh Hợi gật gù :

- Uà ! nhưng rùi ba tu không nên thân, bị đọa xuống địa ngục thì sao?
- Ba xuống địa ngục thì con cũng xuống theo đó!

Con bé chỉ nhỏng nhèo thôi, vậy mà, coi bộ anh Hợi tưởng thiệt. Anh ghen ngào hồi lâu mới than nhỏ nhỏ với Vĩnh :

- Chết cha tui rồi chú ơi! Con nhỏ này lỳ lợm lắm. Tui xuống địa ngục, nó cũng xuống theo chớ chẳng chơi đâu! Chú phải nói hết cho tui nghe cái vụ Tịnh Độ để tui ráng tu thì mới được.
- Có rất nhiều băng giảng về pháp môn Tịnh độ rất hay, tôi dự trù mang cho anh nghe rồi mình sẽ bàn thêm những điểm còn mù mờ. Tuy nhiên, để anh hiểu đại khái phần nào pháp tu này, tôi có thể nêu ra vài đặc điểm như sau : Theo luật nhân quả nghiệp báo, những tạo tác ta làm trong kiếp này và cả những kiếp trước sẽ quyết định cho hoàn cảnh và nơi chốn của kiếp tái sinh. Tu tịnh độ, trước hết có nghĩa là tu sửa thân tâm thanh tịnh, tức tạo nghiệp thanh tịnh để được sanh về cõi thanh tịnh tức tịnh độ. Sanh về cõi tịnh thì sẽ không còn còn khổ não, không còn tạo nghiệp ác để lăn lộn vào chốn địa ngục ngạ quỷ súc sanh nữa. Việc hành trì pháp môn này có thể tóm gọn bằng hai chữ “Niệm Phật”. Niệm có nghĩa là tưởng nhớ. Tưởng nhớ Phật có thể bằng quán tưởng, chiêm bái... hay bằng cách xưng danh hiệu của Phật. Phương pháp trì danh tức niệm danh hiệu Phật dễ nhất,

nên chur tổ thường khuyên Phật tử thực hành. Tóm lại, tâm mình luôn luôn tưởng nhớ Phật, không để tham sân si lôi kéo, lần lần được thanh tịnh nên sẽ tương ứng với tâm Phật mà sanh về cõi Phật.

- Mà mình phải niệm vị Phật nào cho đúng vậy chú?

- Theo nguyên tắc khi tưởng nhớ đến vị Phật nào thì sẽ gieo duyên với vị Phật đó, và có thể sanh về cõi tịnh độ của Vị Phật ấy. Tuy nhiên, vì cõi Tây Phương Cực Lạc Thế Giới của Đức Phật A Di Đà có nhiều nhân duyên với chúng sanh cõi Ta Bà, chur Bồ Tát trên cõi đó như Ngài Quán Âm, Ngài Thế Chí thường hóa hiện vào cõi Ta Bà để dẫn dắt, cứu khổ cứu nạn, ngoài ra, Đức Phật A Di Đà có 48 lời đại nguyện, trong đó có lời nguyện rằng nếu có chúng sanh nào trong lúc lâm chung niệm danh hiệu Ngài 10 niệm nhất tâm bất loạn, thì Ngài và thánh chúng sẽ rước về nước Phật. Vì vậy cho nên Đức Phật Thích Ca, Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Phổ Hiền và chur tổ đều ân cần khuyên nhủ Phật tử chúng ta niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà để cầu vãng sanh về cõi Cực Lạc.

- Niệm Phật để tu nghiệp thanh tịnh hầu sanh về cõi tịnh thì hợp lý rồi, nhưng còn cái vụ khi lâm chung chỉ niệm 10 tiếng mà được vãng sanh thì khó tin quá chú ạ! nếu vậy kẻ gây nghiệp ác suốt đời rồi đợi đến giờ chót niệm Phật mấy câu mà thành tựu thì dễ dàng quá, nhưng như thế thì luật nhân quả không giá trị gì hết sao?

- Mới nghe nói tưởng rằng dễ lắm nhưng nghiên cứu kỹ thì thấy không dễ như người ta lầm tưởng đâu anh. Niệm Phật nhất tâm bất loạn nghĩa là một lòng chí thiết niệm Phật không để bất cứ ý tưởng tạp nhạp nào xen vào thì ngay khi còn khoẻ mạnh, tâm trí sáng suốt mà muốn thực hành thành công đã là chuyện gian nan, huống chi là vào lúc lâm chung : thân xác đau nhức, đầu óc u mê rối loạn, khủng hoảng cùng cực... Chính vì điểm khó khăn đó, nên ngay bây giờ mình phải thực hành pháp Niệm Phật liền, niệm liên tục từ ngày này đến ngày kia, niệm cho tham sân si giảm dần, chuyện thị phi, chuyện hơn thua, lòng tham luyến cõi đời không còn nữa... có như vậy, thì tâm mình mới thanh tịnh phần nào, hầu đến giờ phút tới quan trọng là lúc lâm chung mình mới hội đủ phước duyên tinh thần mình sẵn mà niệm Phật nhất tâm bất loạn được.

- Tại sao giờ phút lâm chung quan trọng quá vậy chú?

- Chur tổ dạy rằng cận tử nghiệp tức là cái nghiệp tạo ra khi gần chết rất mạnh, nó quyết định con đường tái sanh của mình. Trong Phật sử có kể đến trường hợp một vị tỳ kheo trong phút lâm chung tham luyến cái y nên bị đọa thành rận, một vị hòa thượng tham luyến mía đọa thành sâu mía..., ngược lại có lắm người tu tập tâm thường nhưng lúc

cận tử chân thành tha thiết niệm Phật thì được vãng sanh. Điều này lúc đầu tôi không hiểu ra, nhưng khi tôi nhớ lại chuyện học trò thi cử thì nhận thấy có chỗ tương đồng. Có những đứa học trò chăm học suốt năm, nhưng đến giờ chót lại lêu lổng bê tha, làm bài thi bừa bãi nên phải lãnh kết quả bi đát, trong khi có đứa học trò kém nhưng đến cận ngày thi biết lo lắng học ôn dưới sự hướng dẫn của vị thầy giỏi, lại bình tĩnh và gắng sức làm bài thì vẫn có thể đỗ đạt. Tóm lại, dầu mình tu tập lơ mơ nhưng nhờ biết nương theo lời dạy của chư Phật chư tổ, một lòng tha thiết niệm Phật trong lúc lâm chung, thì tâm mình sẽ chuyển hóa gần gũi với tâm Phật, nên có thể được Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn về cõi Tây Phương Cực Lạc.

- Nè chú nói thiệt dùm tui nghen ! Dốt nát kém cõi như tui cũng có thể tu pháp môn này hờ chú !

- Được chứ anh ! vấn đề là một lòng một dạ chí thành niệm Phật, sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật” tiếp nối nhau không gián đoạn, không để cho chuyện vui buồn thương ghét của thế gian dao động, thì chắc chắn sẽ thành công. Tôi tin tưởng anh sẽ làm được.

Từ dạo đó anh Hợi phát nguyện hành trì pháp môn Niệm Phật. Anh vốn là người thực thà trung hậu, nên một khi đã xây dựng niềm tin rồi, thì cứ thế mà bền bỉ tu tập không một giây phút xao lãng. Thời gian ngắn sau anh bỏ rượu, rồi cũng nhứt quyết không nếm mùi vị cá thịt nữa. Càng niệm Phật, anh càng tinh tấn, anh không tha thiết đến chuyện đời, kể cả chuyện sống chết của chính anh. Những buổi mạn đàm tay ba trở nên thừa thãi nên lần lần chấm dứt. Vĩnh chỉ còn nhiệm vụ là kèm Mỹ học và khéo chuyện với nàng. Khéo chuyện với Mỹ độ rày rất thú vị, có lẽ nhờ nàng chịu khó học hỏi và cải tiến nên tính nết dịu dàng nhỏ nhẹ, chứ không còn ngổ ngáo hỗn hào như xưa. Một hôm, Mỹ bỗng chớp chớp đôi mắt nhìn Vĩnh, rồi ỡng ợ :

- Vĩnh à ! Vĩnh vốn hành hạnh nguyện Quan Âm nên nếu ai cần người anh, người em, bè bạn hay con cháu... thì Vĩnh cũng đóng vai anh em bè bạn con cháu của họ để lo lắng cho họ phải hông?

- Đúng vậy !

- Hồi trước ba cần người em nên Vĩnh hiện thân là người em chăm sóc ba, còn Mỹ cần người anh nên Vĩnh trở thành người anh dạy dỗ Mỹ phải hông?

- Ô ! thì Vĩnh cũng cố gắng hết sức mình vậy thôi !

- Giả tí như bây giờ, Mỹ cần một người... ơ ơ... người thương... thương Mỹ suốt đời thì sao? Vĩnh có hiện thân làm... ơ ơ... làm ... của Mỹ hông?

Mặt Vĩnh bừng đỏ như gấc, chàng chỉ ú ớ : “Ồ... ơ”, rồi im bất. Vĩnh vốn nhất gái lại bất ngờ bị Mỹ tỏ tình táo bạo nên đành tịt ngòi. Thật ra, Vĩnh đã lờ mờ hiểu phần nào lòng dạ Mỹ khi nàng bắt đầu thay đổi lối xưng hô mấy tháng về trước, và tự đáy lòng chàng cũng cảm thấy rung động trước người con gái khá ái này. Đây là vấn đề mà chàng đã từng đêm trăn trở suy tư, nhưng càng suy tư thì lòng càng rối ren không tìm ra đáp số. Mỹ nhí nhảnh duyên dáng, và tuy ngang bướng với thiên hạ nhưng rất phục tùng chàng, chàng ngậm tự hào rằng nhờ mình mà Mỹ đã thay đổi hẳn ra, và chàng rất yêu thích sự việc này. Tuy nhiên, chàng lớn hơn Mỹ một con giáp, tuổi tác, gia giáo, học thức, tính nết đều cách biệt... suy ra thì thật khó mà chung sống hạnh phúc, huống chi chàng đã lo lắng cho người là do hạnh nguyện Bồ Tát, nay nếu có tình ý thì té ra chàng đã hành động vì có mưu đồ sao? Vĩnh bối rối không hiểu nổi lòng mình, nên cứ im lặng. Chàng bỗng ngượng ngập mất hết tự nhiên. Mỹ tránh né hỏi han trực diện chàng, nàng đánh mắt về liêng thoáng thường nhật và lúc nào cũng trầm ngâm man mác buồn khiến lòng Vĩnh nao nao thương đứt ruột. Chiến tranh lạnh mà êm ái nồng nàn này mà kéo dài thì e rằng Vĩnh đành phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện quá. Thế nhưng, thỉnh linh bệnh tình của anh Hợi bỗng trở nên nguy ngập, cả hai phải thay phiên túc trực chăm sóc bệnh nhân thành thử chuyện đôi co tình cảm đành gác qua một bên. Trước đây, bác sĩ tiên đoán mạng sống anh Hợi chỉ còn sáu tháng, anh chống chọi đến tháng thứ mười bốn mới kiệt quệ là quá may mắn rồi. Anh phải uống những liều thuốc an thần cực mạnh để chống đỡ đau nhức, dù vậy mỗi khi tỉnh lại anh vẫn kiên trì niệm Phật không gián đoạn. Một hôm, đang chăm chú niệm Phật bỗng anh ra dấu cho Vĩnh đến gần, thều thào :

- Tui đang niệm Phật mà vừa nghĩ tới hoàn cảnh côi cút của con Mỹ thì lòng chộn rộn niệm trật vuột rồi!
- Anh có bề gì thì còn tôi lo lắng cho cô mà! Xin anh yên tâm niệm Phật đừng nghĩ chuyện gì khác!
- Chú lo cho nó suốt đời được không chú? Chú Vĩnh à ! Con Mỹ “mét” chú lắm mà không biết chú có “ung” nó không? Nếu chú thật lòng thương nó, chú hứa với tôi một tiếng thì tui yên bụng biết là bao?

Mạng sống anh Hợi đang đếm từng ngày, anh cần an tâm để tập trung niệm Phật, nếu Mỹ khó ưa thì Vĩnh còn nghi ngại, đành này nọ dễ thương quá mà. Vĩnh vội vã đáp :

- Hứa ! tôi hứa chắc ! Xin ... yên tâm !
- Nhớ lo đám cưới càng sớm càng tốt nghen Vĩnh. Không cần chờ mãn tang hay cũ kiêng gì ráo mà phải kéo dài nhé!
- Dạ !

Mỹ đứng sau lưng chàng tự lúc nào, nghe đối thoại trên, hớn hờ “háy” chàng một cái bén ngót, rồi thủ thỉ bên tai :

- Thật dễ... ghét! ý được người ta thương nên làm bộ làm tịch. Sao không giỏi làm thính với ông già đi?

Sau khi phó thác cho Vĩnh cục nợ đời, anh Hợi tiếp tục thành khẩn niệm Phật, không màng đến tâm đến bất cứ chuyện gì khác nữa. Có những lúc bị cơn đau nhức hành hạ oằn oại, nhưng anh vẫn gắng giữ vẻ tươi vui, môi mấp máy không rời sáu chữ Di Đà. Hai tuần lễ sau thì anh từ trần. Anh ra đi thanh thản nhẹ nhàng , miệng cứ như đang mỉm cười và có rất nhiều triệu chứng vãng sanh khiến cho người ở lại rất đổi vui mừng.

Tang ma xong, Vĩnh lập tức liên lạc về Việt Nam xin mẹ cho phép lập gia đình. Được mẹ chuẩn y, chàng tức tốc tiến hành hôn lễ theo nghi thức Phật Giáo tại ngôi chùa địa phương, trang nghiêm và giản dị, với sự hiện diện của một số ít thân hữu của chàng, bên vợ thì chỉ có chị Năm tham dự mà thôi. Đám cưới hấp tấp có thể là đề tài hấp dẫn cho người đời biếm nhẽ, nhưng thà vậy còn hơn chàng phải phập phồng lo lắng cho người vợ bé bỏng thân gái một mình ngụ tại một chung cư tồi tệ nằm trong khu vực kém an ninh.

Đúng theo kế hoạch đã vạch sẵn, Vĩnh khuyến khích vợ bỏ nghề may để ghi danh học toàn thời gian tại trường đại học cộng đồng North Lake, nơi có những lớp học căn bản Anh ngữ và ngành nghề đủ loại dành cho những người lớn tuổi học vấn dở dang. Chàng dự trù, sau ba năm chuyên cần học hành, nàng sẽ có trình độ hiểu biết khá, hội nhập dễ dàng với đời sống xứ người, thì mới nghĩ đến chuyện tìm công ăn việc làm. Mặt khác, chàng cũng đưa nàng đến chùa sinh hoạt, hi vọng nàng sẽ trở nên một Phật tử thuần thành biết tu tâm dưỡng tánh và hộ trì tam bảo. Sau mấy tháng trăng mật thuận vợ thuận chồng chan hòa hạnh phúc, Vĩnh bỗng khám phá ra rằng kế hoạch “dạy vợ” của chàng có những điểm trục trặc to lớn. Đúng ra, về phương diện “học làm sang” : giao tế, xưng diện, nói năng tiếng người và tiếng Việt... thì Mỹ tiến bộ vượt bậc. Chỉ cần một thời gian ngắn thì những nét quê mùa thiếu học biến dạng, nàng tạo được vẻ bề ngoài nhã nhặn, khá

ái, lịch thiệp, mộ đạo... khiến kẻ bàng quan ai cũng nức lòng khen ngợi. Ai chẳng cho rằng Vĩnh có đại điểm phúc được cô vợ trẻ đẹp và ngoan, ngờ đâu chàng đã phải nuột cay ngậm đắng dai dẳng vì nàng. Nguyên nàng bị đẩy ra cuộc đời quá sớm, tự mình phải chống chọi phần đầu để sống còn, nên lòng dạ nàng dường như bị biến dạng sứt mẻ bởi những vết thương rướm máu từ thuở ấu thời. Nàng giống như một trái xoài non choẹt mà bị hái đem “dú ép”, bề ngoài láng mượt vàng hực hấp dẫn, mà bên trong thì chua lét xăng lè. Vĩnh có ước nguyện hành Bồ Tát hạnh, nên tuy làm việc lương bổng khá, mà vẫn giữ nếp sống giản dị đạm bạc, để dành tiền giúp đỡ mọi người không kể thân sơ. Thế nhưng, tính Mỹ lại quá sức cần kiệm, nàng đã trải qua quãng đời thơ ấu nhọc nhằn, lúc nào cũng thiếu thốn, nên ôm chặt túi tiền, chẳng để rơi rớt đồng nào. Thế rồi, bằng cách này hay cách khác nàng kiểm soát tiền bạc cẩn thận chẳng để Vĩnh tự do chi dụng nữa. Lần hồi, ngay như chuyện gởi tiền cho mẹ một ít Vĩnh đã gặp khó khăn, đôi khi còn phải gánh chịu giận hờn nặng nhẹ, thì làm sao chàng có thể mang tiền ra bố thí cho người dung kẻ lạ như ngày xưa nữa. Nàng dễ giận dễ hờn, thù ghét ai thì dai dẳng không nguôi. Mỗi lần nhắc đến má nuôi và ba chị lớn, lửa hờn của nàng bùng lên hừng hực tưởng như nếu nàng được bằm nát xác họ ra thì mới hả. Nét giận đã ghê gớm mà nét ghen tuông cũng ngoại hạng nữa. Không những nàng chỉ ghen với đám đàn bà con gái trong lứa tuổi người đàn ông có thể lên phén, mà nàng còn ganh tị luôn với thân nhân bè bạn của chàng không chừa một ai. Nói khác nàng muốn tất cả tình cảm của chàng phải dành trọn cho nàng, không chia xẻ chút xíu nào cho người khác, dù đó là đối tượng mà chàng phải xử sự vì bổn phận hay vì thương hại. Nàng rất mực yêu thương chồng, nhưng khi đã nổi cơn ghen thì hỗn hào bất chấp lẽ phải, thành thử chàng đành giảm bớt giao du để tránh cảnh gia đình xào xáo. Lầm lẫn lớn của Vĩnh là tuy trước kia vẫn biết bẩm tính xấu xa của nàng, nhưng lúc đó, nàng ngoan ngoãn quá, chàng nói điều gì nàng cũng nhút nhút nghe theo nên tưởng nàng dễ uốn nắn lắm. Chừng rước nàng về rồi thì “Bụt trong nhà không thiêng”, nàng lại chủ trương vợ chồng ngang hàng nhau đủ mọi khía cạnh kể cả sự hiểu biết nên nếu chàng ra vẻ khuyên bảo thì chẳng những nàng không nghe mà có khi còn làm nghịch lại nữa. Vì lẽ đó, Vĩnh không bao giờ bàn chuyện đạo với vợ. Mỗi người tùy nghi chọn nếp sống tâm linh phù hợp với mình. Chàng cố gắng ăn ở sao cho đạt dào tình nghĩa mà vẫn tròn đạo hạnh, rồi ngày ngày chỉ biết chí thành lễ Phật sám hối cầu Phật từ gia hộ cho nàng. Mặt khác, chàng thường xuyên chọn những băng thuyết giảng giá trị của quý thầy chăm chỉ nghe với hi vọng những lời dạy đạo đó vô tình lọt vào tai nàng, may ra nàng sẽ lưu tâm đến chuyện tội phước nghiệp báo mà chuyển hóa phần nào chăng? Biết nàng tin tưởng Quán Âm, Vĩnh thường ca ngợi hạnh cứu khổ cứu nạn của Bồ Tát để ngầm nhắc nhở

nàng mở rộng lòng thương. Nàng mà bố thí chút đỉnh dù là với mục đích phô trương đạo đức, Vĩnh cũng trầm trồ tán thán mong nàng hứng chí bố thí thường xuyên hơn nữa. Thời gian đầu, nàng lập lại những lời thuyết pháp, nói chuyện tu hành rất thông suốt nhưng dường như tham sân tị hiềm chẳng mấy thay đổi. Mấy năm sau, bỗng dung dấu hiệu chuyển biến tâm tư của nàng xuất hiện. Có lẽ, sau khi ra trường, làm cán sự kiểm lượng cho công ty điện tử, lương chồng lương vợ dồi dào, nhà cửa khang trang, tiền bạc thừa thãi nên lòng nàng cũng rộng rãi ra. Khúc quanh thay đổi tâm tính của nàng, đúng ra chỉ thật sự bắt đầu sau chuyện về thăm quê hương. Vĩnh đưa vợ về thăm mẹ, đồng thời cũng để liên lạc với một số người tự nhận biết những tin tức liên quan đến gia đình Mỹ. Chàng đã nhờ thân nhân trong nước đăng báo và rải truyền đơn hậu tạ cho ai cung cấp manh mối về thân nhân của một đứa bé bị thất lạc tại Tòa Đại sứ Hoa Kỳ vào ngày 30 tháng tư năm 1975. Để tránh trường hợp đoán mò, Mỹ lách mặt, chỉ để một mình Vĩnh tiếp xúc cả năm người đưa tin : ba người cho biết đứa bé là trai, người thứ tư mô tả cô bé khác màu da, người cuối cùng chỉ đúng màu da nhưng nói rằng đứa bé còn nằm nôi. Thất vọng, Mỹ đành quay về dĩ vãng bằng cách đưa chồng về thăm xóm cũ tại đường hẻm đường Lạc Long Quân, quận 11. Thím Bảy cà phê và vài gia đình láng giềng vẫn còn sống lây lất ở đó. Họ tíu tít vây quanh Mỹ, trầm trồ ca ngợi nàng, khiến nàng hả hê mở bát hồ bao không tiếc rẻ. Vĩnh gạ gẫm đưa vợ đi viếng thăm cô nhi viện và Trung Tâm Khuyết Thị. Tại đây, Mỹ có dịp quan sát được hành hoạt của những vị Bồ Tát vô danh âm thầm dâng hiến cả cuộc đời mình hàn gắn vết thương đau cho đồng loại. Tại đây, nàng cũng thấy nghe hoàn cảnh cơ cực của những đứa bé mồ côi bệnh hoạn, tật nguyền, trí độn... đang thoi thóp sống, những kẻ đui mù mù mẫm mà vẫn hồn nhiên lao động vui tươi. Và lần đầu tiên trên đời, trái tim chai đá của Mỹ bỗng xúc động thực sự. Nàng hốt nhiên phát nguyện học hạnh Quán Thế Âm Bồ Tát, lắng nghe tiếng kêu thương của thế gian để hết lòng cứu khổ. Từ dạo đó, Mỹ bền bỉ phát triển lòng từ bi. Lúc đầu, mỗi khi hành hạnh nguyện này nàng còn suy tính so đo, nhưng càng bố thí nàng càng cảm thấy có niềm vui đạo vị mệnh mang tràn ngập, nên nàng cứ tiếp tục mãi và lần lần trở nên thuần thực tự nhiên không cần phải gượng ép cố gắng nữa. Một khi tình thương đã mở rộng thì những tính tốt khác cũng tiên bộ lên, ngoại trừ lòng thù ghét của nàng đối với má nuôi thì vẫn bám chặt không nguôi. Một hôm Vĩnh nhận được hai cặp chữ dùng làm đề tài tu tập là : “Lắng nghe” và “Nhìn lại”. Chữ viết là bút tích của thầy Nhất Hạnh, hằng năm thầy vẫn đưa ra đề tài mới, vàø Làng Hồng gởi đi khắp nơi cho Phật tử để tùy nghi. Thông thường Vĩnh cất giữ các bộ chữ này trong tủ sách để thỉnh thoảng đem ra suy gẫm. Lần này chàng đóng khung cẩn thận treo trên

tường rồi cứ ngắm nghĩa mãi. Ngạc nhiên trước thái độ long trọng của chàng, Mỹ thắc mắc :

- Bộ chữ này có điểm gì đặc biệt mà coi bộ anh trân quý hơn các bộ chữ năm trước?
- “Lắng Nghe” tượng trưng cho hạnh nguyện của Bồ Tát Quán Thế Âm : lắng nghe tiếng kêu thương của thế gian để mà cứu khổ. Em đã hành hạnh nguyện cứu khổ cứu nạn rất tích cực nên anh treo thông điệp này lên làm món quà quý để ca ngợi em.
- Nghe chồng tán tỉnh, Mỹ thích chí cười lớn lên, rồi hỏi tiếp :
 - Cặp chữ này thì em hiểu được, còn cặp chữ “Nhìn lại” theo em thì nó có vẻ mâu thuẫn sao đó! Anh nghĩ coi, quý thầy dạy mình phải giữ chánh niệm, phải sống trong hiện tại, không thả tâm dun rủi tương lai, không đem tâm đào xới lại quá khứ, vậy thì nhìn lại có còn hợp lý không?
 - Nhìn lại có nghĩa là nhìn lại con người thực của mình, quán sát từng động niệm của tâm mình để biết tâm có đắm nhiễm tham sân si không, nói khác, nhìn lại để biết lỗi mình đã gây ra mà sám hối sửa đổi. Cũng là nhìn lại, nhưng nếu đào bới quá khứ để tham sân si sinh khởi thì sai lầm vì nó chỉ tạo cho ta phiền não chớ chẳng ích lợi gì. Ngược lại, nếu ta thành khẩn nhìn lại hầu thấy rõ được lỗi mình để sám hối sửa đổi và thấy được cái tốt của người để tùy hỉ tán thán, thì điều đó chính là hành hạnh nguyện thứ tư và thứ năm của Bồ Tát Phổ Hiền. Anh có kinh nghiệm cá nhân như thế này : Hồi nhỏ má gọi anh lên Saigon ở nhà cậu ba đi học, cậu thương chị nên cho ăn ở miễn phí. Điều đó khiến mợ ba không mấy bằng lòng, mợ thường khe khẽ rầy rà anh, còn anh vốn đã ghét mợ nên cũng lời qua tiếng lại chẳng mấy nể nang. Một hôm mợ ba to nhỏ thế nào mà cậu nổi giận la rầy anh. Anh nghĩ mình oan ức nên cũng ỏng ỏng trả lời, khiến cậu bực tức đuổi anh đi, từ đó, anh rất oán hận mợ. Mãi đến khi anh may mắn học hỏi Phật Pháp, anh lại có duyên với hạnh nguyện Phổ Hiền nên hằng quán sát lại mình để sám hối lỗi lầm, đồng thời, tập thấy được công đức của người để tùy hỉ tán thán. Nhờ vậy, khi nhìn lại câu chuyện ngày xưa thì anh lại có những nhận định khác hẳn. Trước hết anh nhận thấy mợ ba đã nuôi anh ăn học, đã phải chịu đựng cái tuổi thiếu niên kỳ cục của anh cả năm trời là quá tốt, anh lại khám phá ra rằng anh có thói xấu là ăn nói với người lớn bừa bãi, rồi anh lại nghĩ anh phải xa cha mẹ sớm, chịu đựng vất vả có lẽ vì kiếp trước vụn tu, có thể trong kiếp trước anh đã từng gây cảnh mẹ con chia lìa nên cần phải sám hối lỗi lầm. Do sự “nhìn lại” này anh biết thương yêu kính trọng mợ Ba,

anh dè dặt lời nói, anh thông cảm với tuổi thiếu niên kỳ cục, anh lo lắng đùm bọc cho những đứa trẻ xa cha xa mẹ. Anh tu tập có chút đỉnh kết quả nhờ là biết “nhìn lại” nên rất trân quý thông điệp Phổ Hiền Bồ Tát hạnh này.

- Chừng hai tuần sau, bỗng dung Mỹ lên tiếng rủ rê :
- Anh à ! Bữa nay anh đưa em về thăm má một chút nhé !

Vĩnh giả vờ ngạc nhiên, nửa đùa nửa thật vặn hỏi :

- Uả ! em nói gì sao anh nghe lòng bùng lỗ tai quá vậy? Em cao hứng nói giỡn chơi với anh phải không?

- Em không giỡn mà cũng không cao hứng bắt từ đâu ! Em nghĩ suy cặn kẽ rồi anh à ! Trong hoàn cảnh sống khó khăn ngày đó, má vẫn chịu đùm bọc em, dù bà có khe khắc một chút thì cũng quý báu lắm rồi. Nếu em ở vào trường hợp của bà, thì với tánh nết ngang ngược của em, thế nào em cũng tống cổ đứa nhỏ ra khỏi cửa, anh không dễ dãi gì ngăn cản nổi đâu. Em mà có được như ngày nay là nhờ ơn của bà, thế mà em cứ ôm ấp hiểu lầm xưa rồi gây hấn với bà hoài nên càng tạo thêm lỗi lầm. Em lại nghĩ kiếp trước chắc em tạo nghiệp chướng nặng nề nên kiếp này phải lạc mẹ lạc cha, nếu nay em không phát lộ sám hối mà cứ tiếp tục đối xử tệ bạc với người mẹ nuôi thì nghiệp ác lại chất chồng thêm mãi... e rằng từ kiếp này qua kiếp khác em cứ phải chịu cảnh cô cút dài dài mà thôi.

- Đưa em đi thăm thì anh rất sẵn sàng, nhưng chỉ ngại mình đến thành linh như vậy, liệu có ai mở cửa cho em vô không?

- Anh yên chí lớn đi ! Em đã có tay trong rồi !

Vĩnh biết tay trong đó không ai khác hơn là chị Năm. Nguyên chị và Mỹ tuổi tác suýt soát nhau, thuở ấu thơ hai chị em đã học chung, chơi đùa chung... nên dù Mỹ có gay gắt với người khác, hai chị em vẫn giữ tình thân thiết và thường liên lạc với nhau. Mỹ vừa có việc làm tốt đã vội cạy cục lo cho chị được nghề thợ lương bổng khá tại khâu lắp ráp máy, cùng chung hãng điện tử. Có lẽ, Mỹ đã hội ý trước với chị để có đồng minh rồi, nên mới hăng hái như vậy. Đúng theo dự tính, khi Vĩnh lái xe vào chung cư, vừa đậu xe lại thì chị Năm đã lấp ló ở cửa, sẵn sàng mời vào nhà. Bà già đang ngồi xem truyền hình, vừa thấy Mỹ bước vào liền quay mặt chỗ khác, lật bật nhóm dậy định vào phòng trong. Chị Năm nắm tay bà kéo lại, kỳ kèo :

- Hai em lại thăm má mà, má bỏ đi đâu vậy?

Bà già có lẽ cũng nhớ rằng Mỹ là người tìm công ăn việc làm cho cô

con gái út nên vị tình con phải buộc lòng ngồi xuống, tuy vậy, bà vẫn giữ vẻ mặt lạnh lùng như cũ. Mỹ thừa hỏi đơn đả :

- Thừa má ! lâu quá con mới về thăm má ! má khoẻ không má !

- Hừ !

- Má à ! Đàn bà ở nước này khi lớn tuổi thường uống vi-ta-minh và chất vôi, nếu không dễ sanh bệnh hoạn nguy hiểm lắm. Con có mang hai chai thuốc này để cho má uống nè ! má nhớ uống mỗi ngày nha ! Còn đây là cái áo ấm, màu sắc tươi mà không hoa hòe má mặc chắc hợp lắm, con lựa suốt cả ngày mới được đó...

- Ai cần?

- Má à ! hồi trước con còn nhỏ dại không biết suy nghĩ nên giận hờn nói điều không phải với má ! Má đừng giận đừng buồn con nữa nghen ! Lúc nào con cũng nhớ công ơn ba má đùm bọc con mà ! Nếu không có ba má, con đã chết bở chết bụi chớ đâu còn sống đến ngày nay.

Mặc cho Mỹ nài nỉ, bà già vẫn đứng đưng như không để ý gì đến sự hiện diện của vợ chồng Vĩnh. Mỹ không nãn lòng, nằng vòng vo kể lể :

- Gần sở con có trường mẫu giáo, mỗi lần thấy mấy đứa nhỏ lãng xăng ôm tập đi học con nhớ ngày đầu tiên con đi theo chị Năm vào trường quá xá. Bữa đó con bị nhỏ Loan chọc ghẹo kêu con là đồ Mỹ lai. Con giận quá cào mặt nó. Nhỏ Loan tán con mấy tát tay xiềng niềng, đau quá con khóc sụt nước. Về nhà má thấy mắt con đỏ hoe nên tra hỏi, rồi má dẫn con đến nhà nhỏ Loan mắng vốn. Má xài xê ba má nó một trận toại bởi về tội không biết dạy con. Vụ này con khoái quá nhớ hoài, không biết má còn nhớ không?

Trận chửi bới đã đời đó là chiến thắng oanh liệt của bà thì làm sao bà quên được, nó lại phản ảnh y chang tánh nết bà : Bà đánh Mỹ mềm xương thì được, chớ ai mà động chạm tới Mỹ thì biết tay bà. Thấy bà lộ vẻ hài lòng, Mỹ tiếp tục khai thác chuyện xưa tích cũ :

- Má biết hông, hồi tháng trước con làm vườn bị dằm xóc vào tay đau điếng. Con nhờ anh Vĩnh lẻ lấy ra mà anh lẻ trật vượt hoài đau muốn chết luôn vậy đó. Vụ này nhắc con nhớ lại hồi con học lớp hai đó, con chơi đánh đũa bị xóc dằm khóc thút thít. Má chặm nước mắt cho con, rồi lẻ dằm cho con gọn hơ à !... Tự nhiên, lúc đó con nhớ má quá! con muốn về thăm má tức thời hà !..

Thật không ngờ câu chuyện lẻ dằm nhỏ nhặt này lại khiến bà già động lòng, bà cười mỉm, mắt chớp chớp, rồi âm áp cất tiếng : “Mầy nhớ sao

không về liền !”, rồi bỗng nhiên bà lạc giọng mếu máo : “Mấy năm nay tao cũng nhớ mày lắm mà mày đi biệt, đâu thèm về thăm tao?”. Bà đứng bật dậy, đến sát bên Mỹø ngắm nghía, sờ tay nắn chun nàng như sấm soi lại một kỹ vật xưa, rồi hỉ hả nói : “Chèn ơi ! hồi nào mày có chút xỉ hà ! Giờ thì mày lớn xộn, mày lịch sự quá hén !”

Sau chuyến viếng thăm hòa giải, Mỹ tiếp tục săn sóc bà, đưa bà đi mua sắm, đi pic-nic, đi ăn uống... nên hiếm khách ngày xưa hầu như biến dạng hoàn toàn. Thật ra, lúc đầu Mỹ gượng gạo ngọt ngào với má nuôi chỉ vì muốn “sám hối nghiệp chướng” mà thôi. Thế nhưng khi được Mỹ đối xử tốt thì bà già cũng đáp lại bằng tất cả chân tình, thành thử hai người ngày càng chu đáo lo lắng cho nhau, rồi lần lần thương nhau như ruột thịt. Mỹ thường thích thú thỏ thẻ với chồng : “Bây giờ thì em cũng có mẹ như người ta rồi! trong tình mẹ em khám phá được cả kho tàng hạnh phúc anh à !” Kho tàng đó Mỹ cứ tận hưởng dài dài không bao giờ chấm dứt. Chỉ đến năm sau nàng sanh được đứa con trai đầu lòng thì đã có bà thương yêu sớm hôm lo lắng cho cả hai mẹ con. Mỹ bắt đầu đi làm trở lại thì đã có bà giữ cháu, bà tưng tiu bông bế hun hít suốt ngày mà vẫn chưa đủ. Vào những ngày cuối tuần, bà còn réo Mỹ mang con tới cho bà nựng nịu, kéo một ngày không thấy mặt thì bà nhớ chịu không nổi. Mặc dầu đã tìm thấy tình thương ấm êm nơi bà mẹ nuôi nhưng lòng thương tưởng đối với gia đình huyết thống vẫn dằng dặc dày dò nàng. Nàng thường than : “Em đi làm chỉ xa con mấy giờ đồng hồ mà đã nhớ thương lòng lộn, từ đó suy ra mới thấu rõ tâm trạng của người mẹ mất con : cả đời phải sầu khổ triền miên ray rứt bất an. Tội nghiệp bà quá!” Dầu chuyện tìm mẹ vô vọng như mò kim đáy bể, nhưng Mỹ vẫn tin tưởng Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ gia ơn cho nàng. Nàng tha thiết ao ước có dịp đánh lễ và dâng trọn tấm chân tình mình lên vị Bồ Tát cứu khổ cứu nạn ngay tại thánh địa Phổ Đà sơn. Do đó, khi nghe có chuyến hành hương bốn thánh địa Trung Quốc do chùa Khánh Anh tổ chức, chẳng chút đắn đo, hai vợ chồng giao con cho bà ngoại nuôi lo lắng, rồi yên tâm ra đi.

Tám năm dài trôi nhanh như giấc mộng, tình nghĩa vợ chồng mặn nồng mà có lúc cũng đắng cay, đôi phen chàng tưởng chừng như phải bỏ cuộc, nhưng cuối cùng thì những cơn sóng gió đã qua. Mỹ thay đổi thật nhiều, ngày nay nàng dễ thương như con nai vàng ngơ ngác. Dễ thương được lúc nào hay lúc nấy, Vĩnh luôn dặn lòng là phải đề cao cảnh giác, vì con nai này bất cứ lúc nào cũng có thể biến thành con sư tử cái xé xác chàng như chơi! Mỹ nghèo đầu dựa vai chồng ngủ ngon

lành ngay từ khi biển động, nàng tin tưởng tuyệt đối vào Đức Quán Thế Âm nên giông bão thế nào cũng chẳng mấy may lo sợ. Vừa thức giấc, Mỹ liền kê tai chồng thỏ thẻ :

- Em chiêm bao thấy Phật bà ơi! Bà đứng trên mây, chung quanh có bầy rồng châu, ở dưới là biển khơi sóng chập chùng, bà đưa bàn tay lên thì sóng gió lặng yên liền, hình ảnh sóng động như thật vậy đó!

- Ô! đâu có gì lạ lùng! hai tuần qua, ngày nào em cũng chiêm bao hình ảnh Ngài nên trong chiêm bao hình ảnh Ngài hiện ra vậy thôi.

- Em đang nghĩ đến chuyện linh ứng mà anh bàn ăn trót gì đâu không hà ! Anh không thấy biển đã lặng yên rồi sao?

Thật ra thì thời tiết vẫn còn xấu, sóng giảm bớt lần vì tàu đã tiến vào địa điểm khuất gió nằm giữa quần đảo Chu Sơn. Tuy nhiên, nếu Mỹ muốn tin tưởng vào sự linh ứng thì cũng tốt, Vĩnh không tranh cãi làm chi. Chàng nói lảng qua chuyện khác :

- Xem kia ! dường như Phổ Đà sơn đã lộ dạng trước mắt! Đảo xanh tươi đẹp quá em hả?

- Mau quá há! Kể ra, mình hành hương như vậy dù gặp sóng gió chút đỉnh cũng sung sướng tột bậc nếu so với nỗi gian khổ của người xưa, ngồi ghe buồm chồng chành cả mấy ngày trên biển khơi đầy dẫy hiểm nghèo mới đến được thánh địa. Lòng thành của họ thật đáng phục anh hả!

- Đúng vậy ! điểm quý là ở lòng thành. Có lòng thành thì ở chốn nào cũng cảm ứng với Bồ Tát, còn kẻ thiếu lòng thành thì dầu suốt đời cư ngụ tại thánh địa cũng xa Ngài.

- Còn như đã có lòng thành, có niềm tin mà còn có duyên chiêm bái thánh địa như chúng mình, thì sung sướng quá phải không anh?

Trong niềm sung sướng vô biên đó, vợ chồng Vĩnh hớn hờ theo phái đoàn xuống tàu sẵn sàng đi chiêm bái. Sau chuyến hành trình gay go, nhiều vị lớn tuổi vẫn còn nhọc mệt rã rời, nên chương trình buổi chiều phải tạm đình hoãn. Thật ra, Mỹ cũng không khỏe lắm, nhưng tâm tình nàng tương tợ như đứa con đi về tới thôn xóm mà chưa đặt chân vào ngôi nhà thân yêu ôm chầm lấy mẹ thì nôn nóng chẳng yên. Do đó, nghỉ ngơi chừng một giờ nàng đã nhóm dậy đòi “xé lẻ” viếng chùa Phổ Tế. Đây là ngôi đại tự xây dựng tiên khởi và lớn nhất tại Phổ Đà, nằm dưới chân núi Linh Thứu, cạnh khách sạn và trên đường ra phố nên rất thuận tiện cho việc chiêm bái. Trước chùa là ao phóng sinh Hải Aán, ao rộng lớn lác đác những đóa sen hồng, vườu chiếc cầu dài

xinh xắn đưa ra ngôi nhà thủy tạ thơ mộng. Ngôi chùa cổ kính vừa nguy nga vừa vĩ đại, mái ngói nhiều tầng màu xanh hoặc vàng rực rỡ, kèo cột chạm trổ tinh vi và có rất nhiều điện, nhiều khu phòng. Hai vợ chồng tuân tự chiêm ngưỡng lễ bái từng điện một, bắt đầu từ điện Thiên Vương đến các viện Viên Thông, Văn Thù, Phổ Hiền, Già Lam, tổ sư..., sau đó, mới tung tăng quay trở lại điện Viên Thông. Các ngôi điện tại chùa Trung Quốc nói chung tuy rộng, nhưng lại tôn trí tượng thật lớn ở giữa nên phạm vi lễ bái bị thu hẹp, thường chỉ vừa đủ cho chừng vài mươi người tham dự mà thôi. Điểm bất tiện khác là Phật tử Trung Hoa được “cung chiêu” cho lễ Phật trên cái bục êm ái sạch sẽ. Bục chiếm nhiều chỗ trống, vừa chật chội vừa gây phiền toái cho nhóm Phật tử Việt Nam, vốn chuộng lối lễ bái gieo cả năm vóc sát đất, đầu mặt tay chân dơ bẩn, nhưng cảm thấy tha thiết chân thành hơn. Điện Viên Thông nổi tiếng là rộng không ước lường, bởi theo truyền thuyết điện có công năng co giãn thân bí tương tự như ngôi nhà của Ngài Duy Ma, vì vậy cả ngàn người lui tới kinh hành đánh lễ mà vẫn không thấy chật hẹp. Dĩ nhiên là Vĩnh không thể chứng nghiệm được sự huyền bí này vì đã đến chùa trong lúc vắng vẻ. Điện Viên Thông thờ Bồ Tát Quán Âm, tượng chính rất hùng vĩ cao 8 thước 8, ngoài ra, còn có 32 tượng nhỏ đường nét sống động mô tả 32 hình tướng biến hiện của Ngài thiết trí dọc theo vách hai bên. Mấy tuần qua, viếng chùa nào cũng thấy có điện thờ Quan Âm, nhưng giờ giấc ngắn ngủi, đông người mà phạm vi lễ bái nhỏ hẹp, nên chưa lúc nào Mỹ được thư thả chiêm bái vị Bồ Tát mà nàng hằng kính ngưỡng. Giờ đây, trong ngôi điện tôn nghiêm thanh vắng tại thánh địa thiêng liêng này, nàng mới có điểm phúc tự do tự tại chiêm bái. Nàng chấp tay ngắm nhìn, tha thiết dâng trọn tấm lòng chân thành lên Ngài, rồi long trọng quì xuống khẩn nguyện : “Kính lạy Bồ Tát Quán Thế Âm. Con xin học hạnh nguyện của Ngài, lắng lòng nghe tiếng kêu thương của chúng sanh để mà cứu khổ. Xin Bồ Tát ban cho con sức dũng mãnh để con có thể hoàn thành tâm nguyện của mình trong kiếp này và mãi mãi về sau. Con cũng xin Bồ Tát rủ lòng thương xót cho mẹ con con đoàn tụ. Mẹ con đã chịu nỗi khổ mất con giày vò bao ngày, chắc đã tàn tạ xơ xác lắm rồi. Xin Bồ Tát đun rui cho con gắp lại bà, chăm sóc bà hầu cho chuỗi ngày còn lại của bà đỡ hẩm hiu. Xin Bồ Tát chứng giám lòng thành của con! Xin Bồ Tát gia bị cho con!” Sau phần khẩn nguyện, nàng thông thả xướng 12 hạnh nguyện của Ngài để lễ lạy. Hết đợt này đến đợt khác, nàng chân thành chiêm ngưỡng lễ bái không ngừng nghỉ. Dầu vậy, khi đến giờ phải về khách sạn, nàng vẫn bịn rịn chẳng muốn rời bước. Trong niềm an vui ngập tràn, nàng thỏ

thẻ với chồng :

- Theo lý thì chân thành lễ Quán Âm ở chốn nào cũng giá trị như nhau, nhưng có lẽ khung cảnh ở đây thiêng liêng quá, nên khi lễ lạ em cảm thấy lòng mình rung động sâu xa khác thường, anh à!
- Anh cũng cảm nhận được niềm vui thơi thới em ạ!

Sáng hôm sau, vợ chồng theo phái đoàn viếng Viện Quan Âm Bất Khẳng Khứ (nghĩa là Quan Âm không chịu đi), xây trên ghềnh đá sát bờ biển. Đây là nơi mà sư Huệ Ngạc, người xứ Phù Tang đã tiên khởi kết am cỏ tôn trí tượng Quan Âm tu hành. Theo truyền thuyết, vào khoảng hơn một ngàn năm về trước nhà sư Huệ Ngạc, thỉnh pho tượng Quan Âm từ Ngũ Đài sơn dự định mang về nước bằng đường biển. Thuyền rời Ninh Ba đến quần đảo Chu Sơn thì bị vướng phải đá san hô hình dáng như hoa sen vĩ đại chặn lại không nhúc nhích chi được. Sư Huệ Ngạc bèn khẩn nguyện rằng nếu sư không đủ duyên để thỉnh pho tượng Quan Âm về Phù Tang, xin xui khiến đưa thuyền trôi đến nơi nào thì sư sẽ ở đó tu hành trọn kiếp. Sáng hôm sau thuyền trôi tấp ngay địa điểm này, nên sư liền dừng lại đây. Lúc đầu, thỉnh thoảng có vài ngư dân vô tình đến chiêm bái, họ cảm nhận sự linh ứng của Bồ Tát cũng như hâm mộ đức hạnh của sư Huệ Ngạc, nên loan truyền ra. Thế rồi, Phật tử xa gần nghe tiếng tấp nập tìm đến hành hương, họ cũng chứng nghiệm được sự cảm ứng nhiệm mầu nên đua nhau ca tụng. Từ đó, người ta tôn xưng hòn đảo vô danh là đạo tràng của Bồ Tát Quan Âm, và gọi tên đảo là Phổ Đà Lạc Gia. Tại đây, nhìn ra khơi khách hành hương còn có thể chiêm ngưỡng hòn đảo hình dáng như pho tượng nằm ngửa nhìn lên trời, sắc diện rất từ bi, mà ngư dân cho rằng Bồ Tát đã hiển linh nằm trấn giữ để ngăn cản bão tố xâm phạm đảo. Tiếp tục chương trình, phái đoàn chiêm bái Quan Âm Khiêu(2), nơi mà người ta tin tưởng rằng Bồ Tát đã đặt bước chân trên tảng đá, nhảy một bước vào đất liền, dấu vết chân to lớn lún xuống vẫn còn, rồi đến động Phạm Âm Hải Triều Âm(3) lắng nghe tiếng sóng gầm thét và tùy theo niềm tin và trí tưởng tượng của mình để khám phá ra nhiều hình dạng Bồ Tát ẩn hiện trên vách đá lồi lõm của động. Kế đó, phái đoàn chiêm bái đài Quan Âm Nam Hải lộ thiên. Đây là công trình tân tạo nguy nga vĩ đại vừa hoàn thành. Tượng Quan Âm bằng đồng cao 33 thước đứng trên nóc toà nhà rộng đủ sức chứa cả ngàn người kinh hành lễ bái. Tầng dưới bên ngoài có bốn vị Thiên Vương Hộ Pháp hùng vĩ, bên trong là tòa sảnh đường trang trí vô số công trình chạm trổ và điêu khắc công phu, vừa là chỗ tôn trí mười ngàn tượng nhỏ đủ mọi hình dáng. Công trình kiến trúc ở đây sắc sảo, mỹ

thuật, và rất sang trọng nhưng khi chiêm bái, Vĩnh cảm thấy lòng mình không rung động chân thành như những nơi khác, có lẽ, địa điểm này mới mẻ quá chưa kết tụ được tâm tha thiết thanh tịnh của nhiều thế hệ Phật tử hành hương như những nơi xưa cũ chẳng.

Buổi chiều, phái đoàn chiêm bái chùa Pháp Vũ, ngôi chùa ẩn trong rặng cây cổ ngân hạnh và tùng bá thâm u tịch mịch. Kiến trúc chùa mang sắc thái đặc biệt, các điện nối tiếp nhau từ thấp đến cao, cứ mỗi tầng là một điện, hai bên điện có những phòng ốc pháp đường, tầng cao nhất là tầng kinh các tức lầu kinh, nơi mà ngày xưa tổ thứ 13 của Tịnh Độ tông, Ngài Aán Quang đã ẩn tu hơn ba mươi năm trời. Ngày nay những kỹ vật của đại sư : phòng ngủ, giường chiếu, y áo của ngài vẫn còn giữ nguyên tại đó cho Phật tử chiêm bái. Cơ sở nổi bật nhất là điện Quan Âm Cửu Long với tượng Bồ Tát, dáng người nữ đứng trên tòa sen, chung quanh có chín con rồng uốn khúc, điểm đặc biệt là nhờ kỹ thuật đặt 2 tấm kiếng to xéo phía trước, nên khách hành hương dầu đứng hai bên hông vẫn thấy rõ như tượng đặt trước mặt mình. Danh từ Cửu Long rất quen thuộc với người Việt, mà pho tượng Quan Âm tại đây tương đối có nét gần gũi với mỹ thuật Quan Âm Việt Nam - Đặc trưng của Quan Âm Việt Nam là tượng toàn trắng, tha thướt đầy nữ tánh, nên Quan Âm Việt Nam thể hiện rất rõ rệt đức từ bi diệu hiền của bà mẹ -. Do đó, càng chiêm ngưỡng Vĩnh càng thấy lòng mình rung động khác thường. Nhìn sang Mỹ, Vĩnh thấy nàng đang ở trong trạng thái cực kỳ thương cảm, nàng hân hoan sung sướng mà nước mắt chảy ròng ròng như trẻ thơ khóc mẹ. Mỹ nói nhỏ đủ cho chồng nghe : “Kỳ diệu quá anh ơi ! Pho tượng Phật bà và cả 9 con rồng ở đây rõ ràng là hình ảnh mà em đã từng thấy trong giấc mộng ngày qua!”. Mỹ quyến luyến không muốn rời bước, nhưng cuối cùng cũng đành hấp tấp theo phái đoàn tiếp tục chiêm bái các tầng trên. Theo chương trình, sau khi rời Pháp Vũ phái đoàn sẽ viếng Phổ Tế, ngôi đại tự mà vợ chồng Vĩnh đã dành rất nhiều thời giờ chiêm bái rồi. Do đó, Vĩnh xin phái đoàn cho phép sẽ về khách sạn sau bằng phương tiện tự túc, hầu có thể ở lại, dành nhiều thời giờ chiêm bái điện Quan Âm Cửu Long. Tương tự như ngày hôm qua tại điện Viên Thông, hai vợ chồng Vĩnh khẩn nguyện, xưng danh hiệu Bồ Tát và chân thành lễ bái liên tục. Hai người chỉ tạm ngừng và bước ra ngoài điện để nhường chỗ khi có đoàn Phật tử khác tràn đến. Trong khi lơ đãng nhìn quanh, Vĩnh bỗng chú ý đến một người đàn bà đứng tuổi, gầy còm, lưng hơi tòm, phục sức sang trọng, nhưng vẻ mặt u ám thăm sâu vừa lầm lũi bước tới. Bà trang nghiêm thành khẩn thấp nguyên bó nhang

xá bốn phương cất lời khẩn nguyện. Bà khẩn vái hay ngâm nga tán thán Vĩnh không hiểu được, nhưng giọng bà tha thiết lạ lùng, nó chuyên chở sức truyền cảm mãnh liệt, nên dù không hiểu bà đang bộc bạch điều gì với Bồ Tát mà lòng chàng vẫn xốn xang thương cảm. Mỹ cũng bị thu hút bởi lời khẩn đó, nàng chăm chăm nhìn bà không chớp mắt. Thấy trong nhóm người Phật tử bản xứ, có anh chàng trẻ tuổi cũng đang ái ngại nhìn bà, Vĩnh lân la gạ chuyện cầu may :

- Chào anh ! anh biết tiếng Anh?

- Vâng ! anh cần chi ?

- Xin lỗi, anh có thể cho tôi biết bà kia đang cầu khẩn điều gì mà trông bà có vẻ đau khổ quá vậy?

- Bà thất lạc con. Bà van cầu Phật bà thương xót cho tìm gặp con!

Nghe hoàn cảnh khổ sở của người mẹ lạc con, Mỹ động lòng thương, ứa nước mắt lên tiếng :

- Xin nhờ anh nói với bà là nếu như bà cần thì tôi có thể tặng cho bà một số tiền để bà đăng báo và thuê người đi tìm con.

Anh ta ngần ngừ tưởng như sắp đồng ý, rồi chẳng hiểu vì lẽ gì bỗng lắc đầu bỏ đi. Có thể anh cần phải đi theo các bạn đồng hành vừa lũ lượt rời điện, hoặc anh ngại bị phiền nhiễu vì đã liên hệ trái phép với người ngoại quốc chăng? Thất vọng vì muốn giúp người mà bất lực, tuy không ai thốt lời nào, cả hai đồng lặng lẽ vào điện cung kính chấp tay cầu nguyện cho người đàn bà lạ mặt. Mỹ sụt sùi thương cảm khẩn : “ Bồ Tát ơi ! con là đứa trẻ lạc loài khổ sở, xin Bồ Tát đại từ đại bi đun rui cho con được gặp lại cha mẹ con. Bồ Tát ơi ! hoàn cảnh con đã khổ mà hoàn cảnh người đàn bà lạ mặt con này cũng thảm thương lắm. Lắng nghe tiếng bà khẩn nguyện, dù con không hiểu ngôn ngữ của bà mà con vẫn cảm thông được nỗi khổ não ray rứt triền miên mà bà đã chịu đựng những năm dài. Xin Bồ Tát cũng rủ lòng thương xót bà!”

Khẩn nguyện tha thiết của Mỹ có lẽ cũng khiến cho người đàn bà mất con cảm thông. Bà lễ Bồ Tát xong đang bước ra ngoài bỗng quay trở lại, chăm chú nhìn vợ chồng Vĩnh, lên tiếng :

- Xin lỗi ! cô cậu là người Việt Nam à !

Ở xứ người, bỗng gặp kẻ lạ mặt nói thông thạo tiếng mẹ đẻ quả là chuyện vui hy hữu như trúng vé số, Mỹ mừng rú lấp bắp :

- Cháu... cháu đâu ngờ đi biết nói tiếng Việt?

- Tôi cũng là người Việt. Đúng ra tôi là người Việt gốc Hoa, quê tôi ở Đà Nẵng.
- Bây giờ di định cư ở Trung Quốc sao?
- Tôi định cư ở Hoa Kỳ, nhưng có đứa em trai sống ở Thượng Hải. Vì tôi mất liên lạc với gia đình, nên khi em tôi vượt biên bằng đường bộ qua ngã Vân Nam, nó muốn xin định cư Âu Mỹ không nước nào nhận, đành phải chọn Trung Quốc làm chỗ dung thân. Sau này, tôi về Việt Nam, truy tìm được địa chỉ của em tôi nên năm nào cũng sang chơi với nó, nhân đó tôi thường đi hành hương Phủ Đà.
- Di thất lạc con năm nào, ở Hoa Kỳ hay nước nào khác? Cô cậu ấy chừng bao nhiêu tuổi rồi vậy di?

Nghe nhắc đến con, bà đang tươi vui bỗng chuyển thành sầu thảm, bà ngâm ngùi đáp :

- Tôi vào Saigon làm việc tại USAID rồi lập gia đình với người Hoa Kỳ sanh được đứa con gái. Vào năm 1974, khi chồng tôi thuyên chuyển về căn cứ quân sự tại Phi luật Tân, thì tôi đầu thầu được câu lạc bộ, cùng với dịch vụ giặt giũ, tổng vệ sinh... cho căn cứ. Công cuộc làm ăn tiến hành tốt đẹp, tôi không muốn bận rộn với đứa con nhỏ, nên mang về Saigon giao cho bà vú ở tại Ngã Sáu Saigon trông coi. Tháng tư năm đó, thấy tình hình trong nước khẩn trương tôi đã dự định về rước con mấy lần, nhưng cứ mỗi lần tôi chuẩn bị lên máy bay thì công việc làm ăn gặp rắc rối đành phải ở lại giải quyết nên cứ đình hoãn. Đến ngày 27 tôi mới hoảng hốt liên lạc bà vú, căn dặn bà phải dẫn con tôi chờ sẵn tại Toà Đại sứ liên tiếp trong hai ngày 29 và 30 hầu khi về tới nơi, tôi sẽ lập giấy tờ rồi đưa nó đi ngay. Không ngờ hai ngày đó máy bay không thể đáp xuống phi trường Tân sơn Nhứt. Tôi kẹt lại ở Vũng Các, rồi kể từ đó tôi không liên lạc gì được với bà vú nữa, và mất luôn đứa con. Ôai ! không biết bây giờ nó sống chết ra sao? Khổ cho con tôi biết chừng nào!

Bà ghen ngào khóc ngất. Mỹ ràn rụa nước mắt nhưng còn ráng kèm con thảo thức, nàng toan mở miệng mấy lần mà không thốt nên lời. Vĩnh cũng xúc động không kém, chàng cố gắng giữ bình tĩnh hỏi cho rõ :

- Con của di tên gì? có dấu tích gì đặc biệt để di nhìn nó không?
- Tôi đặt tên nó là Amy, sanh ngày 20 tháng 11 năm 1970, tôi mượn khắc chi tiết này trên cái tượng Quan Âm cho nó đeo... Òu nó có một mụn ruồi son to ở dưới rún á !

Mỹ mót tượng Quán Âm ở cổ chùa ra run rẩy nói :
- Di !... di xem...cái tượng... cái tượng ...này...

Bà lính quỳnh chụp tượng, sợi giây chuyền bị đứt mà chẳng ai lưu tâm. Bà lập cập lật tới lật lui bức tượng nhìn kỹ như không tin được đôi mắt của mình. Rồi bà sững sờ nhìn Mỹ, bà hấp tấp vạch bụng Mỹ nhìn dưới rún, rồi hai mẹ con ôm nhau khóc nức nở :

- Con ! Con đúng là Amy của má rồi ! Tội cho con tôi biết chừng nào ! hu ! hu...!

- Má thương! Ôai !má khổ sở cả đời tìm con ! má già yếu còm cõi chỉ vì con! Ôai! thương quá là thương! hu! hu!...

Vĩnh cũng tuôn tràn nước mắt. Trong màn nước mắt nhạt nhòa chàng bỗng nhìn thấy tượng Bồ Tát hào quang sáng ngời sống động như hiện thực đang đại từ đại bi rưới nước cam lồ cho pháp giới chúng sanh. Chàng xúc động đánh lễ không ngừng...

Tháng 4.2000

Ghi chú :

1. Phở Đà gọi đủ là Phở Đà Lạc Gia có nghĩa là Tiểu Bạch Hoa, là một hòn đảo nhỏ có diện tích 12 cây số vuông thuộc quần đảo Chu Sơn, tỉnh Triết Giang. Theo truyền thuyết thì vào khoảng năm 858, có nhà sư người Nhật pháp danh Huệ Ngạc đi chiêm bái Ngũ Đài sơn thỉnh được một tượng Quan Thế Âm định mang về nước. Khi tàu rời Ninh Ba một ngày thì bị giông tố cản trở, tàu trôi giạt đến một hòn đảo hoang vắng. Nhà sư nghĩ mình có duyên chôn này, nên thỉnh tượng lên đảo lập am tu hành gọi là Quan Âm Bất Khẳng Khứ (Quan Âm không chịu đi). Ngư dân vãng lai cúng dường, cảm nhận sự linh ứng của pho tượng Quan Âm, cũng như hâm mộ đạo đức của sư Huệ Ngạc, loan truyền ra. Hòn đảo nổi tiếng về sự linh ứng, được tôn là thánh địa Bồ Tát Quán Thế Âm và đảo vô danh được mang tên là Phở Đà sơn.

2. Quan Âm Khiêu : Gọi là khiêu có nghĩa là bước nhảy. Theo truyền thuyết, Bồ Tát đã từ tảng đá đỏ nhảy một bước đến núi Thiên Thai, tỉnh Chiết Giang viếng thăm chùa Quốc Thanh.

3. Phạm âm Hải Triều âm : Đây là một động tiếp giáp với nước thủy triều, những khi nước thủy triều dâng to, tiếng sóng vỗ rất hùng vĩ nên thoát tiên

được gọi là Hải Triều âm động, về sau, người ta còn gọi là Phạm âm động. Trên vách đá lồi lõm của động, với chút tưởng tượng khách hành hương có thể thấy ẩn hiện một hoặc nhiều hình tượng khác nhau. Theo truyền thuyết thì ngoài ảnh tượng trên vách, những Phật tử chân thành lễ bái còn thấy Quan âm hiển thánh phóng quang tại đây nữa.

---o0o---

NGƯỜI ĐẸP THOẢNG HƯƠNG SEN

Nghinh Xuân viện tọa lạc trên triền đồi thoai thoải, nép mình dưới những tàn cây rậm lá, vừa kín đáo vừa thơ mộng, và tuy tọa lạc giữa Tây Thành Bắc Kinh, nhưng lại không nằm trong khu phố ồn ào náo nhiệt, nên rất tiện cho các hàng vương tôn công tử âm thầm tìm đến hưởng thú phong lưu. Đoàn kiều nữ của Viện toàn là những người đẹp hương sắc tuyệt vời, tài nghệ đa dạng, và đặc biệt nhất phải kể đến nàng Tống Liên Hương, người được tôn là đệ nhất ca kỹ của thành Bắc Kinh. Tao nhân thuộc hạng hào phóng sang trọng phải bách hện trước mới mong được nàng tiếp đón. Nàng duyên dáng thùy mị dù chưa phải là hạng sắc sảo tuyệt trần, nàng cũng không điêu luyện các nghệ thuật ái ân, nhưng nàng lại ngấm quỳn rũ bởi hơi thở thoảng hương thơm hoa sen và âm thanh giọng nói êm ái ngọt ngào, lời ca thánh thót du dương khiến cho khách mê mẩn tâm thần, chỉ muốn gần gũi với nàng để nghe thanh âm tuyệt vời của nàng thổn thổ bên tai. Do đó, khách cầu cạnh nàng không hẳn nhằm mua vui xác thịt, mà đôi khi chỉ tìm những giây phút mạn đàm tao nhã, nâng tách trà và nghe nàng ca một khúc hành vân lưu thủy hay ngâm nga một áng thơ Đường. Hồ thuận An, vị thái thú trấn giữ ải Nhạn Quan và Ngũ Đài sơn, nhân chuyến về Bắc Kinh triều bái thánh thượng đã giả dạng thường dân đến Nghinh Xuân viện một lần, thượng quan lưu lại hàng giờ chỉ để trà đàm và nghe Liên Hương ngâm khúc Tỳ bà Hành của Bạch cư Dị và Phong kiều đại bạc của Trương Kế mà thôi. Không ngờ, nay thái thú lại phải thuộc hạ đến thương lượng với bà chủ để chuộc nàng ra khỏi viện, đưa về doanh trại hầu sớm hôm gần gũi. Nể trọng bực quyền thế, chủ nhân viện Nghinh Xuân không dám khước từ, còn thân phận bèo bọt của người kỹ nữ thì đâu có quyền góp ý. Thế là Liên Hương phải cấp tốc gói ghém hành trang, để sẵn sàng theo đoàn tùy tùng lên đường ngày hôm sau. Chuẩn bị ra đi mà lòng dạ nàng hoang mang cùng cực nên thỉnh thoảng nàng lại buông tiếng thở dài não nuột. Trong thời gian ngắn, nàng phải rời bỏ ngôi kỹ viện quen thuộc, bỏ bạn bè thân thiết, sao chẳng khỏi bùi ngùi tất dạ. Nàng thơ thẩn dạo quanh khu vườn, luyện tiếc ngắm nhìn từng cụm hoa, bụi

kiêng... và cuối cùng thả tầm mắt hướng về những cụm mây trắng nổi trên bầu trời xanh lơ. Nhìn áng mây bình bông trôi lang thang vô định rồi tan loãng dần trong không gian, nàng bỗng liên tưởng đến cuộc đời trôi nổi của mình, chẳng biết sẽ trôi giạt về đâu. Liên Hương vốn thuộc gia đình cầm ca khá giả tại huyện Vĩnh Châu, từ thuở ấu thơ sớm đã được trau chuốt nghệ thuật ca ngâm, nàng bẩm sinh có trí nhớ đặc biệt học thuộc lòng các áng văn chương thi phú nổi danh, nên tao nhân mặc khách muốn thưởng thức thể thơ nào cũng toại nguyện. Năm 15 tuổi, cha mẹ nàng sớm chiều bạo bệnh qua đời, thân gái cô đơn bị đời đẩy đưa rơi vào bầy rập sở Khanh rồi bị bán vào kỹ viện. Tài nghệ ca ngâm của nàng khiến cho viên tri huyện sở tại là Âu Dương Vĩnh Thúc động lòng mua về làm nàng hầu. Tấm thân liễu yếu tưởng như đã tạm có chỗ nương thân, không ngờ nàng gặp phải phu nhân Âu Dương ghen tuông nghiệt ngã, sai khiến hành hạ như kẻ tôi đòi, rồi đem bán nàng cho một kỹ viện xa xôi, tuyệt đối không dành cho viên tri huyện hảo ngọt một cơ hội lui tới. Tấm thân bầm dập trôi nổi từ nơi này sang nơi khác, bị các mục tử bà bóc lột, chà đạp rẻ rúng chẳng chút tiếc thương. Thời may, chủ nhân viện Nghinh Xuân khám phá được điểm quyến rũ của nàng, bèn mua về Bắc Kinh, truyền dạy thêm vài bí quyết để thành danh như ngày nay. Liên Hương đã có kinh nghiệm đắng cay về thân phận hầu thiếp, nên đâu được Hồ tướng quân ra tay cứu vớt thoát kiếp kỹ nữ mà lòng lại bối rối bất an. Thân phận kỹ nữ bọt bèo, ai lại không mơ thoát khỏi số kiếp hẩm hiu này, nhưng nàng chỉ mơ một mái gia đình tầm thường mà hạnh phúc, chớ nào cầu mong cảnh làm hầu thiếp cho các bậc quyền quý, tuy được sống trong nhung lụa mà bất trắc hung hiểm khó ước lường. Liên Hương lại hoàn toàn chẳng hiểu biết gì về Hồ thái thú : tánh tình đức độ của người ra sao? quan mua nàng về làm hầu thiếp hay làm ca nhi? phu nhân của người có sống trong doanh trại không và tánh nết bà như thế nào? Bao nỗi khắc khoải đó cứ ám ảnh nàng không nguôi trong suốt cuộc hành trình, nàng toan mở lời dò hỏi đám tùy tùng mấy lần nhưng rụt rè rồi nín lặng. Khi đoàn ngựa xe đi ngang ngọn Hằng sơn, giữa chốn núi rừng hoang vu Liên Hương bỗng thấy xuất hiện ngôi chùa Huyền Không ẩn khuất trong mây “huyền bí có có không không” như một bức tranh chạm nổi màu sắc linh động vĩ đại trải dài trên triền núi, nàng bỗng sinh lòng quy ngưỡng nên yêu cầu dừng lại để chiêm bái. Liên Hương đặt từng bước chân run rẩy trên chiếc cầu treo lắt léo để vượt qua khe suối đến chân núi, rồi leo hàng trăm nấc thang đá, mới lên được tiền điện. Chùa lợp ngói ống xanh, mái uốn cong, dựng trên sàn gỗ ép sát vào những chỗ lõm của vách đá. Chùa có rất nhiều điện, điện bé nhỏ, chỉ vừa đủ cho chừng hai Phật tử lễ bái; điện này nối tiếp viện khác, nương theo địa hình mà xây, lên cao xuống thấp cheo leo hay có chỗ còn phải chui qua hang động nữa. Nhờ kỹ thuật xây cất phối hợp với thiên nhiên này, chùa

Huyền Không mang nét đặc thù riêng : thơ mộng, xinh xắn, mũm mĩm và tràn đầy sức sống. Tự thuở giờ Liên Hương chỉ biết vái lạy thần Bạch Mi tại kỹ viện, chớ chưa hề đi chùa lễ Phật, khi được chú tiểu hướng dẫn đi chiêm bái từng điện, nơi nào nàng cũng vái lạy để cầu xin phù hộ, dù chẳng biết đang cầu xin vị nào. Tuy vậy, Liên Hương lại có cảm giác lạ lùng là rất thân thương quen thuộc với chốn tôn nghiêm này, ở đây nàng tìm thấy được sự bình an thoải mái mà suốt quãng đời qua, từ dạo sa chân vào chốn giang hồ, nàng đã đánh mất. Từ giã Hằng sơn, từ giã chùa Huyền Không, Liên Hương tiếp tục cuộc hành trình với bao niềm lưu luyến. Đến doanh trại, trái với lòng mong ước của Liên Hương, nàng chẳng được tiếp kiến ngay quan thái thú, nhưng nhờ bà quản gia ân cần tiếp đãi cơm nước và chu đáo sắp xếp chỗ ở tươm tất nàng cũng tạm yên lòng. Khi sắp rời bước, bà quản gia mới dặn dò: “Cô nương đi đường xa, xin nghỉ ngơi cho khỏe để hôm sau còn ra mắt phu nhân”. Nghe chuyện phải ra mắt phu nhân, Liên Hương chết điếng trong lòng, trọn đêm thao thức chẳng phút nào yên.

Như một kẻ tội phạm, Liên Hương khóm róm đi theo bà quản gia cúi đầu chào kính phu nhân. Nàng thoáng thấy viên thái thú ngồi cạnh vợ nhưng không dám ngẩng lên. Phu nhân ra dấu mời ngồi, nàng khép nép vâng lời. Phu nhân trao cho nàng tờ giấy chi chít chữ rồi lên tiếng, giọng bà hòa nhã, chẳng có chi hằn học :

- Ta từng nghe người đời ca tụng nghệ thuật ngâm thơ điệu luyện của nàng, có thể nào nàng biểu diễn cho ta nghe được chẳng?

- Xin vâng lệnh phu nhân.

Liên Hương nghiêm trọng lướt qua tờ giấy một lượt, rồi cất giọng ngâm nga :

- Hơn sáu muôn lời thành bảy cuốn
Rộng chứa đựng vô biên nghĩa mầu.
Trong cổ nước cam lộ rộng nhuần
Trong miệng chất đề hồ nhỏ mát
Bên răng ngọc trắng tuôn xá lợi
Trên lưỡi sen hồng phóng hào quang
Dầu cho tạo tội hơn núi cả
Chẳng nhọc diệp pháp vài ba hàng.

Liên Hương cất giọng ngọt ngào điệu luyện ngâm nga, từng chữ từng lời như rót mật vào tai, thấm sâu vào tim gan người, quả là danh bất hư truyền. Ngâm xong bài thơ, Liên Hương hoàn lại tờ giấy cho phu nhân rồi lên tiếng :

- Thừa phu nhân, bài thơ này tôi mới thấy lần đầu nhưng có cảm giác quen

thuộc kỳ lạ nên xúc động thành thử trình diễn chưa vừa ý! Xin mạn phép phu nhân cho tôi ngâm một lần nữa, thì tôi mới lột hết khả năng ra được.

Được phu nhân đồng ý, Liên Hương lắng lòng như mơ màng tìm về cõi xa xăm nào đó, lần này giọng nàng lại chân thành tha thiết, cao vút như điệu tán dâng lên đấng chí tôn cao vời vợi. Trong trạng thái nửa tỉnh nửa xuất thần, ngâm xong bài thơ, bỗng nàng buộc miệng niệm “Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh” ba lần, đoạn nàng tiếp tục ngân nga độc thoại : “Nhu thị ngã văn, nhưt thời...”, âm điệu êm êm siêu thoát của nàng cứ thế mà tuôn chảy miên man không lấp vấp... Vợ chồng quan thái thú chăm chú dò theo quyển sách theo dõi từng câu văn Liên Hương đọc, vừa trở mắt nhìn nàng ngạc nhiên như đang mục kích một câu chuyện thần bí. Say sưa “độc diễn” cả giờ, Liên Hương mới sực tỉnh và ngưng lại. Nàng bối rối lên tiếng :

- Xin lỗi phu nhân! không hiểu tại sao,..ơ ơ... tôi như bị cái gì ám ảnh mà từng chữ từng câu cứ hiện ra thúc đẩy tôi đọc theo. Tôi nói khùng nói điên này giờ phá rầy phu nhân! Xin phu nhân rộng lượng tha thứ cho tôi!

- Cô không nói chuyện khùng điên vô nghĩa đâu. Cô đã tụng kinh Pháp Hoa, tụng thuộc lâu lâu không sai một chữ., phu nhân ôn tồn đáp. (1)

- Ôi! sao có chuyện lạ lùng như thế này kia? Trọn đời tôi chưa hề đọc một câu kinh, tôi không hiểu Pháp Hoa là gì? làm sao tôi lại có thể đọc kinh này được?

- Đúng là chuyện lạ lùng khó tin nếu như vợ chồng tôi không đích thân mục kích. Nguyên nhân tại sao cô thuộc kinh này và nguyên nhân tại sao vợ chồng tôi rước cô về đây khá dài dòng, tôi chỉ hiểu được vài điều, tôi xin vắn tắt kể cho cô nghe; chỗ nào cần hỏi rõ, cô cứ tự nhiên hỏi lại.

- Dạ ! kính xin phu nhân gia ân cho tôi được tỏ rõ đuôi đầu.

- Cô Liên Hương à ! Từ nhỏ tôi đã sùng mộ đạo Phật, tôi thường xuyên lễ chùa, tham học đạo pháp và tu sửa thân tâm. Từ khi phu quân tôi được thánh thượng cử về trấn nhậm chốn này, tôi tin tưởng mình có phước duyên lớn mới được gần gũi thánh địa của Bồ Tát Văn Thù nên càng tinh tấn tu tập. Do đó, tôi liên tục hành hương chiêm bái hàng trăm chùa am lớn nhỏ tại Ngũ Đài(2), lễ Phật thỉnh pháp, cúng dường trai tăng, hỗ trợ các công tác phát triển và tu bổ tự viện, yểm trợ trai đàn chẩn tế... Rằm tháng giêng năm nay, vợ chồng tôi hướng dẫn đoàn tùy tùng hành hương đỉnh Nam Đài. Được biết đạo tràng này tọa lạc tại một địa điểm cheo leo trắc trở vắng khách thập phương, tăng chúng đã phải chấp tác nhọc nhằn để tự túc mà vẫn thiếu thốn, vì vậy chúng tôi mang theo khá nhiều thực phẩm và vật dụng cần thiết để cúng dường cho chùa chi dụng trọn năm. Nam đài mang mỹ danh là Cẩm tú Phong, một đỉnh núi nổi tiếng về phong cảnh hùng vĩ tuyệt vời, nhất là vào

độ xuân về, kỳ hoa dị thảo đua nhau nở rộ phủ trùm núi tạo thành một tấm gấm thêu hoa sắc sỡ, cộng với sự diễm tô của hàng ngàn cánh bướm màu sắc dị kỳ nhờn nhờn bay lượn. Trong cảnh núi rừng mờ ảo trong sương mù, chúng tôi len lỏi theo lối đi ngoằn ngoèo trơn trượt leo lách theo vách đá rong rêu, xuyên qua các giòng suối nước đổ tung tóe, để lên đến ngôi chùa Phổ Tế, nằm lơ lửng trên đỉnh núi. Khi sắp vào cổng chùa, tôi chợt thấy một tăng nhân người Thiên Trúc, vận y vàng sậm rách rưới dơ cũ, đang cúi húi quét lá trên lối đi. Tôi kính cẩn xá chào, rồi vội vã bước nhanh cho kịp với phu quân. Bỗng nhiên tôi nghe có tiếng thở dài kèm theo tiếng than thật khê dường như phát xuất từ vị tăng nhân đó : “Tiếc thật! tiếc thật!” Tôi quay lại nhìn thì chẳng thấy ai, có lẽ ông ta đã bước qua chỗ khuất bên tảng đá rồi chẳng? Chúng tôi tiếp tục vào chùa. Chùa nhỏ, không có nhiều điện thờ, nhưng lại có tháp chuông khá cao. Chánh điện trưng bày giản dị làm nổi bật pho tượng Bồ Tát Văn Thù cõi sư tử dưới dạng của viên tướng quân, đội mũ, mang giáp, tay cầm kiếm, tay cầm hoa sen. Sau phần lễ bái đến phần cúng dường trai tăng, tôi dâng y cho từng vị một nhưng nhận thấy trong mười vị hiện diện không có vị tăng Thiên Trúc mà tôi vừa gặp. Tôi thắc mắc hỏi thầy tri khách. Thầy cho biết trọn Nam Đài không có tăng nhân ngoại quốc, vị tăng mà tôi mô tả, thầy chẳng hề nghe ai nhắc tới bao giờ. Phu quân tôi đi trước tôi mấy bước cũng cho biết chẳng thấy tu sĩ nào trên đường đi cả. “Không lẽ mình hoa mắt, ù tai hay quá giàu tương tượng chẳng?”, tôi trầm nghĩ. Chúng tôi nghỉ đêm tại chùa. Vào khoảng nửa đêm, trong khi chúng tôi đang đàm đạo với hòa thượng trụ trì, thì có vị sư chú vào thông báo : “Bẩm sư phụ! Bồ Tát đã xuất hiện”. Hòa thượng vội vã hướng dẫn chúng tôi ra tháp sau chùa, leo lên trên nóc bằng để chiêm bái. Thì ra, đây không phải là lầu chuông mà chính là đài quan sát hiện tượng màu nhiệm “đèn trí tuệ của Bồ Tát Văn Thù di động” mà tương truyền vào đêm rằm thường diễn ra. Chúng tôi hân hoan chiêm ngưỡng hàng ngàn quả cầu lửa, hình dạng màu sắc biến đổi không ngừng, bay lượn theo đội hình, khi nhanh khi lơ lửng, từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác liên tục cả giờ mới chấm dứt... Trong chuyến hành hương này tuy tôi có phước duyên hãn hữu mục kích được hiện tượng huyền bí, nhưng khi về nhà tôi lại khắc khoải ăn ngủ không yên vì lúc nào cũng bị tiếng than thở “Tiếc thật!” của vị tăng Thiên Trúc ám ảnh. Tôi trầm nghĩ có lẽ mình đã phạm vài lỗi lầm trong nếp sống tu tập nên Bồ Tát mới hiện thân cảnh tỉnh. Do đó, cứ vài ngày tôi lên chùa Thù Tượng tại trấn Đài Hoài lễ Phật và Bồ Tát cầu xin sám hối. Ngôi chùa này nổi tiếng linh thiêng với tượng Văn Thù cõi thanh sư to lớn, theo tương truyền thì vị tăng phụ trách bếp núc trong khi đang nhồi bột may mắn chứng kiến Đức Văn Thù thị hiện đã vội ghi lại hình tượng Ngài bằng bột đưng nhồi, do đó, phần đầu của tượng bằng bột đưng ráp nối với phần còn lại bằng

đồng mà vẫn khít khao không thấy chỗ nối ráp. Đầu lưng tượng Văn Thù, là tượng “Quan Âm tự tại” trang nghiêm mà từ ái, tạc theo dáng nam nhân, một chân xếp trên bệ, một chân thả xuống. Không hiểu tại sao tôi cảm thấy quyền luyến tượng Quán Âm này một cách kỳ lạ, có lẽ tôi vốn ngưỡng mộ Bồ Tát Quán Âm, phần khác, tại tôn tượng này, tôi có thể gục đầu lên chân Ngài để khấn nguyện, thân thuộc như một đứa con thơ bọc bạch nổi lòng với mẹ, và nhờ vậy, sau mỗi lần lễ bái lòng tôi cảm thấy an ổn hơn. Vào ngày rằm tháng bảy đàn thủy lục chân tế đã được tổ chức tại chùa Hiền Thông, ngôi chùa lãnh đạo toàn thể Ngũ Đài sơn, với sự tham dự của hàng ngàn tăng ni Phật tử. Trong khi tôi đang lễ tượng Bồ Tát Văn Thù năm đầu nghìn mắt nghìn tay nghìn bình bát tại điện “Thiên Bát Văn Thù”, bỗng tôi nghe tiếng thờ dài tương tự như của nhà sư Thiên Trúc ngày trước, tôi ngoái lại nhìn vừa kịp thấy dáng dấp ai như là nhà sư đó đang rảo bước về hướng điện Vô Lượng Phật. Tôi vội bước nhanh theo, nhưng mới thấy thấp thoáng đó mà người đã mất biệt rồi. Tôi vừa xúc động vừa tủi thân, nước mắt chảy như mưa, hướng về hư không quì lạy không ngừng : “Kính lạy Bồ Tát Văn Thù ! xin Ngài từ bi thương xót con! Xin Ngài chỉ dạy cho con chỗ sai lầm để con tu sửa!” Bỗng nhiên tôi linh cảm như Bồ Tát còn ẩn khuất đâu đó đang ban phát lòng từ võ về an ủi tôi. Tôi ngẩng đầu lên thì thấy người đã đứng cạnh tôi tự lúc nào, người ôn tồn cất tiếng : “Ta chẳng phải là Bồ Tát Văn Thù mà chỉ là phàm tăng tên Phật Đà Ba Lợi. Mười kiếp về trước tại chùa Tây Minh, hai chị em thí chủ tha thiết thỉnh cầu ta hóa độ và ta đã hứa khả, do thiện duyên đó nên ta vẫn hằng ngầm hỗ trợ thí chủ. Từ đạo ấy đến nay, thí chủ một lòng một dạ hộ trì tam bảo, xây chùa cúng dường bố thí... vun bồi ruộng phước, nên kiếp này và kiếp kiếp về sau chắc chắn sẽ giàu sang sung sướng hơn người. Nhưng thí chủ phải hiểu rằng chính cái nghiệp quyền quý giàu sang đó nó ngầm chứa mối họa hung hiểm khó lường, vì đến kiếp nào đó ta có thể bị danh lợi thúc đẩy mà gây ra nghiệp bạc ác rồi lại bị đọa đày. Ta tiếc là tiếc cho thí chủ, tâm đạo bền vững mà chỉ biết chuyên tạo phước hữu lậu chớ không biết tu huệ. Chẳng gieo trồng nhân vô lậu thì làm sao vượt thoát khỏi các nẻo luân hồi?”. Lời dạy của Ngài khiến tôi rung động toàn thân, tôi gục đầu dưới chân Ngài, áp ứng từng chữ : “Con...con... đa tạ Bồ Tát từ bi nhắc nhở. Từ nay, con sẽ chuyên tâm tu huệ... Thưa Bồ Tát ! người chị em của con hiện nay tu tập đến trình độ nào rồi?” Bồ Tát chắc lưỡi, rồi than : “Em thí chủ trong những kiếp liên tiếp tu tập vững vàng, về sau, đã trở nên vị trụ trì uy danh, xây chùa lập đạo tràng Pháp Hoa độ chúng, không ngờ chỉ vì một hành vi sai trái mà phải chịu đọa lạc. Hỡi ôi! giờ đây, thân nàng phải làm kỹ nữ ở thành Bắc Kinh, chí hướng lạc lõng, không còn biết đạo pháp là gì. Cũng may, là nhờ công đức tụng kinh Pháp Hoa mười năm nên miệng lưỡi của nàng rất thù thắng : hơi thở thơm mùi hoa sen, giọng nói lời

ca êm ái ngọt ngào... Người kỹ nữ này, trong tàng thức vẫn còn đầy ắp lời kinh, nên chỉ cần nghe một đoạn kinh Pháp Hoa, thì hạt giống thiện sẽ có cơ hội phục...” Dứt lời, Bồ Tát biến mất không cho tôi còn cơ hội hỏi han lưu luyến nữa. Tôi liền thỉnh giáo thầy tri khách chùa Hiển Thông về vị tăng có tên Phật Đà Ba Lợi, thì được biết Ngài là vị thánh tăng người Tây Thiên Trúc đã mang kinh Phật Đánh Tôn Thắng Đà La Ni sang Trung Quốc, Ngài lưu lại chùa Tây Minh dịch bản kinh này để lại cho hậu thế, đoạn vào hang Kim Cương Ngũ đài sơn bái kiến Ngài Văn Thù không trở lại, nên theo tương truyền thì thánh tăng đã được Bồ Tát Văn Thù thu nhận vào Pháp Hội của chư Bồ Tát rồi. Suy ra, thì sự mâu nhiệm mà tôi vừa trải qua không hẳn là mộng mị. Do đó, một mặt tôi thành khẩn sửa đổi lễ lỗi tu tập của mình, mặt khác tôi phái hai tên tâm phúc đi Bắc Kinh vào khắp các kỹ viện dò tìm tông tích người kỹ nữ hơi thở thơm hoa sen. Sau khi họ khám phá được Liên Hương, tôi năn nỉ lang quân đích thân đến tận Nghinh Xuân viện kiểm chứng. Gặp Liên Hương tôi chỉ yêu cầu ngâm bài tán khen ngợi kinh Pháp Hoa, và đúng như Ngài Phật Đà Ba Lợi tiên đoán, Liên Hương liền nhớ ra và tụng lâu lâu toàn bộ. Điều đó chứng tỏ Liên Hương đúng là người em tiền kiếp của tôi rồi. Tôi sẽ lo lắng cho Liên Hương như người em nhỏ, tuy nhiên tôi không có ý gì ràng buộc Liên Hương cả. Liên Hương cứ tự do định đoạt số phận của mình, đi hay ở, trở về chốn cũ, lập gia đình hay làm bạn đạo với tôi, sao cũng được cả...

Liên Hương bàng hoàng trước những chuyện lạ lùng, bí hiểm mà phu nhân vừa kể. Nàng biết phu nhân là người thành thật, nàng kiểm chứng những điểm liên quan đến mình cũng thấy phù hợp, nhưng câu chuyện luân hồi nghiệp báo huyền hoặc quá, nhất thời nàng muốn tin tưởng hoàn toàn cũng không thể được. Nàng nghĩ ngợi miên man, khi tin khi chẳng tin, khi muốn làm lại cuộc đời khi muốn quay về nghiệp cũ. Thực tâm Liên Hương thiên về kiếp sống kỹ nữ, nàng quen thuộc với son phấn cầm ca nhận nhịp, chớ chẳng làm sao hình dung nổi chuỗi đời nhàm chán, nâu sòng chay lạt của một ni cô, nên nàng muốn gạt bỏ chuyện tiền kiếp qua một bên cho đỡ nhức đầu. Tuy nhiên, những câu kinh kỳ lạ cứ thi nhau nhảy múa trong ký ức nàng, nó lại thôi thúc nàng trở về với nếp sống đạo hạnh. Bị bao ý nghĩ mâu thuẫn thi đua nhau dằn xé, đầu óc Liên Hương căng thẳng cùng cực, nàng đâm ra ngây dại như người si ngốc, chợt vui chợt buồn, chợt đờ đẫn, thế rồi bỗng nhiên nàng ôm đầu khóc nức nở như một đứa trẻ con, cất tiếng rên rỉ :
- Tôi ! tôi ! tôi không biết phải làm sao cả ! Phu nhân chỉ bày cho tôi đi ! Mà tôi chính thiệt là ai vậy phu nhân? Phu nhân nói cho tôi biết tôi là ai đi?

- Liên Hương hãy bình tĩnh. Cứ tịnh dưỡng vài ngày cho khỏe, mọi việc mình sẽ bàn bạc sau.

Phu nhân cắt đặt người săn sóc Liên Hương chu đáo, bà cũng thường xuyên viếng thăm nhưng chẳng hề nhắc nhở câu chuyện cũ. Chờ cả tuần cho Liên Hương bình phục, phu nhân bắt đầu đưa nàng đi mua sắm tại thị xã Thái Nguyên, ngoạn cảnh Ngũ Đài, và thỉnh thoảng cũng ghé chùa lễ Phật. Thời gian đầu, Liên Hương tỏ ra rất chán ngán những chuyện liên hệ đến vấn đề tôn giáo. Nếu vạn bất đắc dĩ phải ghé chùa nàng thường giả vờ ngắm cảnh bên ngoài, tránh vào chánh điện lễ bái và tiếp xúc với giới tu sĩ... Một hôm, phu nhân rủ nàng leo lên Bồ Tát đỉnh, viếng Văn Thù tự(4). Ngôi chùa này ở trên đỉnh cao, phong cảnh đẹp và theo truyền thuyết là một trong những địa điểm mà Bồ Tát Văn Thù đã thị hiện nên rất linh ứng. Lần này, nể phu nhân Liên Hương cũng theo vào điện lễ bái dưới sự hướng dẫn của thầy tri khách. Lễ xong, phu nhân kính cẩn vái thầy tri khách thưa hỏi :
- Bạch thầy, tại sao Bồ Tát lại cầm kiếm, mặc áo giáp, cỡi sư tử vậy thầy?

Thầy tri khách hiểu phu nhân đã dư biết thâm nghĩa của tượng, nhưng có lẽ phu nhân hỏi với mục đích cho những kẻ tùy tùng có dịp lắng nghe đạo lý, nên thầy cố gắng trình bày vấn đề ngắn gọn cho người sơ cơ dễ hiểu :
- Thưa phu nhân ! Vì hạnh nguyện của chư Bồ Tát là hội nhập vào cuộc đời để cứu độ chúng sanh, Bồ Tát tùy hoàn cảnh mà ứng hiện làm quan, làm dân, kẻ bần hàn, người hành khất... do đó, tượng Ngài Văn Thù thường tạc dưới dạng của vị cư sĩ. Ngài là biểu trưng của trí tuệ hay nói khác Ngài có ngũ trí nghiêm thân, tay mặt cầm gươm bén mang thâm ý là trí tuệ sắc bén như gươm báu phá tan vô minh, chặt đứt xích xiềng luân hồi sanh tử... tay trái Ngài cầm hoa sen tượng trưng sự trong sạch không ô nhiễm, có nghĩa là trí tuệ tinh khiết giải thoát chớ không phải loại trí tuệ đục lạt thường tình, Ngài mặc áo giáp nhưng không phải là giáp tướng sĩ, mà là áo giáp nhẫn nhục từ bi chịu đựng không cho những mũi dùi tấn công của thị phi, sân hận làm não loạn. Khi Bồ Tát gióng lên tiếng Pháp trí tuệ viên mãn thì tà ma ngoại đạo phải khuất phục cũng như khi sư tử xuất hiện thì chồn cáo khép nép lẫn trốn, nên tượng Bồ Tát đã tọa trên sư tử. Thưa phu nhân! chúng ta chiêm ngưỡng tượng để nhắc nhớ hành hoạt và đức độ của Ngài hầu thành khẩn nguyện noi gương Ngài trao dồi trí tuệ, giữ lòng trong sạch, và phát triển đức nhẫn nhục.

Liên Hương ngạc nhiên tột độ. Nàng đỉnh ninh là chư Phật và chư Bồ Tát cũng tương tự với thần Bạch Mi và thần Tài mà chị em kỹ nữ sùỵ sụp lạy để cầu đất khách, nên đối với đạo Phật nàng chẳng có niềm tin gì đặc biệt. Nay

vô tình nghe giảng sơ lược về ý nghĩa tượng trưng của pho tượng Ngài Văn Thù, nàng bỗng khám phá rằng Phật giáo chẳng phải là loại tín ngưỡng cúng kiến vái lạy với mục đích hồi lộ thân thánh khẩn cầu xin xỏ quyền lợi, mà là một đạo giáo hướng dẫn con người tu sửa thân tâm hầu đạt đến một chân lý tối thượng nào đó. Chân lý như thế nào nàng mù mờ chẳng biết, nhưng nhận định này đã kích thích lòng hiếu kỳ của nàng, từ đó nàng quyết tâm tìm hiểu Phật giáo sâu rộng hơn. Càng học Phật nàng càng háo hức say mê. Nàng học hiểu Phật pháp thông suốt dễ dàng, giáo lý nào cũng cảm giác như đã từng miệt mài học qua mà bỗng quên đi, nay chỉ cần gợi lại thì trí nhớ liền phục hồi. Từng bước từng bước nàng sung sướng khám phá ra rằng nàng đã tìm lại đúng con đường xưa đã đi..., nàng biết rõ trong tiền kiếp đã tinh tấn học Phật, nàng chắc chắn từng là tu sĩ, đã chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa... “Công đức tụng kinh Pháp Hoa, theo như cổ đức tán thán là : “Đầu cho tạo tội hơn núi cả. Chẳng nhọc Diệu Pháp vài ba hàng.”, thế nhưng tại sao thân ta phải chịu đọa đày làm thân kỹ nữ nhục nhã như thế này? Tại sao? Tại sao?”, Liên Hương thầm than thở. Đó là điều cực kỳ vô lý mà Liên Hương không thể nào hiểu được, nàng đem thắc mắc của mình thưa thỉnh chư đạo đức cao tăng khắp các đại tăng lâm, nhưng chẳng ai đưa ra lời giải đáp nào thỏa đáng cả. Do đó, Liên Hương chỉ còn biết đặt niềm tin của mình vào chư Bồ Tát, vào Ngài Phật Đà Ba Lợi mà Hồ phu nhân đã có đại duyên gặp gỡ. Liên Hương thành khẩn hành hương chiêm bái khắp tự viện Ngũ Đài liên tục trong hơn hai năm trời ròng rã, khẩn nguyện xin được thiện duyên để được Bồ Tát vạch rõ ẩn khúc ác nghiệp xưa cùng chỉ dẫn con đường chân chánh tu tập, nhưng chẳng thấy có sự nhiệm màu nào xuất hiện cả. Tuy vậy, Liên Hương không nản lòng, nàng chỉ tự trách mình phước mỏng, nghiệp chướng sâu dày nên manh nha ý muốn trở lại nếp sống của kẻ xuất gia hầu có thể tu tập tinh tấn hơn. Một hôm Liên Hương leo lên đỉnh Tây Đài, chiêm bái ni viện Di Đà, ngôi chùa nằm lắt léo trên triền núi hướng Tây, nửa đường lên đỉnh. Tây đài mang mỹ danh là Quả Nguyệt Phong, nổi tiếng với cảnh mặt trời lặn ửng hồng nổi bật giữa hàng hàng lớp lớp mây muôn màu sắc cùng với cảnh bóng trăng treo đầu núi soi bóng bàng bạc khắp các giòng suối trong veo. Vị tổ khai sáng chùa Di Đà chuyên tu Tịnh độ, nên đã chọn địa điểm hướng về ànhhng trời tây rực rỡ để nhắc nhở đệ tử luôn luôn quán tưởng về thế giới Cực Lạc phương Tây. Như thường lệ, Liên Hương thưa hỏi sư bà viện chủ điểm thắc mắc của mình. Sư bà không trả lời thẳng câu hỏi mà chỉ khuyên nàng đừng để mỗi nghi nan vương vấn làm chướng ngại sự tu tập, mà chỉ nên một lòng một dạ chân thành lễ Phật sám hối mà thôi. Khi tội chướng tiêu trừ, mọi việc sẽ hanh thông, thì nghi vấn cũng không tồn tại. Nhận thấy lời dạy của sư bà phù hợp với niềm tin của mình, Liên Hương khẩn khoản xin xuất gia và được sư bà thu nhận làm đệ tử. Nếp sống tu sĩ

đạm bạc, ràng buộc với luật nghi, và phải chấp tác khổ cực dĩ nhiên hoàn toàn khác hẳn với nếp sống phè phỡn tại kỹ viện, nên Liên Hương phải cố gắng hết sức mới có thể hội nhập hài hòa với đại chúng. Sau tám năm nghiêm túc tu tập, Liên Hương nhận thấy cần chí thành thực hành pháp lay Phật sám hối tích cực hơn nên thỉnh cầu thầy xin được ân tu để có thể tự do theo đuổi một thời khóa riêng. Được sư phụ đồng ý, ni cô chọn một khuôn đất hẹp, nằm khấp nép dưới chân núi Đăng Loa, thuộc Đài Hoài trấn, để cất một am tranh. Hồ phu nhân luôn luôn theo dõi nếp sống tu tập của ni cô, vội đề nghị cúng dường khoản tịnh tài lớn để ni cô phát huy đạo tràng độ chúng, nhưng ni cô khước từ. Ni cô chỉ nhận một ít thực phẩm đủ để sống kham khổ mà tu tập. Ngoài hai thời công phu Tịnh độ, hàng ngày Liên Hương lễ Phật sám hối tối thiểu năm thời, mỗi thời 108 lay nhằm giải trừ 108 phiền não; riêng ngày rằm và ba mươi, trừ trường hợp tuyết đóng dày đặc ngăn cản, thường thì ni cô theo lộ Đại Trí để leo lên Đăng Loa đỉnh. Lộ Đại Trí(5) gồm có 1080 nấc thang, tại mỗi bậc thang đá sư cô thâm xưng danh hiệu của một vị Phật hoặc Bồ Tát, giữ tâm thanh tịnh rời chân thành lễ một lay. Lên tới đỉnh, sư cô chiêm bái Ngũ Phương Văn Thù điện nguyện cầu Bồ Tát gia bị cho trí huệ sáng suốt thấy rõ con đường chánh pháp mà tu tập, rồi hạ san. Mỗi lần đăng sơn, ni cô phải cù bị lương khô nước uống và khởi hành từ khi trời tờ mờ sáng, và thường thì cũng phải đến xế chiều mới trở về am. Chín năm trôi qua, Liên Hương một lòng bền bỉ lễ Phật sám hối, thề tránh điều ác, luôn giữ tịnh giới để phát triển chân đạo đức. Một hôm, vào độ cuối thu lạnh lẽo, như thường lệ mỗi nấc thang sư cô mỗi lay cho đến hai phần ba đường, tại khúc quanh rộng dùng làm chỗ cho khách hành hương nghỉ chân, ni cô dự định tạm dừng bước để dùng bữa ngọ. Ni cô bỗng thấy một người ăn xin già nằm chèo queo, run lập cập vì đói lạnh rất thảm thương, ni cô muốn cứu giúp nhưng chẳng có phương cách nào nên cảm thấy xấu hổ ngại ngùng. Thấy bóng người, lão hành khất liền rên rỉ : “Oái! tôi đói quá! tôi chết mất! Xin lay bà con cô bác rũ lòng thương bố thí chút cơm thừa cho kẻ bần hàn..!”. Sư cô thâm nghĩ : “Khí trời giá buốt, lộ Đại Trí vắng khách hành hương, không ai nhìn thấy tình trạng bi đát của lão hành khất mà mở lòng từ bi giúp đỡ, e rằng lão phải chịu đói lạnh đến chết mà thôi!”. Thế nhưng ni cô chỉ mang theo một phần ăn ít ỏi cho cả ngày leo núi, một mình còn chưa đủ no thì còn chia cho ai, nên muốn bước tránh đi nơi khác cho khuất mắt. Ni cô bước đi mấy bước mà lòng cảm thấy bứt rứt bất an nên đành quay trở lại, cúng dường cho lão hành khất phần ăn của mình. Ni cô khuyên lão ăn lấy sức rồi xuống núi, kéo bị chết vì cóng lạnh, rồi tiếp tục leo lên Đăng Loa đỉnh. Khi Liên Hương trở về, tuyết đã lát phát rơi, đường đi trơn trượt nguy hiểm mà ni cô lại đang đói lả, chân run rẩy bước đi lảo đảo, nên phải bám vào tay vịn lần từng bước một. Trời đã lờ mờ mà ni cô mới đi hơn nửa

đường, nên ni cô lính quính cố gắng bước nhanh, chợt ni cô nhìn thấy một xác người hay bóng ma nằm lắt léo trên nấc thang, có thể lăn xuống vực bất cứ lúc nào. Ni cô niệm Phật để có thêm bình tĩnh, rồi bước đến xem xét. Thì ra, đó là lão hành khất mà Liên Hương đã tặng phần ăn, dường tron trượt lão bị trật chân té đập đầu vào cạnh nấc thang từ lúc nào mà máu đã đông đặc. Liên Hương sờ ngực nghe tim còn đập thoi thóp, nên dù sức yếu cũng quyết định phải cứu người, chớ không thể bỏ đi một mình. May là người hành khất thân thể gầy gò không nặng lắm, Liên Hương vận dụng hết sức vác lên vai rồi bám vào tay vịn khắp khễnh lê từng bước. Đi được non ba mươi nấc thang, chân Liên Hương rã rời chực khụy xuống, sức cùn kiệt không chịu đựng nổi nên ni cô phải dừng lại thở. Xác người hành khất trên vai bỗng trĩu nặng rồi từ từ tuột xuống, ni cô hốt hoảng buông tay vịn để chụp xác lại, không ngờ bị mất thăng bằng ngã chúi xuống vực sâu đen ngòm, mà hai tay vẫn gắng gượng ôm người hành khất không nỡ bỏ rời.

Khi Liên Hương tỉnh dậy thì trời đã sáng tỏ, ni cô cảm thấy mình không bị thương tích chi, đúng là một phép lạ. Ni cô đảo mắt tìm lão hành khất thì thấy lão cũng điềm nhiên ngồi trên tảng đá đọc sách. Ni cô mừng rú lên : “Ông ! ông...”, rồi bỗng sững sốt lặng người. Vừa liếc mắt, ni cô biết ngay lão đang đọc quyển kinh mà ni cô đã dày công tụng niệm : Kinh Pháp Hoa, phẩm Bồ Tát Thường Bất Khinh. Ni cô còn đang bàng hoàng ngớ ngẩn thì lão hành khất trao cho ni cô quyển kinh rồi ôn tồn cất tiếng : - Đây là “N hư Ý thư”, con muốn đọc điều gì thì điều đó sẽ hiện ra. Con có muốn xem qua cho biết không?

Liên Hương trang trọng cầm quyển sách mở ra xem. Trước mắt ni cô không có hàng chữ nào, mà là toàn những hình ảnh linh động của chính Liên Hương trong kiếp trước từ khi còn thơ ấu, đi tu, xây dựng chùa Pháp Hoa, thuyết pháp, lập đạo tràng tụng kinh Pháp Hoa độ chúng... cho đến khi từ trần. Ni cô ràn rụa nước mắt thương cảm cho chính mình, mình đã tạo phước rất nhiều mà cũng gây nghiệp không ít. Thì ra, trong thời gian ni cô lập đạo tràng tụng kinh Pháp Hoa, có một nàng kỹ nữ xin được gia nhập. Trong đạo tràng có những vị phu nhân quyền quý cao sang cúng dường rộng rãi đã tỏ ra khó chịu khi phải ngồi tụng kinh chung với kẻ mà họ đánh giá là hạng “lẳng lơ trác nết”. Nể trọng đám Phật tử quyền quý, ni cô buộc lòng tìm lý do hạ nhục để xua đuổi người kỹ nữ, đó là nguyên nhân khiến cho kiếp này ni cô đã phải sa chân làm gái giang hồ. Tuy nghiệp duyên oan trái rõ rệt, nhưng không lẽ công đức tụng kinh Pháp Hoa 10 năm của mình không đủ để làm tiêu cái nghiệp ác này sao? đó là điềm mà ni cô vẫn còn chưa hiểu được.

Ni cô chân thành đánh lễ lão hành khát mà bây giờ nàng tin chắc đó là hóa thân của một vị Bồ Tát, rồi cất tiếng :

Kính lạy Bồ Tát! Gần hai mươi năm nay con không dám tụng kinh Pháp Hoa chỉ vì có điểm vẫn chưa hiểu được. Kính xin Bồ Tát từ bi giáo hóa con?
- Tông chỉ của kinh Pháp Hoa như thế nào?

- Thưa trong kinh Pháp Hoa Đức Phật đã vì đại sự nhân duyên mà khai ngộ TRI KIẾN PHẬT.

- Thế con đã trì kinh, đã mang ra áp dụng “tri kiến Phật” trong nếp sống tu tập hàng ngày như thế nào?

Ni cô bỗng hụt hẫng chới với. Từ thuở giờ ni cô đồng hóa tụng kinh là trì kinh, đến chừng bị lão hành khát hỏi đã áp dụng như thế nào, ni cô ngần ngại không đáp được. Ni cô suy tư miên man, đầu óc căng thẳng như muốn nổ bùng, rồi bỗng ni cô trực nhớ đến hình ảnh lão hành khát ngồi đọc phẩm Bồ Tát Thường Bất Khinh, sư cô hốt nhiên thấy đầu óc sáng rực lên. Thì ra, Pháp Hoa Kinh nhằm chỉ rõ “Tri kiến Phật”, trì kinh tức là trì “Tri Kiến Phật”, ý thức là tất cả chúng sanh : ta và người, ai cũng có Phật tánh và đều là Phật sẽ thành cả. Trì kinh cũng có nghĩa là đối với tất cả chúng sanh, dù hèn mọn như thế nào, ta cũng tôn kính cúng dường như đối với một vị Phật, vị Phật tương lai. “Ôi! ta kiên trì tụng kinh Pháp Hoa mà còn khinh khi kẻ khác, vậy thì chính ta đã phi báng kinh chớ nào có thực sự trì kinh gì đâu? thảo nào ta chẳng bị đọa lạc”, tuy ni cô thầm than thở, nhưng thật ra, ni cô cảm thấy rất thanh thoi an lạc vì vừa trút được một gánh nặng đeo đẳng hành hạ bao năm trời. Sư cô quì lạy cảm tạ Bồ Tát, dù Ngài đã biến dạng tự bao giờ. Từ đó, tuy Liên Hương cũng bền bỉ giữ thời khóa lễ Phật sám hối như cũ, nhưng bây giờ ni cô có thể vững lòng tụng Kinh Pháp Hoa, càng tụng kinh ni cô càng thấy tâm từ bi bình đẳng đối với mọi loài chúng sanh mở rộng. Hai năm sau, ni cô nghĩ đã đến lúc mang thông điệp Phật tánh từ bi bình đẳng vào cuộc đời, nên dự định sẽ tha phương hành hóa cho đến khi thân thể mỏi mòn mới dừng lại ản tu. Thời gian làm kỹ nữ nổi danh, ni cô dành dụm được một tài sản khá to, ni cô đã sử dụng gần hết để cúng dường các tự viện trong khi chiêm bái Ngũ Đài, chỉ còn lại một ít nữ trang vẫn gửi cho Hồ phu nhân cất giữ. Nay ni cô đổi số nữ trang này thành 10 lượng vàng, chuẩn bị hành trang cho chuyến ra đi. Ni cô cũng đi chiêm bái khắp Ngũ Đài, lạy tạ từ sư phụ, rồi lễ sám hối 1080 lạy trên lộ Đại Trí lần cuối cùng. Bóng trăng rằm vàng vạc soi sáng, sư cô bước từng bước thanh thoi

rạng rỡ trở về am. Ni cô vừa mở cửa bước vào, thì bỗng có bóng đen hùng hổ nhảy vào tới chụp ni cô, hấn xé toạt quần áo ni cô, vật ni cô xuống toan làm chuyện tồi bại. Ni cô thoát giựt mình, nhưng hiểu ngay kẻ lạ là tên “đại đạo hái hoa” trong mấy tháng nay gây ra mấy vụ hãm hiếp tại trấn Đài Hoài, đã có lệnh truy nã mà chưa bắt được. Có lẽ, người ta đã đề cao cảnh giác cẩn mật phòng bị, hấn không làm chi được nữa nên mới tìm đến am này. Ni cô cất giọng nhỏ nhẹ :

Xin anh hãy bình tĩnh nghe tôi phân giải. Không có gì mà anh phải hấp tấp, phải hung bạo cả. Anh muốn điều chi tôi cũng sẵn sàng phục vụ cho anh vui lòng mà.

Thấy hấn khựng lại, ni cô ôn tồn thuyết phục :

- Tôi hiểu cái “con sót dâm dục” nhất thời đó không phải là con người thật của anh. Con người thật của anh là tình thương, là đạo đức. Xin anh hãy bình tĩnh trở về với con người thực đó đi.

Hấn bỗng xô ni cô ra, chửi thề một tiếng : “Con mẹ nó!”. Ni cô vốn có giọng nói êm ả quyến rũ người nghe, ni cô lại nghiêm túc tu tập lễ Phật sám hối gần 20 năm trời, sư cô lại tụng kinh Pháp Hoa với tâm từ bi bình đẳng chan hòa, có lẽ, những công hạnh đó đã tạo cho lời bình thường thành diệu dụng có khả năng chuyển hóa phần nào kẻ ác. Mặt khác, hấn là kẻ mắc bệnh bạo dâm, khi cưỡng hiếp ai, nạn nhân càng sợ hãi, kêu khóc, cào cấu, dẫy dụa... thì cơn dâm của hấn mới bùng nổ dữ dội và hấn mới cảm thấy khoái trá tuyệt đỉnh. Đàng này ni cô không chống cự la hét khiến hấn mất hào hứng, ni cô còn lè nhè nói điều đạo lý chán phèo khiến cơn dâm của hấn bỗng xiu xuống. Hấn thầm nghĩ lần này mình xui quá, người ta nói ra đường gặp ni cô xui xẻo, rất đúng, mình dẫy dụa ở đây có thể gặp nguy hiểm chớ chẳng chơi. Thế nhưng hấn vẫn còn âm ức, hấn chửi thề rồi hươi dao định đâm chém ni cô một nhát cho bỏ ghét, nhưng khi nhìn phong thái an nhiên ni cô hấn đâm ra nể sợ, hấn gằm gù mà chưa dám hạ thủ. Ni cô vẫn bình tĩnh :

- Anh cất dao đi! Tôi đâu có thiếu anh nợ máu mà anh định giết tôi. Tôi chỉ thiếu anh 5 lượng vàng, nay tôi sẵn sàng trả cho anh 10 lượng vàng tính cả vốn lẫn lời, anh hãy lấy vàng và đi đi...

Hắn chụp gọn 10 lượng vàng nhưng không chịu cắt dao. Hắn gằng giọng :

- Con mẹ nó! người nói cái đách gì vậy?

Đây là món nợ tiền kiếp, mà hai năm trước đây do một duyên phước hy hữu tôi mới biết được. Kiếp trước tôi làm Viện Chủ chùa Pháp Hoa, huyện Vĩnh Châu. Anh có cho tôi mượn 5 lượng vàng để xử dụng gấp trong việc xây cất chùa. Tôi qua đời không kịp trả, nên món nợ đó vẫn còn trĩu nặng trên vai. Hai năm may, tôi vẫn mong chờ anh đến đòi nợ, không ngờ anh đến bằng cách này. Tóm lại, xin anh cho tôi trả nợ xưa và cũng xin tán thán công đức anh đã giúp đỡ tôi xây chùa kiếp trước. Anh à! Tôi biết anh vốn là người có tâm đạo, anh lỡ phạm lỗi làm chằng qua vì hoàn cảnh đưa đẩy mà thôi. Nếu anh hồi tâm lại thì sẽ biến thành người tốt tức thời... Tôi tin tưởng anh là người tốt mà...

Nghe lời nói ngọt ngào thấm sâu vào lòng người của ni cô, vẻ mặt hắn dịu hẳn xuống, hắn cắt dao rồi làm lui bước đi. Ni cô tiếp tục nói với theo :

- Đức Phật dạy “chúng sanh là Phật sẽ thành” nên tôi tin chắc rằng anh là vị Phật sẽ thành. Xin anh dừng lại, cho tôi được lễ một lạy tôn kính vị Phật tương lai.

Dứt lời, ni cô chân thành phũ phực xuống lễ anh ta như lễ một vị Phật. Hắn ngạc nhiên nhìn sững ni cô, tròn đời hắn, hắn chưa hề được nghe ai nói một lời ngọt ngào hướng chi là tán thán tôn trọng. Vị ni cô đứng trước mặt hắn, quần áo rách nát thân thể lỏa lồ dưới ánh trăng, nhưng hắn lại thấy từ thân thể đó tỏa ra cái gì thật tinh khiết, thật thánh thiện khiến hắn cảm động nước mắt lưng tròng, hắn quì sụp xuống lạy lia lịa.

- Cảm tạ sư phụ! cảm tạ sư phụ giáo hóa đệ tử!

Hắn lập bập lên tiếng rồi phóng thật nhanh ra ngoài. Ni cô hân hoan mỉm cười. Ni cô vừa trân trọng trao đi một “thông điệp Phật tánh”. Sư cô sẽ tiếp tục mang thông điệp này trao cho mọi người, mọi loài, trong kiếp này và mãi mãi về sau.

Tháng 6.2000

Ghi chú :

1. Kỳ nữ Liên Hương : Long thơ Tịnh Độ của Vương nhật Huru, quyển 7 (bản dịch Sa môn Lê phước Bình, trang 206) có ghi sự tích chuyện “Pháp

Hoa ni hậu thân tác quan hỷ” như sau : Ông Âu Dương tên Vĩnh Phúc làm chức tri huyện đất Vĩnh Châu, có một con hát nhà quan, trong miệng thường bay hơi thơm hoa sen. Khi ấy có ông tặng biết túc mạng của cô mà rằng : Cô này đời trước làm ni cô tụng kinh Pháp Hoa mười năm, vì một niệm tương lầm, bèn đến nỗi như thế này. Ông tặng lại hỏi : “Vậy cô có nhớ tụng kinh Pháp Hoa không?” Đáp rằng : “Từ khi thất thân đến nay có rảnh đâu mà tụng.” Ông tặng lấy kinh Pháp Hoa đưa cho thì cô tụng như nước chảy, lấy kinh khác đưa cho thì cô không đọc đặng. Do đây mà biết lời nói của ông tặng đáng tin vậy.

2. Ngũ Đài sơn : Ngũ đài sơn là một rặng núi tọa lạc tại vùng Đông bắc tỉnh Sơn Tây, gồm có đến hàng ngàn ngọn núi cao thấp khác biệt nhau, nhưng có năm ngọn cao vượt rõ rệt, sừng sững tựa như năm cái đài, nên rặng núi mang tên là Ngũ Đài sơn. Phong cảnh đồi núi chập chùng của Ngũ Đài sơn hùng vĩ, mỗi ngọn núi một vẻ thanh tú riêng. Đông Đài có tên là Vân Hải Phong là đỉnh núi mây phủ giăng lớp lớp như sóng biển, buổi bình minh ánh hồng rực rỡ giữa các tầng mây như những hào quang chư Phật, ngôi chùa trên đỉnh vì vậy cũng có tên là Vân Hải tự. Nam Đài là nơi có nhiều kỳ hoa dị thảo bậc nhất Trung Quốc, vào mùa xuân muôn hoa đua nhau nở rộ phủ trên vách núi tựa như chiếc gấm thêu vĩ đại, nên đài có tên là Cẩm Tú Phong; trên đỉnh là chùa Phổ Tế, là địa điểm dễ thấy xuất hiện những trái cầu lửa hay còn gọi là đèn trí tuệ của Bồ Tát Văn Thù, di chuyển từ đài này đến đài khác (giáo sư John Blofeld cho biết đã mục kích hiện tượng này tại đây). Tây Đài nổi tiếng với cảnh trăng treo đầu núi nên được gọi là Quả Nguyệt phong; bóng trăng đêm bàng bạc nhảy múa trên giòng suối và cảnh mặt trời lặn giữa các vầng mây muôn màu rực rỡ là mỹ cảnh của Tây Đài. Bắc Đài có tên là Diệp Đầu phong, có chùa Linh Uông là đỉnh núi địa đầu đón giá lạnh của miền Bắc, mùa đông băng tuyết phủ giăng, là địa điểm ngắm cảnh bao la của thảm tuyết trải dài vô tận về phương Bắc. Trung Đài, có tên là Thúy Diệp phong, với ngôi Vân Triều tự, là địa điểm trung ương có cái nhìn toàn diện phong cảnh tuyệt vời của cả vùng. Trung tâm Ngũ Đài sơn, một vùng đất bằng ở độ cao 1600 thước là Đài Hoài trấn, từng là nơi qui tụ cơ sở hành chánh và quân sự của miền Bắc, cũng là nơi qui tụ các ngôi đại tự chính của Ngũ Đài như : Đại Hiển Thông tự, Bồ Tát tự, Đại Thập viện tự, Thù Tượng tự, Phật Quang tự, Đăng Loa đỉnh tự...

Ngũ Đài sơn được tôn kính là thánh địa của Bồ Tát Văn Thù, niềm tin này đã xuất hiện ngay vào khoảng thế kỷ thứ nhất dương lịch. Theo truyền thuyết thì các vị cao tăng Thiên Trúc, trong đó có Ngài Ca Diếp Ma Đăng, sau khi nghiên cứu kinh điển đã đoán quyết vùng Ngũ Đài chính là trụ xứ

địa của Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, nên đã hành hương Ngũ Đài sơn đánh lễ Ngài Văn Thù. Ngài Ca Diếp Ma Đằng cũng là vị tăng đầu tiên phát nguyện ở lại Ngũ Đài hoằng dương Phật Pháp. Trong những thế kỷ kế tiếp, chư tăng Thiên Trúc, Nepal, Tây Tạng cũng lần lượt hành hương chiêm bái, có vị đã được Bồ Tát Văn Thù hiển thánh tiếp kiến, như chuyện của Ngài Phật Đà Ba Lợi và Ngài Pháp Chiếu (tổ tịnh độ thứ tư Tịnh Độ tông). Vào thế kỷ 20, Ngài Hư Vân hòa thượng nhứt bộ nhứt bái hành hương Ngũ Đài sơn kể lại đã gặp một người hành khất tên Văn Cát giúp đỡ, về sau mới được biết người ăn mày này chính là Ngài Văn Thù thị hiện.

3. Hiền Thông tự : Đây là ngôi đại tự đã bắt đầu xây dựng từ cuối thế kỷ thứ nhứt và có tên là Đại Thù Linh Ủng tự, đến đời Minh đổi thành Đại Hiền Thông tự. Hiền Thông tự từng được các tổ sư danh tiếng như Ca Diếp Ma Đằng (?), Thanh Lương Trùng Quán (tổ thứ 4 Hoa Nghiêm tông)... trụ trì, được tôn kính là ngôi chùa lãnh đạo toàn thể tự viện Ngũ Đài, là địa điểm mà chư tăng khắp Ngũ Đài tề tựu về đây để hành đại lễ, giới đàn...

Hiền Thông tự với diện tích rộng 120 mẫu tọa lạc trên ngọn Ủng Phong, gồm có nhiều ngôi điện rộng lớn, đặc biệt ngoài điện Đại Văn Thù với tượng Bồ Tát cõi sư tử, còn điện Thiên bát Văn Thù, với tượng Bồ Tát Văn Thù năm đầu, mười một mặt, ngàn tay ẩn hiện ngàn tượng Phật Thích Ca và ngàn bình bát. Ngoài ra, còn có điện Vô Lượng Phật rộng 28.2 thước x 16 thước trong có chứa bộ huyết Kinh Đại Phương Quảng Hoa Nghiêm trên lụa trắng (Theo sử liệu thì tổ Hám Sơn đã chủ trì pháp hội Thủy Lục tại đây và đã đặt bộ kinh Hoa Nghiêm do ngài đích thân viết bằng máu tại tháp chùa, không biết có phải đúng là bộ kinh này không?). Ngôi điện nhỏ mà nổi tiếng là ngôi điện hai tầng xinh xắn, toàn bằng đồng (10 vạn cân), trên vách chạm trở tinh vi có đến mười ngàn tượng Phật nhỏ.

4. Văn Thù tự : Chùa tọa lạc trên Bồ Tát đỉnh, đường lên đỉnh gồm 108 nấc thang rộng rãi, hai bên đầy hàng quán bày bán Phật cụ, đồ vật kỷ niệm, hay thức ăn nước uống. Đây là nơi nổi linh thiêng vì theo truyền thuyết thì Bồ Tát Văn Thù đã thị hiện tại đỉnh này. Chùa có nhiều điện to lớn và phòng ốc mênh mông nhưng hiện nay chỉ còn khoảng 50 tầng lưu trú. Chùa có nguyên ủy là theo Phật Giáo Bắc Tông, nhưng vào đời nhà Thanh chẳng biết vì lý do gì chùa đã chuyển giao cho các vị Lạt Ma Tây Tạng (hồng mao phái) nắm giữ. Do đó, tuy kiến trúc và hình thức thờ phượng vài điện còn giữ theo truyền thống Trung Quốc (thí dụ như Văn Thù điện), một số kiến trúc và hình thức thờ phượng nơi khác lại mang sắc thái Lạt Ma giáo.

5. Lộ Đại Trí : là con đường xây dựng bằng 1080 nấc thang đá, đưa lên Đấng Loa đỉnh. Chùa Đấng Loa có tầm nhìn thấy toàn cảnh Ngũ Đài, nên rất thuận tiện để chiêm ngưỡng hiện tượng đèn trí tuệ di chuyển (Tổ Hư Vân đã mục kích hiện tượng đèn trí tuệ tại đây). Đây là một ngôi chùa Tịnh Độ tông hiếm hoi tại Ngũ Đài, có điện thờ Tây Phương Tam Thánh rất to, ngôi điện nhỏ nổi tiếng là Ngũ Phương Văn Thù điện.

---o0o---

MỞ TOANG CỬA ĐỊA NGỤC

Không hẹn mà ba người bạn nổi khổ, sanh sống ở ba tiểu bang khác nhau, sau hai mươi lăm năm xa cách, đã trùng phùng trong chuyến hành hương Trung Quốc. Cả ba là bạn đồng khóa sĩ quan Đà Lạt và cùng mang cấp bậc trung tá, và tuy cùng định cư tại Hoa Kỳ, nhưng thể thức ra đi của họ có những duyên nghiệp khác hẳn nhau. Phương may mắn đi tản kịp thời sang Mỹ từ năm 1975, và đã tạo nên sự nghiệp vững vàng tại tiểu bang Virginia. Thanh học tập cải tạo 5 năm, vừa về nhà thì vợ chồng liền được đấm con bảo lãnh sang Houston, Texas. Luân kém may mắn hơn, chịu đựng đến 8 năm cải tạo, rồi phải mòn mỏi chờ đến khi chương trình ra đi theo diện tù cải tạo (H.O.) ra đời thì mới đưa được gia đình sang miền Nam California sinh sống. Kẻ trước người sau đến xứ người lập nghiệp, cơ hội khác nhau, tiền bạc tích lũy nhiều ít cách biệt... nhưng tựu trung thì ai cũng an cư lạc nghiệp, nhà cửa ấm cúng và cũng thừa tiền an hưởng lúc tuổi già. Sau khi tay bắt mặt mừng, rồi rít thăm hỏi chuyện gia đình, nhà cửa..., họ hào hứng nhắc nhớ lại quãng thời gian dọc xa xưa, rồi bùi ngùi hồi tưởng đấm bạn bè kẻ còn người mất, kẻ bệnh tật ngặt nghèo, người tình duyên lỡ dở... Cả ba tự nhận họ thuộc vào hạng có phước có phần, bản thân mạnh khỏe, gia đình yên ổn, con cái nên người..., ngoài ra, họ còn may mắn ý thức được việc tu dưỡng thân tâm và nhân đó mới tham dự chuyến hành hương này để vừa thưởng thức cảnh đẹp xứ người, vừa đáp ứng được lòng tôn kính đối với chư Bồ Tát. Cả ba hân hoan theo phái đoàn lần lượt chiêm bái Ngũ Đài, Nga Mi, Cửu Hoa và sau cùng vượt biển đến Phổ Đà sơn. Cả bốn đại danh sơn đều được mọi người quy ngưỡng, nhưng địa điểm nào được chấm là đặc biệt nhất, là điều mà ai cũng phân vân và đó cũng là câu hỏi mà ban tổ chức đã yêu cầu Phật tử góp ý. Trong suốt chuyến đi, sáng dậy sớm lên đường, tối mịt mới nghỉ ngơi, ba lão già oải gân rắng sức theo cho kịp phái đoàn lại vừa phải phân tâm lo lắng cho mẹ vợ hom hem cũng đã hực hơi nên dù gặp nhau hằng ngày, mà chẳng mấy khi họ có thời giờ rảnh rỗi hàn huyên tâm sự. Mãi đến khi lên máy bay về Mỹ, ba người bạn già mới có dịp ngồi xúm xít bên

nhau tán gẫu chuyện đời, rồi vô tình câu hỏi của ban tổ chức bỗng được nhắc lại.

Thanh khơi mào :

-Bốn đại danh sơn đều linh thiêng màu nhiệm, phong cảnh mỗi nơi mỗi khác mà đều hùng vĩ tuyệt vời, chiêm bái nơi nào tôi cũng cảm thấy xúc động vô bờ, nên khi phải chọn lựa xếp hạng là một quyết định rất gian nan. Suy đi nghĩ lại, tôi đã chọn Cửu Hoa sơn, còn hai anh thì thế nào?

- Tôi cũng nhận thấy có duyên đặc biệt với Ngài Địa Tạng., Luân đáp.
- Là quá! tôi cũng giống y chang như hai anh. Đúng là tư tưởng lớn gặp nhau rồi! Chúng mình đều hướng về Cửu Hoa sơn, nhưng lý do thâm kín thì có lẽ mỗi người mỗi khác. Ủ nhỉ! sao mình không trình bày nỗi niềm riêng của mình cho bạn bè cùng chia sẻ cho vui?, Phương góp ý.

Luân cũng lên tiếng :

Hì ! hì ! Nên lắm! phải lắm! Thế nhưng ai là người phải kể trước đây? Phương đã đề nghị thì phải xung phong làm gương sáng cho anh em noi theo mới đúng?

Phương biết tranh cãi với hai bạn cũng vô ích, nên cười hì hì nhận chịu. Anh mơ màng đưa hồn quay về với chuỗi ngày niên thiếu xa xưa, rồi bắt đầu vào chuyện :

- Tôi sanh ra tại cù lao Phố, nay là xã Hiệp Hòa, Biên Hòa. Đây là một địa điểm lịch sử và là một trong những cơ sở tiên khởi của ông cha ta trên con đường khai phá miền Nam, nhờ vậy đã có những ngôi cổ tự xây dựng lâu đời như chùa Đại Giác và Chúc Thọ. Thuở nhỏ tôi thường theo bà nội đi chùa Chúc Thọ tụng kinh Địa Tạng, và tại đây, hơn một lần tôi đã nghe cô bác nhắc nhở đến giai thoại Thủ Huồng(1), một giai thoại đã tạo ảnh hưởng sâu đậm cho niềm tin kính của tôi đối với Ngài Địa Tạng. Theo truyền thuyết thì Ông Thủ Huồng, tên thật là Võ thủ Hoảng, nguyên là một viên thơ lại tại dinh Trấn Biên vào buổi giao thời Gia Long phục quốc. Nương vào thời kỳ chánh trị bất ổn, kinh tế xáo trộn, Thủ Huồng mặc sức làm giàu bằng đủ mọi hình thức. Ông lạm dụng quyền thế, gian lận của công, hối lộ, sách nhiễu tiền bạc, cướp đoạt tài sản của dân chúng, ngoài ra, ông cũng không từ nan những thủ đoạn kiếm tiền khác như đầu cơ tích trữ, cho vay nặng lãi, lường công bóc lột tá điền, tổ chức bài bạc lấy xâu... Sau 20 năm

cần cù làm việc, gầy dựng nên một tài sản kèch sù, ruộng đất cò bay thẳng cánh, Thủ Huồng mới từ dịch an hưởng đời sống phong lưu của bậc đại trưởng giả. Thủ Huồng không con nối dõi, chỉ có người vợ yêu tâm đồng ý hiệp, sớm hôm bàn kế hoạch làm giàu và lấy chuyện tích lũy tiền của làm niềm vui. Thế nhưng, bỗng dưng người vợ yêu lâm bạo bệnh rồi từ trần. Thủ Huồng cực kỳ đau khổ, nhưng thương vợ thì y chỉ có phương cách là tổ chức đám tang linh đình, đốt giấy tiền vàng bạc, lầu kho thật nhiều với hi vọng người vợ yêu có thừa tiền của để hồi lộ và tiêu pha tại chốn âm ty. Vợ chết được mấy tuần thì Thủ Huồng bỗng chiêm bao nghe tiếng vợ kêu gào rùng rợn khóc la, như đang bị ngục tốt dùng cực hình tra khảo. Thủ Huồng thoát nghĩ chỉ vì quá thương tưởng vợ nên sanh mộng寐, và mộng寐 sẽ biến dạng lần theo thời gian. Không ngờ tiếng kêu la của vợ cứ tái diễn hằng đêm, khiến Thủ Huồng lo sợ thất thần ăn ngủ không yên. Thủ Huồng hoảng hốt tìm lương y chạy chữa bệnh tâm thần, mặt khác, ông ta cũng nghĩ đến việc cầu cạnh đám thầy cúng và đồng cốt, hạng người tự nhận có khả năng liên lạc với cõi âm để nhờ họ dùng lễ lộc cúng vái quỷ thần chuộc tội cho vợ. Do đó, nghe ai chỉ bày đồng cốt hay thầy cúng nào cao tay ấn, ông ta liền ân cần triệu thỉnh, tiền bạc chẳng nệ hà tốn kém, nhưng thời gian kéo dài cả năm, lễ lộc liên miên mà những cơn ác mộng hằng đêm vẫn không thay đổi. Nguyên trước kia Thủ Huồng cũng có đến chùa đôi lần, nhưng nhận thấy chốn này chẳng sanh lợi lộc chi cả - bị kêu gọi cúng dường tốn hao thì có - chưa kể còn bị nghe dạy dỗ “ăn hiền ở lành” chán phèo, nên ông ta tránh né chùa chiền. Mãi đến khi lâm vào bước đường cùng, Thủ Huồng buộc lòng phải tìm đến chùa Từ Ân, Gia Định lạy lục khẩn cầu hòa thượng Phật Ý Linh Nhạc(2) cứu giúp. Sau khi nghe Thủ Huồng thuật lại cơn ác mộng, hòa thượng ôn tồn phán dạy : “Vợ chồng con mang tâm địa giống nhau lại thương yêu quắn quít chẳng rời, đồng vợ đồng chồng tạo tác ác nghiệp chung, do đó tâm ý tương thông nhau khiến con cảm ứng được tiếng kêu than của vợ vọng lên từ cõi địa ngục. Trường hợp này chỉ là một trong những hình thức của thần giao cách cảm, tuy hiếm hoi nhưng vẫn xảy ra”. Hòa thượng hướng dẫn Thủ Huồng đến chiêm bái tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát(3), rồi phán dạy tiếp : “Đây là tượng Bồ Tát Địa Tạng. Ngài là vị Bồ Tát mang đại nguyện là đời đời kiếp kiếp cứu độ hết thảy chúng sanh cho đến khi địa ngục trống không thì mới thành Phật, vì lẽ đó, Ngài được tôn xưng là vị Giáo chủ cõi U Minh, ai muốn thoát cái khổ địa ngục thì phải chiêm bái Ngài, hành hạnh nguyện của Ngài. Con hãy quan sát kỹ tượng Bồ Tát, tay trái Ngài nâng hạt minh châu, tay

phải Ngài cảm tích tượng. Minh châu tượng trưng cho trí tuệ, dùng minh châu soi sáng cõi u minh cũng có nghĩa là phát triển trí tuệ sáng suốt hầu thấy rõ con đường chánh đạo để tu tập mà xa lìa địa ngục. Tích tượng có gắn mười hai khoen tượng trưng cho giáo lý 12 nhân duyên. Tích tượng là cây gậy dùng để phá tan địa ngục, phá địa ngục không phải bằng vũ lực mà là dựa trên giáo lý nhân duyên tu tập. Cách phá hay nhất là không tạo nhân địa ngục thì sẽ không sanh quả địa ngục. Còn nhược bằng đã lỡ gieo nhân địa ngục, thì phải thành tâm sám hối, bố thí, trì giới... tạo nhân lành, để giữa mài cho mỏng dần cái quả địa ngục... rồi cứ thế mà liên tục thực hành thì cái quả địa ngục mới có ngày hoàn toàn biến dạng. Giờ đây nhà chùa có thể giúp đỡ con bằng cách hướng dẫn con lễ bái, cúng dường, tụng niệm kinh Địa Tạng bốn nguyện... hoặc giả nếu như con phát tâm từ bi nhà chùa cũng sẵn sàng thiết lập đại thủy đàn chân tế để con hành hạnh bố thí hồi hướng cho vợ con thì càng tốt. Tuy vậy, con nên nhớ rõ rằng chính con phải tự cảm tích tượng phát tâm đồng mãnh sám hối, bố thí, trì giới, nhẫn nhục... để phá địa ngục thì địa ngục mới thực sự tiêu tan. Con và vợ con đã có thân giao cách cảm, con phát tâm thì vợ con cảm ứng, nên cái khổ địa ngục của vợ con chắc chắn sẽ vơi dần...". Nghe hòa thượng nhắc nhở lý nhân duyên nghiệp báo, Thủ Hoàng lo sợ cuống cuống. Ông ta thừa hiểu tội ác của mình ngập đầu ngập cổ, như vậy nếu rơi vào chốn địa ngục thì chắc chắn sẽ bị cực hình đau đớn gấp trăm, gấp ngàn lần cái khổ mà vợ đang gánh chịu nữa. Thủ Hoàng vội vã thỉnh cầu hòa thượng thương xót tổ chức hướng dẫn tụng niệm cúng dường Bồ Tát Địa Tạng và thiết lập trai đàn thủy lục để bố thí cầu nguyện cho vợ, ngoài ra, ông ta cũng kính thỉnh tượng Địa Tạng về nhà, ngày đêm lễ bái, thành tâm sám hối thì không tái phạm lỗi lầm nữa. Trong chiêm bao, tiếng rên la kêu gào của vợ bắt đầu giảm dần, hai tháng sau, thì dường như đã dứt hẳn khiến Thủ Hoàng cảm thấy có thể ăn ngon ngủ yên được rồi. Một hôm Thủ Hoàng chiêm bao thấy vợ thân thể bèo nhèo tiêu tụy hiện về cho biết nhờ chồng lễ bái, cúng dường Bồ Tát Địa Tạng và lập đàn phát chân tế hồi hướng nên tội nghiệp giảm thiểu dần, giờ đây nàng không còn bị hành hạ ô nhục đồng lứa tại ngục Báo Trục hay bị cày lưỡi tại ngục Canh Thiệt nữa. Nàng đang được quý tốt dần giải sang ngục công cùm để chịu tội tiếp, nàng năn nỉ quý tốt cho ghé nhà một phút thông báo tin mừng cho chồng rồi chạy đi ngay. Thương vợ quá, hồn Thủ Hoàng tức tốc chạy theo. Ông thấy vợ bị hai con quý hung dữ nanh dài lôi kéo, tuy run sợ nhưng cũng lẻo đẻo theo sau dù phải giữ một khoảng cách khá xa, chớ chẳng dám đến gần. Thủ Hoàng cứ thế mà

len lỏi đi theo xuyên qua bao địa ngục khủng khiếp, thấy cảnh tội nhân bị móc mắt, cắt lưỡi, phanh thây, kẻ bị bỏ vào vạc dầu sôi, ôm trụ đồng lửa... đang đau đớn kêu gào kinh rợn. Đến địa ngục công cùm, Thủ Huồng đang đứng xa xa lăm lét nhìn cảnh vợ mang công, bỗng bị viên cai ngục khám phá, chỉ mặt hét lớn : “Thằng kia! người là tội nhân địa ngục nào sao dám lảng vảng ở đây?”. Thủ Huồng sợ hãi run lấy bầy, tuy vậy, nhờ hơn hai tháng qua, ngày đêm lễ bái Bồ Tát Địa Tạng, lúc lâm nguy bèn nhớ ngay đến Ngài nên còn giữ chút bình tĩnh. Thủ Huồng lên tiếng : “Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát. Tôi không phải là tội nhân ở cõi địa ngục nào cả. Tôi tới đây vì lòng tò mò mà thôi!”. Tên cai ngục bỗng đổi giọng nhỏ nhẹ : “Anh biết nương về với Bồ Tát thì rõ ràng không phải là tội nhân ở đây rồi. Anh có điều chi thắc mắc mà muốn tìm hiểu chốn này?”. Thủ Huồng lạnh trí nhìn quanh quất thấy có chiếc công vĩ đại, to gấp ngàn lần cái công bình thường, liền đáp : “Cái công bự tổ bố kia dùng vào việc gì vậy ông?”. Viên cai ngục tra xét quyển sổ tội phạm dày cộm, rồi trả lời : “Công này dành riêng cho tên Võ thủ Hoảng. Hắn là kẻ đại gian ác hiện đang sanh sống tại dinh Trần Biên, xứ Đại Nam. Sau khi mãn số, hắn sẽ bị hành hình dài dài ở khắp các địa ngục tên lửa, xe sắt, giường sắt, nước đồng sôi, cày lưỡi, móc mắt, cắt lưỡi, cưa răng... rồi mới tới đây”. Thủ Huồng cảm ơn viên cai ngục, rồi phóng chạy một mạch về nhà thì tinh mệt, mà nổi kinh hoàng vẫn còn đeo đẳng đến độ tay chân rụng rời không xê dịch được. Nhờ hàng ngày nghiền ngẫm pháp từ của hòa thượng Phật Ý Linh Nhạc, Thủ Huồng đã hiểu rõ rằng chính mình phải đồng mãnh cầm tích trượng nhân duyên để phá tan địa ngục của chính mình bằng cách phát lồ sám hối, bố thí trì giới và xả thân phục vụ pháp giới chúng sanh. Thế rồi, Thủ Huồng truy tầm những nạn nhân trước kia đã bị ông ta cưỡng đoạt, lường gạt, bóc lột... để đền bù lại những gì có thể bồi hoàn được. Mặt khác, ông cũng mở lòng nhân từ giúp đỡ những gia đình nghèo đói, dưỡng nuôi kẻ già nua cô quạnh, rước thầy hốt thuốc cho kẻ bệnh tật, lo ma chay tống táng cho kẻ chết bờ chết bụi... Ông tận tụy phục vụ cho mọi người, ở đâu mà nghe tiếng kêu than khóc lóc, thì ông liền tìm đến an ủi cứu giúp. Sau hai năm hành hạnh nguyện bố thí, chi phí hơn nửa gia sản, một hôm, Thủ Huồng lại chiêm bao thấy vợ. Lần này bà tươi vui cho biết nhờ chồng thức tỉnh tu tập rồi hồi hướng công đức mà bà đã thoát khỏi cảnh địa ngục, nay sắp đi đào thai nên vội lên về báo tin rồi từ giã ngay. Thủ Huồng thương vợ bịn rịn chẳng muốn rời nên lóc cóc chạy theo. Bà vợ nhanh chân quá, mới thấy đó đã biến mất đằng nào. Thủ Huồng len lỏi theo con đường cũ tìm kiếm. Ông cũng xuyên qua

bao địa ngục rùng rợn, rồi cuối cùng lang thang đến đúng địa ngục công cùm năm xưa. Lần này Thủ Huồng rất bình tĩnh, ông chào viên cai ngục rồi vui vẻ lên tiếng : “Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát! Xin chào Ông. Ông còn nhớ tôi không?”. Viên cai ngục đáp : “Dĩ nhiên là nhớ. Anh còn thắc mắc điều chi mà lò dò đến đây?”. Thủ Huồng trả lời : “Tôi muốn xem lại cái công to lớn năm xưa để biết hình dạng nó giờ đây đã thay đổi như thế nào?”. Viên cai ngục lắc đầu ra vẻ ngạc nhiên : “Lạ quá anh ạ! Chẳng biết thằng cha Võ thủ Hoằng đó đã ăn năn sám hối ăn hiền ở lành như thế nào, mà cái công đó teo nhỏ dần. Anh hãy nhìn xem kia! Nó nhỏ xíu, và có lẽ sắp biến dạng đến nơi rồi...”. Thủ Huồng mỉm cười đáp : “Thú thật với ông cai, Võ thủ Hoằng chính là tôi đây. Từ ngày quy ngưỡng Bồ Tát Địa Tạng, tỏ tường lý nhân duyên, tôi đã phát lồ sám hối, thề tránh điều dữ, nguyện làm việc lành... chỉ mong chuộc lại lỗi lầm năm xưa mà thôi. Tôi hi vọng sẽ không phải theo nghiệp dữ mà đến đây mang công mang cùm làm bận rộn cho quý ông. Xin cảm ơn ông và xin chào ông.” Trở về trần thế, Thủ Huồng bền bỉ tiếp tục hạnh nguyện cứu giúp kẻ bần cùng. Ngoài ra, ông còn bỏ tiền ra đắp đường, vét sông rạch, xây cầu, dựng bè xây nhà ngay ngã ba sông Đồng Nai và Saigon cho thuyền nhân qua lại có chỗ tạm trú chờ con nước thuận. Những năm cuối cùng của cuộc đời, ông gom hết tài sản còn lại, xây dựng ngôi chùa Chúc Thọ dâng lên hòa thượng Phật Ý Linh Nhạc, rồi thanh thân từ giã cõi đời, ra đi không vương bận một đồng xu ten dính túi. Tuy vậy, sự nghiệp của ông : ngôi chùa Chúc Thọ, con rạch, cầu đá, con đường lộ... vẫn còn tồn tại cho người đời sau hưởng dụng, riêng cái “nhà bè” dầu dẫu vết đã biến mất mà địa danh Nhà Bè vẫn còn phảng phất trong câu hát điệu hò :

- “Nhà Bè nước chảy chia đôi.
- Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về...”

Trong khi làm lễ tống táng Thủ Huồng, hòa thượng Phật Ý Linh Nhạc muốn lưu lại sự tích đặc biệt của người Phật tử này nên có biên mấy chữ son trên lòng bàn tay phải của ông ta. Mười mấy năm sau, vua Đạo Quang nhà Thanh cho sứ giả sang Việt Nam yêu cầu triều đình Huế dò la tung tích Thủ Hoằng, vì trên lòng bàn tay của một hoàng tử khi sanh ra có hàng chữ “Đại Nam, Gia Định, Thủ Hoằng”. Sau khi truy tầm được, vua Đạo Quang có gởi tặng chùa Chúc Thọ ba tượng Phật bằng gỗ trầm hương và bia đá ghi lại sự tích, mà đến ngày nay vẫn còn lưu giữ tại chùa. Từ thuở thiếu thời, sự tích này đã gây ảnh hưởng rất sâu đậm trong lòng tôi. Tôi thành tâm ngưỡng mộ Bồ Tát Địa Tạng, vẫn dặn lòng phải luôn luôn tự soi sáng hành động mình bằng lý

nhân duyên, nhờ vậy đến từng tuổi này, khi có dịp nhìn lại quãng đời qua, tôi rất mừng rằng mình đã không đến nỗi gây ra những ác nghiệp nặng nề.

Phương vừa chấm dứt câu chuyện, thì Luân liền lên tiếng :

Tôi phục vụ tại tiểu khu Biên Hòa đến sáu năm, vậy mà không có duyên để biết câu chuyện Thủ Huồng. Tiếc thật! Không may mắn như anh Phương, nhân duyên hướng dẫn tôi đến với Bồ Tát Địa Tạng trễ lắm. Nguyên tôi vốn chẳng quan tâm mấy đến những vấn đề liên hệ tôn giáo, mãi đến khi đi học tập cải tạo mỗi mìn hơn bảy năm trời, nỗi khổ đau chất ngất đến độ muốn quyên sinh cho nhẹ nợ trần thì bất ngờ tôi nhận được quyển kinh Địa Tạng Bồ Tát bản nguyện. Trong một chuyến thăm nuôi, bỗng dưng bà xã liền lĩnh mang quyển kinh dấu trong giỏ thực phẩm trao cho tôi, dặn dò nhớ tụng niệm để được Bồ Tát gia hộ mà thoát khổ. Như hai anh cũng biết, họ kiểm soát cẩn mật lắm, kinh sách là loại cấm kỵ, họ mà khám phá thì bị tống vào chuồng cạp chó chẳng chơi, vậy mà qua hai lần lục lạo móc moi không sót chỗ nào, họ vẫn không thấy được quyển kinh. Sự kiện nhiệm màu đó là động cơ thúc đẩy tôi đọc tụng tìm hiểu từng lời kinh, và chỉ trong thời gian ngắn đã chuyển biến con người không có niềm tin Trời Phật như tôi, thành kẻ biết quy kính Tam Bảo chân thành học Phật tu thân. Thật vậy, ngay khi vừa mới đọc tụng kê khai kinh, xướng lên hạnh nguyện của Bồ Tát : “Địa ngục vị không, thế bất thành Phật. Chúng sanh độ tận, phương chứng Bồ Đề”(4) thì tôi đã xúc động run rẩy, nước mắt ngập tràn. Thân phận tội tù của chúng mình là đối tượng cho người ta hành hạ thể xác lẫn tinh thần, mình bơ vơ, lạc lõng chẳng còn chút niềm tin. Bây giờ, mình được trao cho niềm tin, mình có nơi nương tựa, mình hiểu rõ rằng, dù có bị đọa đầy ở chốn địa ngục tàn khốc như thế nào, thì Bồ Tát Địa Tạng cũng đến tận nơi để cứu độ mình. Ý nghĩ Bồ Tát luôn luôn kề cận bên mình thật là kỳ diệu. Từ đó, dù là lúc lên rừng đốn cây hay làm tạp dịch quanh trại, mỗi khi nghe tiếng chim hót, thấy con bướm nhón nhơ, một đóa hoa đại hé nở, một cụm mây bay... tôi đều có cảm giác như Bồ Tát đang hiện hữu dưới hình dáng đó để an ủi tôi, để chở che đùm bọc tôi. Nhờ vậy, tôi cảm thấy lòng mình an vui thanh thản lạ thường, nỗi niềm khổ đau, thù hận không còn dày dò nữa, có thể nói, tuy thân xác vẫn ở tù mà tâm thì đã thoi thới không bị buộc ràng. Hằng ngày tôi âm thầm tụng kinh, đi đứng làm lụng tôi niệm danh hiệu của Ngài, nên không có thời giờ trống trải để vớ vẩn âu lo, thậm chí tôi cũng không quan tâm đến chuyện về hay ở nữa. Càng tụng kinh tôi càng ý thức rằng cái quả khổ đau ngày nay tôi gánh chịu là do cái nhân bất thiện mà tôi đã gây ra, nên tôi chân thành sám hối, nguyện sửa đổi lỗi lầm, tránh làm điều ác, siêng làm việc lành. Đúng ba tháng sau thì tôi được trả tự do. Trước khi rời trại tôi bàn

giao quyền kinh cho Thiếu Tá Cử, nguyên trưởng Phòng ba, tiểu khu Bình Dương và anh Cử cũng được về nhà trong vòng 6 tháng. Người ngoài có thể cho sự kiện trên chỉ là một sự trùng hợp, nhưng riêng tôi, tôi tin tưởng là có sự cảm ứng nhiệm màu, và Bồ Tát Địa Tạng đã gia hộ cho tôi. Từ đó đến nay, lòng tôi lúc nào cũng hướng về Ngài để thành tâm quy ngưỡng, và nương tựa Ngài mà tinh tấn tu sửa thân tâm. Khi tham gia chuyến hành hương tứ đại danh sơn, dĩ nhiên ưu tiên của tôi là chiêm bái thánh địa của Ngài. Tôi thao thức mong đợi từng giây từng phút nên ngày đầu tiên đến thánh địa trời sụp tối không chiêm bái liền được, tôi trần trọc suốt đêm không ngủ. Liên tiếp hai ngày sau, tôi theo phái đoàn chân thành chiêm bái khắp nơi : Hồi Hương Các, Vạn Niên tự, Kỳ Viên tự, Đại Nguyên tự, Địa Tạng thiên tự, và Nhục Thân bảo điện, nơi nào cũng trang nghiêm hùng vĩ, và nơi nào tôi cũng xúc động với cảm giác là Bồ Tát Địa Tạng vẫn hằng hiện hữu đâu đây. Điểm đặc biệt là trong khi chiêm ngưỡng nhục thân bất hoại của Ngài Vô Hạo tại chùa Vạn Niên(5) và Ngài Từ Minh tại chùa Địa Tạng, tôi cảm thấy vừa hân hoan vừa thương cảm, nước mắt ràn rụa như trẻ thơ gặp mẹ vì tôi tin tưởng chắc chắn rằng nếu như tôi đồng mãnh tinh tấn tu tập thì tôi cũng sẽ gần gũi với Bồ Tát Địa Tạng như những vị này.

Thanh gật gù ra vẻ tán đồng, rồi chậm rãi lên tiếng :

- Hai anh đều sẵn có nhân duyên lớn với Bồ Tát Địa Tạng, còn phần tôi, thú thật rằng phải nhờ chuyến hành hương này tôi mới am hiểu sơ lược về Ngài, dầu vậy, tôi cũng cảm thấy mình được chuyển hóa nhiều lắm. Tuy nhiên, chuyện của tôi là chuyện tình cảm riêng tư vụn vặt, chẳng cao sâu hay hào hứng đặc biệt gì cả, nên tôi xin hai anh cho được miễn trình bày nhé?

Luân phản đối tức khắc :

- Đâu có chuyện kỳ cục vậy Thanh! Tụi mình đã hẹn với nhau thì phải làm theo đúng lời hứa chứ. Vả lại, mình là dân nhà binh mà, phải thi hành trước rồi mới được khiếu nại sau, anh đâu thể viện lý do này kia để tránh né như vậy được!

Phương cũng kỳ kèo :

- Đối với anh em mình thì đâu có chuyện riêng tư nào phải giữ kín anh Thanh! Vả chẳng chuyện đạo mà đem áp dụng vào cuộc đời mới có giá trị thực tiễn để học hỏi chớ. Xin anh trình bày cái suy tư hay tâm tình của anh về Bồ Tát Địa Tạng hầu anh em tùy nghi rút tĩa kinh

nghiệm mà tu tập. Tôi tin chắc câu chuyện sống thực của anh sẽ mang lợi lạc cho tôi nhiều lắm!
- Hai anh nhứt quyết đòi nghe thì tôi đành phải vâng lời thôi! Thú thật với hai anh là vợ chồng tôi tuy bề ngoài sống rất ư là hạnh phúc, nhưng thật ra thì tôi cũng có nỗi khổ tâm riêng, thậm chí đôi khi tôi có cảm giác bứt rứt như mình bị tù hãm vậy, đây chính là lý do đã đưa tôi tìm về suối nguồn Phật giáo làm nơi nương tựa.

Thanh ngừng lại, buồn hiu buồn tiếng thở dài, khiến cho Phương và Luân đâm ra ái ngại. Họ thật lòng chỉ muốn nài ép Thanh kể chuyện cho vui không ngờ vô tình lại khơi dậy nỗi khổ thầm kín trong lòng bạn, nên vội vã lựa lời an ủi. Luân lên tiếng :

- Đừng buồn Thanh ạ! trời đất còn có khi mưa khi nắng, thì tình vợ chồng sao chẳng có lúc mặn nồng khi lại đắng cay. Hoàn cảnh tôi nào có khác chi hoàn cảnh anh. Tuổi đời chồng chất, thân thể bệnh hoạn, bà xã tôi dễ sanh cau có, quạu quọ ngay cả với những chuyện vu vơ. Con cái đều ra riêng, quanh đi quẩn lại trong nhà chỉ có hai vợ chồng già hủ hỉ, nên dĩ nhiên tôi phải lãnh trọn vẹn những tiếng cằn nhằn của bà. Hai anh nghĩ coi, suốt ngày tôi cứ bị cái âm điệu khàn khàn dai dẳng xoáy vào lỗ nhĩ hoài nhưc nhối buốt óc, buốt tim thì làm sao chịu đựng nổi, có lúc, tôi muốn phát điên lên được. Lần đó bà gọi tôi ra ăn cơm, tôi mê đọc sách ra trễ chừng năm phút thì thấy mặt mày bà đã chằm dằm, rồi bà lại bắt đầu mở máy nói khiến tôi nóng mặt nuốt cơm chẳng trôi. Bỗng nhiên tôi nhớ lại thuở ban đầu xa xưa ấy, tôi thường ham vui với bè bạn về trễ, có khi để người vợ trẻ phải chờ cơm đói meo cả mấy tiếng đồng hồ, thế mà nàng chỉ buồn buồn chớ không trách tôi một lời. Lúc đó tôi chỉ cần nựng nàng rồi an ủi một câu : “Tội nghiệp em cưng! anh về trễ làm cho em phải chờ cơm! thương quá là thương!”, thì nàng đã đổi buồn thành vui, ríu rít bên tôi như con chim sơn ca rồi. Tôi liền tự hỏi còn bây giờ thì sao? Tôi nhìn kỹ bà. Ôai, người con gái duyên dáng tràn đầy nhựa sống năm xưa đã biến thành già nua lụm cùm, bà tàn tạ thảm thương, bà bệnh hoạn mệt mỏi rã rời, thảo nào bà chẳng dễ sanh phiền muộn. Phần tôi, tôi cũng khô cằn còm cõi, tôi đâu còn tươi mát tán tỉnh cợt nhã với bà ngọt ngào như xưa, thành thử đời sống vợ chồng đâm ra lê thê buồn nẫu. Bỗng dưng tôi nghĩ không phải chỉ cái thời gian mà chính tôi và lũ con tôi cũng là những nguyên nhân lớn đã tàn phá con người bà. Cả đời bà ăn không no ngủ không yên, dành hết thời giờ tần mẫn chăm sóc chồng con từng miếng ăn, từ cái mặc, rồi đến khi tôi lâm cảnh lao

lung, một mình bà phải tảo tần ngược xuôi trăm cay ngàn đắng kiếm sống, lại còn phải gian nan lận lội thăm nuôi chồng tại những trại tập trung heo hút. Tình thương vợ bỗng dâng tràn, tôi vuốt mấy sợi tóc bạc lòa xòa trên trán bà, âu yếm nói : “Ôai! thương làm sao á! em suốt đời chăm lo săn sóc chồng, mà anh hư quá để em chờ đợi cơm canh nguội lạnh! tội nghiệp em cũng quá!” Đang hờn giận nhau, chúng tôi cảm thấy thương nhau hơn bao giờ hết, vì vậy, từ dạo đó, tôi thường lưu ý bà, chăm sóc đùa giỡn với bà như thời trẻ trung nhờ vậy chuỗi ngày già đờ tẻ nhạt, và tình nghĩa vợ chồng lại dào dạt đậm ấm như xưa.

- Phương cũng góp ý :
- Đúng như anh Luân nhận xét. Bọn đàn ông chúng mình, thời trẻ trung thường hào hoa phong nhã, biết săn sóc tán tỉnh vợ, thỏ thẻ những lời âu yếm nồng nàn, nhưng đến khi lớn tuổi rồi thì lại “quá đúng đắn” thành thử đời sống vợ chồng lạt lạt dần, đến nỗi khi chuyện gối chăn thưa thớt, con cái có đời sống riêng tư thì hai vợ chồng già lủi thủi chán chường, trơ mắt nhìn nhau khô khan tình cảm. Họ gượng gạo sống bên nhau mà chẳng chút niềm vui, thì có khác gì là đang sống trong địa ngục. Tại sao những người già không có thể nói những lời thiết tha âu yếm với nhau như thời trẻ để làm gia vị thêm cho đời sống vợ chồng, tôi nghĩ “mụ vợ già” cũng có nhu cầu và có quyền được chồng tán tỉnh, cợt nhả như thời còn là người vợ trẻ phải không hai anh?

Thanh bỗng tùm tùm mỉm cười lên tiếng :

- Khâm phục! khâm phục lắm! Ý kiến của hai anh thực tiễn vô cùng, tôi sẽ lưu ý áp dụng để có thêm lợi lạc, ngặt một điều là trường hợp vợ chồng tôi lại không giống hoàn cảnh kẻ khác. Lý do là chuyện trục trặc của chúng tôi xảy ra chẳng qua chỉ vì bà xã tôi thương tôi quá mức, săn sóc tôi kỹ quá nên tôi cảm thấy tù túng mà thôi...

Luân cướp lời :

- Vậy mà anh làm người ta tưởng anh bị vợ hành hạ chớ! Anh làm tụi tôi lo lắng tìm lời phân giải để anh cười chơi phải không?

Phương cũng trách :

- Đúng là gờng càng già càng cay, anh càng già càng độc, tôi bị anh giăng bẫy sập hoai, mà lần này vẫn hấp tấp nên lại rơi vào tròng.
- Hi! hi! coi kìa! tự hai anh hiểu lầm chớ tôi nào mở miệng oán trách bà xã câu nào đâu? Còn chuyện được thương quá mức, được săn sóc

quá mức thì cũng bị ngột ngạt tù túng chứ! Người ta nói bị nhốt trong nhà đá, lò giam sắt, trong tháp ngà hay trong vòng tay âu yếm cũng đều là ở tù kia mà! Đúng ra, phải nói tình thương của bà mang tính chất chiếm hữu nên dính mắc và độc tài. Bà quá sức thương tôi mà độc tài thành thử tôi bị ràng buộc mất hết tự do, ngay việc tu tập cũng bị ngăn trở nữa. Phần bà tuy phát nguyện Niệm Phật để vãng sanh cõi Tây Phương Tịnh Độ mà vướng mắc bi lụy thì làm sao thành công cho được. Tôi nghĩ vợ chồng chúng tôi phải học lối thương yêu theo tinh thần từ bi hỷ xả của chư Bồ Tát thì mới không gây phiền não cho nhau, và đó là lý do chúng tôi tham gia chuyến hành hương này. Tôi chỉ nhập đề thôi mà...

- Phương cười xuề xòa lên tiếng :
- Thôi anh khỏi ngại biện nữa, tôi đồng ý là anh chỉ mới nhập đề thôi, vậy xin anh hãy đi thẳng vào chuyện Cửu Hoa sơn cho rồi, kéo hai đứa tôi ngóng chờ hoài, cái cổ đã dài nhằng mà vẫn còn được nghe được đây nè!
- Hì hì! Chuyện như thế này đây : Trước ngày hành hương, tôi có nghiên cứu sử liệu về bốn đại danh sơn, thì được biết tại ba đại danh sơn kia, Bồ Tát Văn Thù đã hiển thánh xuất hiện tại Ngũ Đài, Bồ Tát Phổ Hiền tại Nga Mi và Bồ Tát Quán Thế Âm tại Phổ Đà, sự tích rất rõ ràng, nhưng riêng Cửu Hoa sơn thì không điển tích nào kể lại sự xuất hiện của Ngài Địa Tạng cả. Cửu Hoa sơn, đúng ra chỉ là đạo tràng của vị thánh tăng tục danh Kim kiều Giác. Ngài nguyên là hoàng tử nước Cao Ly, xuất gia rồi vượt biển sang Trung Quốc ẩn tu tại một ngôi am cổ trên ngọn Phù Dung. Đức hạnh của Ngài không lâu đã vang lừng khắp huyện Thanh Dương, rồi lan rộng đến kinh đô. Vua Đường hâm mộ Ngài nên đã truyền xuất công quỹ lập ngôi chùa “Hóa Thành” để Ngài có nơi rộng rãi hoằng dương Phật Pháp. Ngài an nhiên tịch năm 99 tuổi, đệ tử theo di huấn đặt nhục thân Ngài trong chum. Ba năm sau mở chum, nhục thân Ngài không hư rữa mà vẫn tươi như lúc sống, lại thoang thoảng mùi hương. Khi nhắc nhục thân ra khỏi chum, thì bỗng nghe phát ra tiếng khua tợ như chuỗi xích vàng rung chuyển. Do hiện tượng này, người đời sau tin tưởng Ngài là một ứng hóa thân của Bồ Tát Địa Tạng và tôn xưng Ngài là Kim Địa Tạng. Tóm lại, tôi thầm nghĩ dù sao Cửu Hoa cũng không có sự hiển thánh nên tôi khó tin tưởng đây là một linh địa ngang hàng với Ngũ Đài, Nga Mi và Phổ Đà. Thế nhưng ngay đêm đầu tiên tại đây, vừa chợp mắt tôi chiêm bao thấy mình phủ phục lễ lạy tượng Bồ Tát Địa Tạng, khi tôi đứng dậy thì lạ lùng thay, trước mắt tôi không là một pho tượng đơn độc nữa, mà là một pháp hội vĩ đại có vô số Bồ Tát

Địa Tạng tề tỵ. Tôi đang ngậy ngất chiêm ngưỡng pháp hội kỳ diệu đó thì giật mình tỉnh dậy trong niềm an lạc vô biên tràn ngập. Trạng thái kỳ diệu này vẫn tiếp tục miên man trong lòng tôi trong suốt hai ngày hành hương chiêm bái, nhất là trong khi nghe thầy giảng giải về sự tích Ngài Vô Hà tại cung Bách Tuế, chùa Vạn Niên. Nguyên sư Vô Hà đã tìm đến Cửu Hoa với hoài bảo chiêm bái chân thân Ngài Kim Địa Tạng nhưng vào thời buổi loạn lạc, cảnh Phật điêu tàn, sư không thể truy tầm dấu vết chân thân Ngài Kim Địa Tạng được. Thế rồi sư ở lại ẩn tu cho đến khi viên tịch năm vào năm 110 tuổi và cũng để lại một nhục thân bất hoại như người xưa. Lúc đó, tôi bỗng rung động ràn rụa nước mắt nghĩ rằng Ngài Vô Hà không gặp mà đã gặp. Ngài không thấy chân thân người xưa nhưng đã thực sự gặp Bồ Tát Địa Tạng bằng chính hạnh nguyện tu tập của Ngài. Thế rồi, tôi bỗng liên tưởng đến giác chiêm bao về pháp hội hiện diện vô số Bồ Tát Địa Tạng, và trực nhận ra một điều là bất cứ ai mà có đồng hạnh nguyện với Địa Tạng Vương Bồ Tát, thì cũng đều là hiện thân của Bồ Tát Địa Tạng cả. Tôi thâm nhủ : “Vậy thì, các vị thánh tăng Kim kiều Giác, Vô Hà, Từ Minh... không phải đều là những Bồ tát Địa Tạng sao? hà huống mình phải nhọc lòng sưu tầm sự tích hiển thánh khác chi nữa?” Trong giây phút xuất thần đó, tôi bỗng xúc động quì xuống, chấp tay phát nguyện : “Kính lạy Đức Bồ Tát Địa Tạng. Con xin học hạnh nguyện của Ngài. Con nguyện sẽ tinh tấn tu tập để làm sáng tỏ tâm Địa Tạng nơi con, hầu con có thể hội đủ dũng lực để mang ánh sáng của Đạo Pháp đến với những kẻ đang sống trong tăm tối của tội lỗi, trong tù ngục của ngu dốt, hận thù, kỳ thị... Kính xin Bồ Tát gia bị cho con”...

Phương nức nở khen ngợi :

- Suy tư của anh về tự tánh Địa Tạng thật là đặc biệt! nếu ai mà quay về với tự tánh Địa Tạng thì tự thân người đó là một Địa Tạng, tự thân người đó đã “Vung tích trượng mở toang cửa địa ngục”(6) mà chính họ đã xây rồi.

Luân cũng vỗ tay tán thưởng :

- Hoan hô Thanh! Tôi cũng xin bắt chước anh, nguyện sẽ tinh tấn tu tập để làm sáng tỏ tâm Địa Tạng trong tôi!

Tháng 7.2000

Ghi chú :

1. Sự tích Thủ Huồng và chùa Chúc Thọ được truyền tụng trong dân gian và có ghi lại trong Đại Nam nhất thống chí, Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức và nhiều sử liệu khác. Các giai thoại Thủ Huồng về đại cương tương đối giống nhau, nhưng về cách thức mà Thủ Huồng đã viếng địa ngục thì có ít nhất là ba thuyết khác biệt : a. Thủ Huồng được Hà Bá sông Đồng Nai đưa đi b. Thủ Huồng được đồng cốt tại chợ Mảnh Ma, Phan Rang đưa đi gặp vợ đã chết. Vợ Thủ Huồng đang làm thị nữ cung Diêm Vương, vận động xin cho chồng giấy phép thăm viếng các địa ngục và c. thuyết đã ghi trong tập truyện này.

2. Thiền sư Phật Ý Linh Nhạc (1725-1821) : sư là đệ tử xuất sắc của hòa thượng Thành Đăng Minh Lượng, chùa Đại Giác, dinh Trấn Biên. Sư đã tiên phong đi theo di dân vào huyện Tân Bình, Gia Định, lập chùa Từ Âm hồng hóa, sau đó, đã kiêm nhiệm trụ trì luôn cả chùa Khải Tường, Gia Định và chùa Đại Giác, Đồng Nai. Sư là vị đạo đức cao tăng bậc nhất miền Nam vào cuối thế kỷ thứ 18, đã đào tạo nhiều bậc tăng tài xuất chúng như : 1. Thiền sư Tổ Án Mật Hoàng(1735-1835), trụ trì chùa Đại Giác, được vua Gia Long triệu thỉnh làm tăng cang chùa Thiên Mụ, sau trụ trì chùa Quốc Ân, Huế 2. Thiền sư Thiệt Thành Liễu Đạt, được vua triệu thỉnh làm tăng cang chùa Thiên Mụ 3. Thiền sư Tổ Tông Viên Quang(?-1828), trụ trì chùa Giác Lâm, khai sơn chùa Giác Viên 4. Thiền sư Tổ Đạt Trí Tâm, trụ trì các chùa chùa Khải Tường, Gia Định, chùa Long Thạnh, Bà Hom và chùa Chúc Thọ, Đồng Nai.

3. Tượng Bồ Tát Địa Tạng phổ biến nhất là tượng Bồ Tát trong dáng xuất gia, cạo đầu, mặc áo ca sa, tay mặt cầm tích trượng có mười hai khoen, tay trái nâng hạt minh châu, ngồi trên lưng bạch khuyển tên Đê Thính (cũng còn gọi là linh khuyển tên Thiện Thính hoặc Đề Thính). Tượng Bồ Tát Địa Tạng tạc phẳng phát theo hình dáng của Ngài Kim kiều Giác (giống như trường hợp tượng Bồ Tát Di Lạc tạc theo Ngài Bồ Đại hòa thượng), với những thâm nghĩa như sau :

- đầu tròn áo vuông là hình ảnh giải thoát, muốn giải thoát khỏi địa ngục thì phải dẫn thân tu tập như một tu sĩ.

- hạt minh châu tượng trưng cho trí huệ. Trí huệ bừng nở thì vô minh tan biến, cũng như ánh sáng chói rọi thì bóng tối không còn nữa. Do phát triển trí huệ hành giả mới đón nhận được chánh pháp để dẫn thân tu tập.

- tích tượng có 12 khoen tượng trưng cho giáo lý 12 nhân duyên. Giáo lý căn bản để phá địa ngục là giáo lý nhân duyên, thâm nhập giáo lý này thì không còn gieo ác nghiệp nữa thì làm sao bị đọa xuống địa ngục.
- Bạch khuyển (con chó trắng tức trung tín nơi thiện pháp) Để Thính (nghe chân thật) : tượng trưng lòng trung kiên thấy nghe pháp chân thật để phát triển thiện nghiệp.

Tinh thần tự lực thể hiện rất rõ rệt qua hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, theo đó thì chính hành giả phải tự mình nâng hạt minh châu trí tuệ, vung tích tượng mười hai nhân duyên để phá tan cái địa ngục do chính mình đã xây cho mình.

4. Địa ngục chưa trống không, quyết chẳng thành phật. Độ hết thấy chúng sanh, mới chứng quả Bồ Đề.

5. Vạn niên tự (Bách Tuế cung) : Ngài Vô Hà, pháp danh Hải Ngọc, sanh năm 1513, xuất gia năm 24 tuổi tại Ngũ Đài, sau đó đến Nga Mi tu tập cho đến năm 1573, Ngài đến Ma Không Lãnh, Cửu Hoa sơn dựng am tu tập, dân chúng gọi đó là am Trích Tinh. Ngài chỉ dùng trái cây, uống nước suối (không dùng thức ăn nấu nướng) và không xuống núi. Hòa thượng nghiêm trì tu tập, hàng ngày tự cắt đầu ngón tay lấy máu sao chép bộ Đại Phương Quảng Hoa Nghiêm kinh liên tục trong 28 năm, mới hoàn tất. (Bộ huyết kinh này vẫn còn tồn tại và được lưu giữ tại Nội Quán Văn Vật Lịch Sử Cửu Hoa sơn). Ngài viên tịch năm 1623 (110 tuổi), ba năm sau, đệ tử theo di huấn của Ngài mở hàng ra thấy di thể của Ngài vẫn nguyên vẹn như xưa. Nhục thân Ngài được tôn trí lên điện thờ, được tô vàng phủ lên, nên gọi làm Kim tượng. Để đáp ứng nhu cầu lễ bái cho số lượng đông đảo Phật tử, một ngôi chùa khang trang, mang danh hiệu Vạn Niên tự đã được xây dựng thay cho ngôi am nhỏ. Sau đó, vua Minh Sùng Trinh sắc phong Ngài Ủng Thân Bồ Tát, ban hiệu Bách Tuế cung thay cho tên am Trích Tinh cũ.

6. Phòng dịch từ câu : “Thủ trung kim tích, chân khai địa ngục chi môn”, trong bài tựa Xưng tán Bồ Tát Địa Tạng.

---o0o---

TIẾNG CHUÔNG CHƯ THIÊN SƯ

Mùa thu năm Kỷ Mẹo (1999), theo chân phái đoàn hành hương tứ đại danh sơn Trung Quốc chùa Khánh Anh, tôi có dịp ghé Hàng Châu và Tô Châu, hai địa danh nổi tiếng thanh lịch tao nhã, đã từng được văn nhân thi sĩ ca

ngôi là một chốn thiên đàng hạ giới. Tại Hàng Châu chúng tôi được chiêm bái chùa Tịnh Từ và chùa Linh Ẩn. Chùa Tịnh Từ là ngôi chùa mà Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ, vị tổ sư thiên và cũng được tôn xưng là đệ lục tổ Tịnh độ tông từng trụ trì, đây cũng là nơi mà Ngài Tế Công hòa thượng đã thị hiện để tùy duyên độ chúng, cái giếng mà theo truyền thuyết là nơi mà Ngài đã được long thần hộ pháp cung cấp gỗ xây chùa một cách màu nhiệm và điện thờ tượng cao như người thật của Ngài tại chùa thu hút đông đảo thiện tín chiêm bái. Chùa Linh Ẩn là một thắng cảnh du khách dập dìu : ngôi chùa chính vĩ đại và cổ kính gồm nhiều điện rộng lớn tôn trí những pho tượng uy nghi đẹp đẽ, trong đó có pho tượng bốn sư bằng đồng cao đến 20 thước; trước chùa là ngọn Phi Lai Phong(1), một ngọn núi xinh xắn, có đến khoảng 350 tượng Phật và Bồ Tát với nghệ thuật điêu khắc linh động đã được tạc khắp nơi : trên vách đá, bên giòng suối, trong các hang động thâm u..., công trình to tát này đã trải dài từ thế kỷ thứ 10 đến 14 mới hoàn thành. So với hai ngôi đại tự này, thì chùa Hàn Sơn tại Tô Châu có phần điêu tàn và khiêm tốn, nhưng đây lại là nơi mà lòng tôi đã đón nhận được niềm rung động sâu xa nhất. Nguyên tổ Hàn Sơn cùng với bạn là Thập Đắc là hai vị đắc đạo cao tăng, đã dấu chân tướng trong dáng điệu khật khùng, ăn mặc lượm lượm, dơ bẩn thường lang thang chung đụng khát thực với giới bần cùng hoặc kiếm sống bằng thức ăn thừa thãi dành cho các vị tăng sĩ khác. Một hôm cả hai đang la cà xuống nhà trù chùa Quốc Thanh, núi Thiên Thai tìm thức ăn thừa, bỗng bị vị đại quan đương thời là Lư Khâu bắt gặp. Lư Khâu đã được sư Phong Can tiết lộ bí mật của hai nhà sư khùng nên hành lễ hai vị rất cung kính, khiến cho chư tăng trong chùa ngạc nhiên cùng cực, họ dò la tìm hiểu tông tích Hàn Sơn và Thập Đắc, và từ đó, họ mới kính trọng hai nhà sư khùng. Lộ chân tướng, hai vị rút vào hang núi đá ẩn tu. Về sau, Thập Đắc sang Nhật hoàng hóa và Hàn Sơn thì được thỉnh về trụ trì ngôi chùa Phổ Lợi Pháp Minh. Sau khi Ngài thị tịch, tôn kính bậc tôn sư đạo đức, thế hệ sau đã lập điện tôn trí tranh vẽ Hàn Sơn Thập Đắc thờ phượng và ngôi chùa cũng được đổi tên thành Hàn Sơn tự theo pháp danh của Ngài. Tương truyền thì tiếng chuông chùa Hàn Sơn vang rất xa và có diệu dụng xoa dịu nỗi niềm ưu tư sầu muộn trong lòng người. Thi sĩ Trương Kế đã ghi lại tiếng chuông này trong bài thơ bất hủ “Phong Kiều dạ bạc”:

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự
Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền.
(Quạ kêu trăng xế trời sương
Bến Phong đóm lửa đối buồn mên mang

Thành Cô Tô, chùa Hàn Sơn
(Nửa đêm chuông vọng đưa sang khách thuyền)

Bài thơ tương tự như một thông điệp, chuyên chở tiếng chuông Hàn Sơn vượt thời gian, vượt không gian đến với lòng người qua bao thế hệ khắp cả năm châu. Có thể nói hàng triệu người chỉ đọc thơ mà đã rung cảm với tiếng chuông chùa. Ngày nay, chiếc chuông xưa đã bị cưỡng đoạt mang đi mất, khách hành hương viếng chùa hoài niệm người xưa với chút luyến tiếc ngậm ngùi. Hòa thượng chùa Hàn Sơn tuổi hạc đã cao, trong con người của Ngài tỏa ra một phong thái an lạc, tươi mát khó tả. Tôi không ngờ tại một quốc gia Phật giáo bị kỳ thị, nếp sống tu tập bị kềm kẹp chà đạp mà vẫn có thể xuất hiện những bậc chân tu như vậy. Hòa thượng ban cho chúng tôi một pháp từ ngắn ngủi : “Chùa Hàn Sơn đặc biệt chỉ có một tiếng chuông, ngoài ra là một ngôi chùa tầm thường nhỏ bé, nhưng nhỏ lớn đâu phải là điều quan trọng phải không quý Phật tử? Chúng ta luôn ý thức rằng tự tâm tức Phật, nên dù tu ở chùa lớn hay nhỏ, dù điều kiện sinh hoạt thuận hay nghịch, những ai có tấm lòng đều có thể đón nhận được Đức Phật rạo rạt trong tâm.”

Chiếc chuông xưa chùa Hàn Sơn đã mất, nhưng đối với tôi âm vang tiếng chuông vẫn còn đó muôn đời. Thật vậy, pháp ngữ của hòa thượng không phải là tiếng chuông cảnh tỉnh nhắc nhở tôi tâm thành tu tập hay sao? Thế rồi bỗng nhiên tôi liên tưởng đến những vị thiền sư Việt Nam hiện thời, có vị đã sống trong hoàn cảnh tu tập cực kỳ khó khăn mà vẫn phát huy đạo tràng, giống tiếng chuông vang dội khắp năm châu để độ người, tiếng chuông của chư vị đó nào có khác tiếng chuông chùa Hàn Sơn.

Vị thiền sư mà tôi tiên khởi nhớ đến là thầy Nhất Hạnh, tức hòa thượng Làng Mai. Thầy là một vị thiền sư lớn trong hậu bán thế kỷ 20, đã chủ trương đem đạo Phật dẫn thân vào đời, thực tập chánh niệm trong từng hơi thở để chuyển hóa mình và mang an lạc thương yêu trao cho mọi người, mọi loài. Lối dạy giản dị, thực tiễn mà thâm trầm của thầy, đã thu hút mãnh liệt Phật tử trí thức Việt, đồng thời cũng gây niềm hứng khởi lớn lao cho giới trí thức Âu Mỹ thao thức mong cầu một nếp sống an lạc tâm linh. Đệ tử xuất gia của thầy cả ngàn vị, tuy phần lớn là người Việt Nam, nhưng cũng có rất nhiều vị gốc Âu Mỹ, về phần đệ tử thọ năm giới, chỉ riêng người ngoại quốc cũng lên đến hàng trăm ngàn người. Ngoài đạo tràng làng Mai, mà hàng năm đều có những khóa tu thiền liên tục, có khóa đông đến 2,500 khóa sinh tham dự, pháp môn của thầy còn phát huy đạo tràng đến Gia nã Đại (làng cây Phong), Uìc (làng Sen Búp), Hoa Kỳ (Thanh Sơn Vermont, Lộc

Uyển California)..., hàng năm, thầy còn hoằng hóa khắp các nước Âu Mỹ, Uớc Châu và cả Trung Quốc nữa. Thầy sáng tác cả trăm tác phẩm, nhiều tác phẩm đã được dịch hàng vài mươi tiếng ngoại quốc : Pháp, Anh, Ý, Hòa Lan, Na Uy, Đan Mạch, Đức, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Tiệp, Nga, Nhật, Trung Hoa, Thái Lan, Đại Hàn..., nhờ vậy, pháp ngữ của thầy đã mang niềm an lạc đến khắp nơi trên thế giới, kể cả những nơi chôn đang oằn oại trong khổ đau, tăm tối, ngục tù... Tóm lại, tiếng chuông an lạc của thầy nhẹ nhàng mà công năng thì vô cùng vô tận.

Vị thiền sư thứ hai mà tôi liên tưởng đến là hòa thượng Thanh Từ, thiền viện Trúc Lâm, Việt Nam. Thầy nổi tiếng là bậc chân tu đạo đức, suốt đời thao thức cho sự nghiệp hoằng hóa. Thầy thoát phụ trách giảng dạy Phật Pháp cho tăng ni sinh viên tại Phật Học Viện Huệ Nghiêm, ni viện Dược Sư, Đại Học Vạn Hạnh..., sau đó, thầy lập thiền viện Chân Không và Bát Nhã tại Vũng Tàu với hoài bảo làm sống dậy thiền tông Trúc Lâm trong nước. Thế nhưng khi tình trạng đất nước thay đổi, tự do tôn giáo bị bóp nghẹt, nếp sống tu tập bị đe dọa, thiền viện bị trưng dụng, tăng ni có kẻ đã phải bỏ đi, thì hoài bảo phát huy thiền tông tưởng chừng như sẽ bị tàn rụi. Trong hoàn cảnh khó khăn đó, thầy đã tùy duyên chủ trương lao động sản xuất để tự túc, tu theo tinh thần “Một ngày không làm, một ngày không ăn” của tổ Bách Trượng. Tăng ni được chuyển về Thường Chiếu và Viên Chiếu, tận lực phá rừng, dựng thiền viện, cày sâu cuốc bẫm trên thửa đất khô cằn, bằng những phương tiện thô sơ, phân bón thiếu hụt..., ngoài ra, lại còn phải tham gia công tác phường khóm, đào kinh, đắp đường..., yếu đuối như hai sư cô Như Thủy, Hạnh Châu cũng phải đi dân công cả tháng trời tại chiến khu D. Thời đó, tăng ni đã phải làm việc ngày đêm mà vẫn thiếu ăn thiếu mặc : ăn độn với khoai sắn, bữa cơm bữa cháo là chuyện bình thường, còn y áo thì may bằng bao bột chằm vá.. Sức kham nhẫn, lòng nhiệt thành đạo pháp của thầy là tấm gương sáng cho tăng ni nương tựa tu học, do đó, tuy nếp sống khổ cực mà phẩm chất lại tăng tiến vượt bậc. Sau nhiều năm gian khổ, hoàn cảnh sống cải thiện dần, nếp sống đạo đức sáng ngời của thiền viện đã thu hút tăng ni Phật tử tề tựu về tu học, thầy đã phát triển thêm các thiền viện Linh Chiếu, Phổ Chiếu, Huệ Chiếu và Trúc Lâm để có thêm đạo tràng độ chúng. Giờ đây, đạo tràng của thầy ngày càng lớn mạnh, tăng ni đệ tử cả ngàn vị, đệ tử tại gia trong và ngoài nước có thể lên đến hàng triệu người. Tất cả những tác phẩm và băng thuyết giảng pháp của thầy đều được Phật tử trong và ngoài nước phát hành rộng rãi, và đều là những cảm nang vô giá cho Phật tử noi theo tu tập. Ngoài chương trình hoằng pháp bận rộn trong nước, theo yêu cầu của Phật tử Việt hải ngoại, thỉnh thoảng thầy cũng xuất dương sang

Aâu, Mỹ, Uìc Châu giống tiếng chuông chùa Trúc Lâm ở xứ người, gieo hạt giống thiền Trúc Lâm khắp cả năm châu.

Viếng Trung Quốc, quan sát sinh hoạt Phật Giáo xứ người, tôi chạnh nhớ đến Phật giáo nước nhà, thế rồi bỗng nhiên niềm cảm kích của tôi đối với tăng ni Việt Nam đã dâng tràn. Trong tùy bút này, tôi chỉ nhắc đến hai vị hòa thượng, nhưng thật ra, trong thâm tâm tôi muốn đem hết lòng thành hướng về tất cả tăng ni Việt Nam ở trong và ngoài nước để đánh lễ tán thán. Bao năm qua, có những vị đã xả thân cho đạo pháp, có vị bị tra tấn tù đày, cũng có những vị phải ẩn nấp mình để tùy duyên hoằng pháp, nhờ vậy, Phật giáo trong nước vẫn tồn tại và lớn mạnh, phát triển cả về phương Bắc, vùng đất mà trước kia Phật giáo đã bị mai một. Trong dịp hành hương Án Độ, tôi có hân hạnh tiếp xúc với một vài tăng ni Việt Nam trẻ đang du học, tôi đã cảm kích nhận thấy tất cả đều có lý tưởng và tràn đầy tâm huyết hoằng dương đạo pháp, nên rất mừng cho tương lai Phật giáo nước nhà. Tôi cũng không thể quên công đức vô lượng của tăng ni ở hải ngoại. Trong thời gian 30 năm qua, từ hai bàn tay trắng quý tăng ni, đã lãnh đạo tinh thần, hướng dẫn Phật tử tu học, giữ gìn truyền thống tổ tiên..., và đã xây dựng hơn 300 ngôi chùa, đặt một nền móng phát triển Phật giáo lâu dài khắp năm châu.

Tác giả là một cư sĩ quê mùa, chỉ chuyên tu tịnh độ, kiến thức về thiền nông cạn nên những điều viết về nhị vị hòa thượng có điểm nào sai lầm hay thiếu sót, xin bạn đọc niệm tình tha thứ.

tháng 10.2000

Ghi chú :

1. Phi lai Phong : Là ngọn núi đá trước chùa Linh Ẩn, trên đó đã được tạc khắc khoảng 300 pho tượng Phật giáo. Núi mang danh là Phi Lai phong, dựa trên truyền thuyết theo đó thì ngày xưa trước chùa chỉ là bãi đất trống, rồi đến một đêm nọ, sau tiếng sấm vang dội, thành linh có ngọn núi lướt gió bay đến đáp xuống đó. Vào thế kỷ thứ 3 có nhà sư Án Độ viếng cảnh chùa thấy núi bỗng buột miệng nói rằng “Ồ Án Độ có vách đá y hệt như thế này, có lẽ, vách đá Án Độ đã bay đến đây chăng?”. Do sự tích đó, ngọn núi mới có tên là Phi Lai phong. Văn hào Việt Nam Phan huy Ích(1751-1822) đời Tây Sơn, nhân đi sứ viếng Trung Quốc, viếng chùa Linh Ẩn (tức Phi Lai tự), đã vịnh thơ và nhắc lại truyền thuyết này :

Đề chùa Phi Lai

Hồi chuông thưa thớt rơi giòng lạnh
Ánh sáng từ bi quyện chẳng tan
Đêm mọc chùa bay do tiếng sấm
Núi trào thác đổ ngổ sông Ngân
Đạt Ma truyền xuống giòng chư Phật
Âu Việt nêu cao dấu diệu thần
Gần đóa mây hồng leo tới đờc
Chén quỳnh vạn tuế rắp dâng lên

Đào phương Bình dịch

---o0o---

QUAN ÂM TÓC RỜI

Dì Ba nằm võng đu đưa, lơ đãng thả tầm mắt theo dõi đám mây bông bênh trôi về hướng chân trời xa tít. Dì bâng khuâng ví mình như đám mây trôi lang thang đó, đang lần lần tiến vào khoảng không gian cuối cùng để rồi sẽ tan biến vào cõi hư vô mù mịt. Thời gian trôi nhanh quá, mới ngày nào dì phải chạt vật, lặn lội đầu trên xóm dưới, làm đủ mọi nghề nặng nhọc để chắt mót từng đồng nuôi con ăn học, nay dì được sống an nhàn hạnh phúc với gia đình cô con gái hiếu thảo, cùng hai đứa cháu ngoại ngoan ngoãn quây quần nên có thể nói dì được Trời Phật hậu đãi trong chuỗi ngày già. Thật vậy bà con cô bác ở tại thị xã Rạch Giá này, ai chẳng mơ được như dì. Dì Ba có hai đứa con : con trai lớn tên Toàn vượt biên sang Hoa Kỳ, tốt nghiệp kỹ sư điện tử, kết hôn với cô gái Mỹ gốc Tây ban Nha, hạ sanh đứa con trai kháu khỉnh, công danh sự nghiệp hanh thông, nghe đâu đã là nhà triệu phú trẻ; Lan, đứa con gái ở lại quê nhà hủ hỉ với mẹ, có chồng là công nhân viên trung cấp, lương bổng trọng hậu, đã tạo dựng nên nhà cửa khang trang và có nếp sống vật chất sung túc hơn người... Đang mộng mơ ngẫm nghĩ chuyện xa gần, dì Ba chợt tỉnh lại khi nghe tiếng reo vui của bé Mai ở ngưỡng cửa. Con bé thừa ngoại rồi sa ngay vào lòng thỏ thẻ : “Con hồng muốn đi học đâu! con nhớ ngoại quá hà!”. “Oái chớ chớ! cháu tôi nói nghe dễ thương làm sao à! này giờ ngoại cũng trông con về lắm đó!”. Bà cháu đang nựng nhau, thì có tiếng điện thoại reo vang, bé Mai nhanh nhẩu nhồm dậy chạy lên phòng khách chụp điện thoại : “A lô ! a lô !” “Dạ có! dạ có!”. “Ngoại ơi! ngoại! có cậu Lâm ở Mỹ điện thoại cho ngoại nè!”. Lâm là con của cô em thứ năm, đã cùng đi vượt biên một chuyến với Toàn. Khi Lâm mới rời nước được hai

năm thì mẹ cháu chết, mấy năm sau dựng năm đi học tập cải tạo về, theo diện đoàn tụ sang qua Hoa Kỳ với con, nhưng chẳng bao lâu cũng từ trần. Lâm thương dì như thương mẹ nên thỉnh thoảng vẫn gửi quà biếu và điện thoại thăm dì.

- A lô! Lâm hả! dì Ba nè con!
- Dì ơi ! con tính cưới vợ dì à!
- Chà ! con nào tốt phước được con chăm vậy Lâm? Việt Nam hay Mỹ vậy con?
- Gia đình bên vợ con gốc gác Cần Thơ, nhưng con vợ của con nói tiếng Việt không rành dì à!
- Ở xứ người mà con! cầu cho được người Việt mình là quý lắm rồi!
- Dì à! Con mồ côi cha mẹ, giờ chỉ còn mỗi mình dì, nên con ước muốn được dì đứng ra làm chủ hôn cưới vợ cho con!
- Đó là chuyện dĩ nhiên rồi! Bây giờ, con muốn dì đi Cần Thơ chánh thức thưa chuyện với người lớn phải không? Con cứ cho biết ngày giờ và địa chỉ, dì sẽ tìm đến lo lắng chu toàn cho con.
- Cả gia đình bên vợ con đều ở Hoa Kỳ dì à! Ý của con là muốn mua vé máy bay rước dì qua đây làm đám cưới! dì ráng đi một chuyến đùm con nghen dì!

Dì Ba đang hăng hái bỗng sượng ngang, dì ú ớ cất tiếng :

- Đi Hoa Kỳ hả? Chuyện khó quá há... Ờ ờ...

Dì cầm điện thoại mà nghẹn ngào. Dì không nở phụ lòng cháu, nhưng sang Hoa Kỳ, thế nào dì cũng “đụng mặt” đứa con trai lớn, rồi chẳng biết phải xử sự làm sao cho vẹn toàn đây. Sau khi rời Việt Nam vài năm, Toàn gửi tiền về nước phụng dưỡng mẹ khá chu đáo. Thuở đó, nền kinh tế trong nước èo uột, nhờ tiền trợ cấp của Toàn, dì sống phong lưu, lại vừa nở mặt nở mày với bà con lối xóm về “thằng con trai chí hiếu” của mình. Một hôm, bỗng Toàn điện thoại về hăm hực vặn hỏi dì : “Con nghe nói dạo này má xài tiền sang lắm phải không? Má đãi đằng cả xóm, má đùm bọc chú tư, thím tám, bà hai... má còn bỏ tiền bỏ bạc ra xây nhà cửa cho con Lan nữa phải không?”. Thật ra, cậy tiền chu cấp của con nên dì Ba ăn tiêu khá phong lưu, dì cũng thương con gái nên bù đắp cho nó; dì nghĩ bên Mỹ hái tiền rất dễ nên mặc tình khai thác con dài dài, dì hồi thúc con gửi tiền, đôi khi dì còn than thở bệnh hoạn để có thêm tiền trợ cấp đột xuất, và lần nào Toàn cũng nhanh nhẹn đáp ứng. Dì không ngờ lần này Toàn lại vặn hỏi dì như thế, nên dì sững sờ khá lâu rồi mới nhỏ giọng gượng gạo giải thích : “Má đâu có ăn

xài phí phạm gì đâu, má chỉ giúp vài thân nhân bè bạn, những người mà ngày xưa đã từng tương trợ gia đình mình trong những lúc ngặt nghèo. Ừ thì má có ra tiền sửa cái nhà mà má ở chung trong đó, chớ đâu phải xây nhà riêng cho vợ chồng con Lan ở đâu con! Má biết con làm ra đồng tiền cũng cực khổ nên má dẫn đo chi dụng lắm mà, nhưng sống trên đời này đôi khi thì mình cũng phải biết phải quấy, giữ vẹn tình nghĩa với bà con lối xóm con à!". Toàn hậm hực : "Tình nghĩa là chuyện của má chớ không phải là chuyện của con. Con muốn má phải hiểu rõ rằng con chỉ có bốn phận với má thôi, má mà mang tiền ra nuôi thiên hạ, thì phải tự kiếm tiền rồi dâng nạp, chớ con không ngu dại gì cung cấp đâu!". Dứt lời, Toàn gác má cái rụp, không cho dì cơ hội phân bua thêm nữa. Dì Ba đau xót lặng người. Đầu óc căng thẳng, dì suy nghĩ miên man, rồi đoán có lẽ "ai đó" đã thậm thọt mách leo với Toàn. Suy cùng nghĩ cạn dì đoán quyết rằng kẻ nhẫn tâm hại dì chỉ có thể là cô em chồng mà thôi. Thuở mới về làm dâu, dì đã từng bị cô em chồng xéo xắt này hành hạ tả tơi, đến nỗi, đôi phen dì đã toan cắn lưỡi tự tử mong thoát khỏi cảnh nhục nhằn. Sau khi chồng dì qua đời, dì đã phải vất vả ngược xuôi kiếm sống nuôi con ăn học thì cô em chồng khá giả chẳng thèm ngó ngang gì đến đám cháu, vậy mà, khi Toàn vinh quang nơi xứ người, thì cô cháu lại xum xoe thân mật nhau, khiến dì nghe thấy mà... "gai con mắt", thế nhưng nếu dì ngăn cản con liên lạc với bên nội thì có vẻ hẹp hòi quá, nên dì đành bậm bụng làm ngơ. Cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng, dì muốn yên mà người ta đâu để dì yên. Dì không ngăn cản con quà cáp cho "họ", chẳng những "họ" không cảm ơn dì, mà còn giở trò đâm thọc độc hại như thế này. "Đúng là thứ oan gia nghiệp chướng suốt đời đeo đẳng phá hại mình mà!", dì than thầm. Càng suy nghĩ, dì càng nhớ đến những trận đùng độ ngày xưa, mà dì luôn luôn là kẻ chiến bại gánh chịu nhục nhã dài dài. Từng âm mưu thâm độc, từng cử chỉ thô bỉ, từng lời nói đay nghiến... của cô em chồng cứ thế mà hiện ra khiêu khích dì, khiến dì tức tối điên cuồng mà không thể trút bầu tâm sự cho ai nghe được. Trăm chuyện chỉ vì thằng con trai háo danh, quá ngu được cô đỡ ngọt nịnh nọt tâng bốc đưa lên mây rồi mặc tình to nhỏ đâm thọc, khiến Toàn nổi giận nặng lời với người mang nặng đẻ đau trọn đời đã tận tụy hi sinh cho mình. Càng suy nghĩ dì càng khổ đau ray rứt, rồi bao nhiêu căm hờn dì đem trút ra đầu gối bút. Dì hậm hực viết thư cho Toàn, lời lẽ khá chua cay và tuy không hẳn từ con nhưng dì khẳng định rằng tự hậu dì không cần con chu cấp tiền bạc hay liên lạc săn sóc gì nữa. Mấy ngày sau, con giận nguôi ngoai, dì Ba mới nhận thấy phản ứng mình quá đáng, nhưng thư đã gửi rồi, đâu còn phương cách gì cứu vãn được. Dù sau, dì Ba tin tưởng Toàn đọc thư mẹ thì sẽ nghĩ lại mà xin lỗi dì, rồi tình mẹ con sẽ đậm đà như xưa. Ngờ đâu, Toàn chẳng thèm trả lời, và kể từ đó, chấm dứt mọi liên hệ với mẹ, không thơ từ, thăm hỏi một tiếng. Dì ba

muốn nói lại tình mẹ con, nhưng bao lần ngần ngại biên thư, cuối cùng dì đều xé bỏ : mẹ mà phải năn nỉ, cầu cạnh con thì nhục quá! Từ đó, dì Ba đành chấp nhận mất một đứa con yêu. Chuyện đau lòng này dì giấu biệt. Dì vẫn ca ngợi với mọi người rằng Toàn là đứa con hiếu thảo đùm bọc mẹ... Dì Ba nhớ chuyện cũ, trầm ngâm chẳng biết phải giải thích sao cho Lâm hiểu, nên cứ im lặng chẳng lên tiếng khiến người cháu sốt ruột hỏi “nhặng” lên :

- Dì ba ơi ! dì còn ở đâu giây không? Dì tính sao dì? Dì đi Mỹ một chuyến nghen dì!

- Dì rất muốn lo cho con, nhưng,...ơ ơ, đi Hoa Kỳ đâu phải dễ a con... Nghe nói hồ sơ xuất ngoại khó khăn lắm, mà dì thì không biết một tiếng Aêng-lê, thì làm sao dám đi đứng một mình cho được!

- Con hỏi thăm rồi! bây giờ chánh quyền Việt Nam lẫn Hoa Kỳ giải quyết hồ sơ xuất ngoại cho người lớn tuổi rất nhanh chóng, dì yên tâm vụ đó đi...

- Ơ !..

- Con năn nỉ dì mà ! anh Toàn than nhớ dì lắm, chờ đợi để gặp lại dì chuyện này đó! Anh Toàn ơi, xin anh năn nỉ dì giúp tôi đi anh !

Toàn cầm điện thoại bắt song song bên kia đầu giây lên tiếng :

- Con đây má! Con đã bàn với thằng Lâm rồi. Má sẵn qua Mỹ lo đám cưới cho thằng Lâm, gặp mặt tụi con luôn, và cũng cho thằng cháu đích tôn biết bà nội chớ! Má ráng chạy giầy tờ qua sớm cho kịp sanh nhật thằng Bob luôn thể nhé!

Bất ngờ nghe giọng nói của con, dì mừng mừng tủi tủi ứa nước mắt. Tuy dì tự ái lớn “thà chết không nhận tiền con” nhưng lòng thương nhớ con vẫn tha thiết khôn nguôi, vừa nghe lời nói ôn hòa của con, bao nhiêu giận hờn tức thì tan biến. Giá dù mà có thể chấp cánh bay được, có lẽ, dì Ba cũng bay một mạch qua bên kia bờ đại dương trong chớp mắt để ngắm nhìn đứa con yêu cho thỏa dạ, nên dì vội vã đáp :

- Ươa ! má sẽ lo hồ sơ xuất ngoại ngay! Con yên tâm!

- Cám ơn dì ba ! cám ơn dì ba !, tiếng Lâm ở bên kia đầu giây mừng rỡ reo vang.

Toàn lại lên tiếng :

- Nhân lễ sanh nhật thằng Bốp, con cũng tính mua vé máy bay cho cô Ut qua Mỹ chơi luôn thể, má nghĩ sao?

Dì Ba choáng váng bủn rủn tay chân. Toàn dư sức biết mẹ và cô em chồng này tối kỵ nhau, nhưng cứ sao nó lại bày ra chuyện trở trêu này. Không lẽ Toàn thù oán mẹ đến nỗi muốn làm khổ mẹ dài dài suốt cuộc hành trình, để rồi sẽ tìm cơ hội để hạ nhục mẹ trước mặt cô cho bỏ ghét sao? Dì Ba mà biết Toàn sắp xếp cho cô em chồng cùng đi thì “dầu cho vàng” cũng từ chối, thế nhưng giờ đây, dì đã lỡ hứa, Lâm mừng vui như mở hội thì dì đâu còn cách nào để thoái thác được. Dì đành trả lời buông xui :

- Uờa ! thì tiền của con, con làm sao con làm, chứ má đâu có ý kiến gì !

Cũng may là cô em chồng tuổi chưa đủ sáu mươi nên hồ sơ xuất ngoại bị trở ngại, dì Ba thoải mái ra đi một mình, nhưng niềm háo hức mong gặp lại đứa con yêu không còn nữa. Dì phân vân không biết Toàn sẽ đối xử với mình như thế nào đây?

Sau một ngày dài bó gối, ngồi co ro cúm căng, lại phải lằng xằng quỳnh quáng lo sợ điếng người trong hai lần đổi chuyến bay tại Đài Bắc và Los Angeles, khi máy bay đáp xuống phi trường Chicago thì dì Ba đã mệt đuối. Dì lê lét từng bước nối đuôi theo đám hành khách bước vào cổng đến, mà chân hầu như muốn khụy xuống . Dì dón dác nhìn quanh, lo lắng phập phồng. “Sao không thấy đứa nào đón rước vậy kia?”, dì run run tự hỏi. Đang hú hồn hú vía, chợt dì Ba thoáng thấy dáng ai như là Lâm chen chúc trong đám đông đang vẫy tay loạn xạ kêu dì, nước mắt tràn ra ràn rụa, dì mừng rỡ gọi cháu nhưng âm thanh bỗng tắt mất để biến thành tiếng nấc nghẹn ngào, mừng mừng tủi tủi. Dì Ba nhanh chân bước tới ôm chầm lấy cháu, cất tiếng :
- Chèn đất ơi! Trông con lạ quác hà! Con giống dựng năm như hai giọt nước vậy đó! Ủa !...

Dì đang tươi cười bỗng chùn hẳn lại. Dì không thấy Toàn đón mình nên buồn hiu, muốn hỏi cho ra lẽ, nhưng khựng lại vì chẳng muốn bộc lộ nỗi niềm riêng. Có lẽ Lâm đoán được phần nào tâm sự của dì, nên vội vã giải thích :

- Dì à! Anh Toàn bận họp hàng tuần với nhóm thị trường chứng khoán của anh. Anh là lãnh tụ của nhóm nên không thể vắng mặt được. Anh căn dặn con rước dì rồi đưa về “lâu đài” của anh ngay, kéo anh sót ruột lắm!

Lời giải thích trên chỉ làm cho niềm đau thầm kín của dì lắng đọng sâu hơn. Dì nghĩ : “Bận rộn đến thế nào dì không biết, nhưng dì biết chắc con mình

không chút nhớ nhung mẹ, nên chẳng hề nôn nóng gặp mặt người mẹ già sau gần 20 năm trời xa cách! Ôai! sao con tậ với má quá vậy con!”

Dì Ba lủi thủi theo cháu. Trên đoạn đường thâm thẳm từ phi trường về nhà, Lâm huyền thuyên kể chuyện. Chàng tận tình giới thiệu từng đường phố, từng cao ốc, từng địa điểm lịch sử cho dì, nhưng bà dì chỉ biết gượng gạo gật gù cho qua, vì bao nhiêu tình ý của dì đều lảng vảng xoay quanh bóng dáng chập chờn của đứa con yêu, với nỗi hờn giận giăng giăng. Xe dừng lại tại một ngôi nhà khang trang. Lâm lên tiếng “Tới nơi rồi! nhà to quá phải không dì?”. Lâm xuống xe, nhanh nhẹn bấm chuông. Toàn hiện ra trước cửa, lịch lãm sang trọng, hân hoan cất tiếng : “Má! má tới nơi rồi!”. Bao nhiêu giận hờn vụt tan biến, dì Ba dang hai tay ôm đứa con cưng, nước mắt nước mũi tèm lem, mếu máo :

- Cám ơn Trời Phậ! cuối cùng rồi má cũng gặp mặt con! Má nhớ con lắm con biết không?

Bà ngừng lại ngầum nghĩa con hồi lâu cho đã thềm, rồi mới ngọt ngào mắng yêu :

- Chèn ơi! Hồi con ra đi, con còn nhỏ xíu, ốm nhom hà! Giờ thì con cao lớn, trắng trẻo, đẹp trai hẳn ra vậy đó !

- Hi! hi! Con muốn nhỏ xíu hoài đầ để mặc tình nhõng nhẽo đòi má bông ẩm như ngày xưa, mà chẳng được đây chớ!

Hai mẹ con cười vang sung sướng. Dì Ba không ngờ nguồn hạnh phúc mà mình chờ đợi bao năm đã đến với mình dễ dàng và tràn trề như thế. Dì rộn rã bước theo con vào nhà. Toàn giới thiệu Mary và Bob, vợ con của chàng với mẹ. Dì Ba cũng tay bắt mặt mừng, nhưng vì tiếng nói không thông, nên buổi đầu kết thân với dâu và cháu nội có phần lộn cợn. Sau đó, Toàn lại hân hoan đưa mẹ đi một vòng “chiêm bái” ngôi biệt thự đồ sộ đầy đủ tiện nghi tối tân và sang trọng, cùng cái nhà xe vĩ đại “ngự” hai chiếc xe hơi láng bóng, rồi đưa mẹ đến căn phòng dành cho bà tạm trú, có bình hoa tươi trang nhã đón chào. Dì Ba rộn ràng niềm vui vô cùng vô tận. Dì sung sướng, dì hãnh diện vì Toàn.

Theo chương trình vạch sẵn, tối hôm đó Toàn tổ chức đại tiệc mừng mẹ tại một nhà hàng lộng lẫy nằm trên một tòa nhà chọc trời, từ trên đó khách có thể quan sát được cả thành phố Chicago rực rỡ ánh đèn màu. Thực khách, ngoài gia đình Toàn, còn có Lâm và nhóm đàn em thị trường chứng khoán

trên 25 người được mời tham dự để chia sẻ niềm vui đoàn tụ to lớn của mẹ con chàng. Lâm ngồi cạnh dì Ba, thông dịch những lời trao đổi tán tụng của chủ khách cho dì nghe, khiến dì càng nghe càng hỉ hả trong lòng. Tiệc tàn, Toàn hấp tấp đưa mẹ về nhà, đưa bà đến tận phòng ngủ, chúc bà ngủ ngon, rồi lui ra. Dì Ba bịn rịn, muốn níu con lại để mẹ con tâm tình hỉ hả, nhưng nghĩ kỹ thấy giờ khắc đã trễ, đi lại quá mệt nhọc, nên đành chịu chia tay. Dì nhất quyết sẽ tìm được những giây phút riêng tư đậm đà với con vào ngày mai. Sáng hôm sau, dì Ba thức sớm trông ngóng con. Chờ hoài, chờ mãi đến hơn 8 giờ, dì mới mừng rỡ thấy Toàn áo quần tươm tăt, từ buồng ngủ bước ra. Toàn hấp tấp hướng dẫn dì đến tủ lạnh chỉ chỗ thức ăn buổi sáng và trưa, rồi ra đi ngay, không dành một khoảng trống nào cho dì han hỏi dông dài chi cả. Dâu cháu cũng lần lượt ra đi, bỏ lại dì Ba một mình một bóng, suốt ngày thơ thẩn buồn tênh trong ngôi biệt thự mênh mông xa lạ, và chỉ biết đếm từng giây từng phút trông ngóng thẳng con trai đi làm trở về. Toàn về nhà, thì đã có vợ con tíu tít. Rồi Lâm cũng tựu đến. Cả nhà rần rộ đưa nhau đi ăn cơm chiều tung bừng náo nhiệt, nhưng cuối cùng, thì dì Ba cũng thui thủi giam hãm một mình trong căn phòng lạnh lẽo, đưa con trai ở phòng bên cạnh mà dì cảm giác như mẹ con dì cách biệt nghìn trùng. Ở Việt Nam thì mẹ con, bà cháu xúm xít bên nhau, chớ đâu có cái cảnh ai ở phòng nấy như thế này. Ôi, tuy cùng sống chung một nhà mà dì Ba tìm hoài hoài cái cơ hội riêng tư thuận tiện để tự do bày tỏ tình mẹ con thắm thiết đậm đà ngày xưa mà coi bộ khó khăn quá. Sau mấy ngày bần khoăn tìm hiểu, cuối cùng dì Ba đành phải đau lòng chấp nhận sự thật, sự thật mà dì đã cố tình chối bỏ, chớ đúng ra thì dì cũng đã mừng tưng ra điều này ngay giây phút đầu tiên gặp con rồi : Toàn vẫn còn giận dì. Trước mặt mọi người Toàn đóng kịch là đưa con có hiếu, vồn vã đón tiếp mẹ, tiệc tùng tung bừng, ăn xài phong lưu... nhưng tất cả chỉ toàn là hình thức mà chẳng chút thâm tình. Dì đi đường xa mệt nhọc, Lâm lộ vẻ xót xa, còn Toàn thì tuyệt đối không, không một chút lưu tâm nhỏ đến sức khỏe, đến nếp sống của mẹ trong nước. Toàn cũng chẳng màng han hỏi gia đình cô em gái cùng đám bà con họ hàng bên ngoại. Ngược lại, Toàn thường đề cập đến họ nội, và cứ nhắc nhở mãi - có lẽ nhằm trêu tức mẹ - về những số tiền mà Toàn đã vung vãi gửi về chu cấp cho cô út. Tánh tình Toàn xưa nay vẫn thế. Thuở nhỏ, Toàn thương em vô cùng, nhưng đưa em phải tuyệt đối vâng lời, chớ còn dám trả treo chống đối, thì Toàn sẽ làm đủ mọi phương cách để hành hạ toi bời, cho đến khi nào đưa em phục tùng mới thôi. Bây giờ Toàn đã có danh vọng bạc tiền, có đám đàn em tâng bốc, nên có lẽ Toàn càng sắt đá áp dụng chủ trương này. Và do đó, dù là mẹ, có lẽ dì cũng phải tuyệt đối phục tùng Toàn thì mới mong được đưa con đái hoài. Dì chép miệng thở dài, rung rung hai giòng nước mắt, rồi lẩm bẫm một mình : “Má vẫn là má. Má làm sao có thể nịnh bợ tâng bốc con

để cầu xin quyền lợi như người ta được! Con cũng biết má quá mà. Tự ái má lớn lắm, đòi má chỉ có hai lần mà má phải chịu nhục nhã quy lụy người ta mà thôi. Lần đầu, là cái lần mà con cặp bè cặp đảng mang dao vô trường bị đuổi học, vì tương lai con, má phải lạy lục ông Tổng giám thị, xin cho con học lại. Và lần thứ hai, là lần con vượt biên, má không đủ tiền chung nên phải khóc lóc van nài chủ tàu chằm chằm. Không lẽ, giờ này má lại phải van xin con chút tình thương sao Toàn?”. Chiều hôm đó, dì Ba viện dẫn rằng đám cưới đã gần kề, dì có nhiều chuyện cần phải bàn bạc chi tiết trước với Lâm, nên nhất quyết đòi đến nhà Lâm ở đôi ngày. Nơi Lâm cư ngụ là một chung cư, và tuy cũng đầy đủ tiện nghi, nhưng so với ngôi biệt thự của Toàn thì là cả một trời một vực. Lâm nhường cho dì cái phòng duy nhất và nằm ngủ trên cái ghế dài. Thấy hoàn cảnh cơ cực của cháu, dì Ba ái ngại hỏi :

- Con cũng là kỹ sư như Toàn, tiền bạc chắc con cũng không thiếu. Sao con không mua cái nhà cho rộng rãi?

- Lương hưởng thì con với anh không khác, nhưng anh Toàn tài ba lắm dì ạ! Anh nghiên cứu thị trường chứng khoán, tiên đoán giá cả lên xuống chắc như bấp, vì vậy nên đám bạn bè chạy theo anh mới tôn anh là thủ lĩnh đại ca chớ. Mấy năm nay anh thành công lớn về chứng khoán nên đã kiếm được bạc triệu rồi! Thật ra, thì con cũng có dư chút đỉnh tiền, nếu mua ngay cái nhà nhỏ nhỏ cũng được, nhưng mà con thích ở chung cư để nhớ lại cái thời mới qua Mỹ dì ạ. Thuở ấy tụi con nghèo lắm, chung cư như thế này mà chứa đến bốn năm đứa. Cả đám vừa làm vừa học, đầu tắt mặt tối, mặc không đủ ấm, ăn không đủ no, thèm khát một ly cà phê, một lon nước ngọt cũng không dám uống... thiếu thốn như vậy đó, mà anh Toàn vẫn có thể ke re các rắc chất mót từng đồng từng xu, gửi tiền về Việt Nam, cái đó mới đáng phục chớ!

Dì Ba nghe Lâm kể chuyện mà rúng động tâm can. Dì thật không ngờ, thời đó muốn gửi tiền về cho dì, Toàn đã phải chịu khổ sở nhường ấy. Thảo nào, khi nghe dì phung phí tiền bạc bừa bãi, Toàn đã có phản ứng khá thô bạo khiến mẹ con giận nhau. Giờ đây, thì dì mới hiểu ra và thông cảm được nỗi hần học của con ngày trước. Dì cháu chuyện trò vui vẻ, chung cư nhỏ bé thân mật đầm ấm, dì Ba cảm thấy khung cảnh sống ở đây thoải mái hơn những ngày lưu trú tại nhà Toàn nhiều lắm. Lâm đi làm, dì Ba tự nhiên như nhà của mình, dì quét dọn sạch trơn, dì nấu cơm nấu nước chẳng úy kị gì cả. Lâm lại chu đáo mang về mấy băng video phim truyện và nhạc tiếng Việt nên dì cũng có thể xem lai rai cho đỡ buồn. Trước ngày đám cưới dì Ba cẩn thận viếng thăm nhà gái, bàn bạc vài chi tiết cho ngày cưới, nhờ vậy, nghi lễ

tổ chức ngắn gọn mà vẫn đầy đủ, xuôi gia tương đắc đậm đà tình thâm, và không khí bữa tiệc cũng vui vẻ rộn ràng. Sau tiệc cưới, phải nhường chỗ cho vợ chồng trẻ hợp cẩn, dì Ba đành “di tản” về nhà con một đêm. Dù đây là đêm cuối cùng của dì tại Mỹ Quốc, mà Toàn vẫn tiếp tục lạnh nhạt như thường lệ. Đêm đó, dì Ba trằn trọc ngủ không yên, dì nghe Lâm kể hoàn cảnh của con ngày mới tới Hoa Kỳ mà thương đứt ruột, nên muốn dẹp tự ái hòa giải với con. Thế nhưng, dì cứ ngại con mình hiểu lầm rằng mình đã hòa giải không do tình thương mà chỉ vì muốn được trợ cấp tiền, nên dì cứ đắn đo mãi, viết rồi lại xé hàng mười lần mới tạm vừa ý. Dì viết :

“Toàn con,

“Từ bao giờ, hai con vẫn là niềm hi vọng, nguồn vui vô tận của má. Trong nước, má gần gũi với vợ chồng con Lan, thấy chúng nó sung túc, an vui nên má cũng yên tâm phần nào. Lúc đó, má không hiểu đời sống của con ra sao, nên trong lòng vẫn còn chút băn khoăn. Giờ đây, má đích thân thấy được sự thành công của con tại xứ người, má yên tâm lắm, có thể nói niềm vui của má tăng lên gấp bội.

“Đời má bao phen thăng trầm, nhưng khi về già mà được như vậy là phước đức lắm rồi. Con cái thành người, tuổi má đã ngoài 65 kể ra cũng thọ, má còn đòi hỏi gì nữa chứ? Bây giờ, nếu má phải giả từ cuộc đời theo ông bà cha mẹ, má tin rằng mình sẽ thanh thản ra đi không chút bận lòng.

“Má chỉ mơ ước một điều, là một ngày nào đó má sẽ đón nhận được hai tiếng “má ơi !” ngọt ngào thân thương từ thằng Toàn ngày xưa, hi vọng nhờ đó mà cái âm thanh kên kiệu lạnh nhạt của ông Toàn kỹ sư triệu phú - đang đeo đuổi chằm chích đôi tai của má, khiến má tan nát cả cõi lòng - có thể bôi xóa đi được.

“Má thương của con.”

Dì Ba xếp thơ để lại trên bàn, tin tưởng có ngày con mình sẽ đọc, sẽ cảm động và mình sẽ đón nhận lại tình mẹ con thiêng liêng ngày trước. Theo đúng chương trình đã đề ra, sáng hôm đó, vợ chồng Lâm đến đón dì Ba ra phi trường, cùng đi với dì đến Los Angeles. Lâm chu đáo đưa dì vào cửa ra sân bay quốc ngoại, chờ chuyến bay của dì cất cánh, mới tiếp tục lên đường đi hưởng tuần trăng mật tại vùng biển San Diego. Dì Ba an tâm về nước với nỗi buồn vui lẫn lộn. Dì sung sướng trở về quê hương, với xóm làng, với thân tộc, để được tung tăng nói tiếng Việt, hồn nhiên suy tư và sống hài hòa trong môi trường và tâm tình quen thuộc của mình. Chuyện gì của nước Mỹ

dì sẽ bỏ lại bên Mỹ. Tuy quyết định như vậy, nhưng nỗi hận sâu vẫn đeo đuổi dì, ngày ngày dì thấp thỏm chờ đợi tiếng điện thoại reo, mơ mộng nghe giọng nói thân thương của con mình vọng lại, nhưng tiếng điện thoại đó dì chờ mãi mòn, mà nó vẫn lặng im... Dì Ba chôn kín niềm đau chẳng tỏ lộ cùng ai, nhưng càng chôn kín thì nó càng ray rứt hoành hành dữ dội. Dì ngã bệnh liên miên, đôi khi trở bệnh trầm trọng tưởng chừng như nguy ngập, thế nhưng bác sĩ thử nghiệm đủ mọi cách vẫn không truy ra bệnh lý. Cuối cùng, dì bỗng sực nhớ đến chùa Thập Phương, ngôi chùa đã từng chở che an ủi dì trong suốt quãng đời u tối ngày xưa. Đi chùa, tụng kinh lễ Phật giúp dì vui nhẹ đôi phần u uất. Dì lại có dịp tỏ lộ nỗi niềm tâm sự cùng thầy, nghe thầy khuyên giải nên lần lần cũng thấm hương vị đạo. Dì bỗng khám phá ra rằng liên hệ giữa vợ chồng con cái chẳng qua là liên hệ của nghiệp báo. Do việc tạo tác : ân, oán, nợ nần... với nhau, mà nghiệp lực mới lôi kéo quây quần bên nhau để mà vay trả, trả vay. Dì nghiệm rõ rằng dì đã hết sức lo lắng cho con, trả nợ cho nó thật đầy đủ. Nợ nần thanh toán sòng phẳng, chủ nợ bỏ đi không đòi hỏi gì nữa, cứ sao mình lại cứ vùng vằng theo đuổi mặt giận mặt hờn đòi trả thêm nợ, để rồi chỉ gây thêm nghiệp chướng chớ nào có lợi chi đâu? Nhờ nghĩ như vậy, mà nỗi hận sâu tan biến dần, và càng ngày dì càng cảm thấy vững chãi thành thoi trong sự chở che của Tam Bảo, nên thường quanh quần trong chùa lấy việc chấp tác công quả làm nguồn vui.

Tình hình kinh tế tại Hoa Kỳ đang trong thời kỳ cực thịnh, bỗng bắt đầu xuất hiện vài dấu hiệu suy yếu. Giới kinh doanh chứng khoán rất bấn loạn, họ nhìn rập rình biến động nhỏ của nền kinh tế, nghiên cứu cặn kẽ từng ngành, từng công ty... để bán ra mua vào, vì vậy mà giá cả chứng khoán tùy theo luật cung cầu trời sụt bất thường, thay đổi từng giây từng phút. Sau khi đánh hơi được sự đình trệ, Toàn và đồng bạn nhanh tay thanh toán phần lớn chứng khoán, và như vậy, tuy họ phải chấp nhận thua lỗ phần nhỏ theo đà đi xuống chung của thị trường chứng khoán nhưng họ đã bảo toàn được phần lớn vốn liếng. Tuy nhiên, những kẻ có máu kinh doanh như chàng thì đâu ai chịu ngồi yên nhìn đồng tiền của mình ù lỳ không sanh lợi. Toàn cảm thấy có sự thôi thúc phải “tái xuất giang hồ” nên ngày đêm quan sát, nghiên cứu thị trường thật kỹ, nhìn rập rình cơ hội lý tưởng để tung tiền ra làm một mẻ lớn thu về bạc triệu mới hài lòng. Vài kinh tế gia nhận định rằng do tình trạng bầu cử Tổng Thống bị kéo dài, đường hướng kinh tế không có người chỉ đạo nên tình trạng đình trệ mới tạm thời xảy ra; nay tranh chấp bầu cử sắp kết thúc, quỹ tiền tệ liên bang lại rục rịch giảm lãi suất, nên chắc chắn nền kinh tế sẽ có triển vọng khởi sắc trở lại. Tán đồng quan điểm lạc quan này, Toàn liền chọn xí nghiệp điện toán Habaco để đầu tư. Habaco có lực lượng tài

chánh hùng hậu, thị trường quốc tế bao la, sản phẩm đa dạng..., mà trị giá cổ phần hiện tại đã bị trượt từ sáu mươi đồng chỉ còn trôm trôm có bốn mươi đồng, theo chàng thì đây là mức chót không còn cách chi để giảm được nữa. Do đó, Toàn quyết định tung hết tiền dự trữ thu mua loại cổ phiếu này. Toàn có lối đầu tư táo bạo là chỉ trả một phần ba trị giá cổ phần, nên có thể thu mua được gấp ba lần số vốn, nhờ vậy nhịp độ lời tăng gấp ba, và nếu lỗ thì cũng nhanh chóng tương tự. Chỉ vài ngày sau giá cổ phần tăng lên năm đồng, nếu muốn ăn non bán ra ngay thì Toàn đã nhấp nhấp được vài trăm ngàn rồi, nhưng Toàn dự trù chờ mức lời tăng gấp đôi thì bán cũng không muộn. Không ngờ chỉ hai ngày sau trị giá cổ phần bỗng tuột dốc xuống đến sáu đồng. Toàn chỉ lỗ chút đỉnh nếu bán “chạy làng”, nhưng chàng cương quyết giữ nguyên trạng vì tin tưởng giá cả sẽ phục hồi trong thời gian ngắn. Thế nhưng trái với dự đoán của chàng, thị trường chứng khoán nói chung xuống dần, xuống nhanh một cách thâm hiểm, đến nỗi cứ vài ngày thì Toàn phải vận dụng thêm tài chánh để bù đắp phần thua lỗ. Toàn đã lần lượt vét hết tiền trong sổ tiết kiệm, trong các thẻ tín dụng, rồi đến quỹ dự trữ học phí cho con, để bù lỗ mà vẫn chưa đủ, chàng bèn nghĩ đến tư trang và tiền riêng của vợ, nhưng năn nỉ thế nào con Maryi cũng chẳng xiêu lòng. Khi trị giá cổ phần công ty Habaco xuống còn mười Mỹ kim, Toàn không “đào” đâu ra tiền mặt bù lỗ nữa nên đành để cho công ty môi giới đầu tư đem cổ phiếu của chàng ra thanh toán trừ nợ. Thế là chỉ trong vòng bốn tháng, từ một nhà triệu phú Toàn đã trở thành kẻ trắng tay. Đau đớn một điều, là chỉ ngay ngày hôm sau giá cổ phần đã tăng lên liên tiếp và tạm ổn định ở mức mười bảy, mười tám Mỹ kim. Do đó, nếu Mary chịu mở hồ bao cứu nguy chồng kịp thời thì toàn bộ cổ phiếu đã được bảo toàn, sự nghiệp của chàng đâu đến nỗi tiêu tan như thế này. Toàn hận vợ vô cùng, nên tuy trong lòng cố gắng giữ hòa khí mà nổi ám ức thỉnh thoảng cứ trào ra, thành thử tình cảm vợ chồng đã bắt đầu sút mẻ. Đúng lúc đó thì xí nghiệp của Toàn bị lâm nguy, thợ thuyền bị sa thải hàng loạt, Toàn tưởng mình đã may mắn thoát nạn, nào ngờ chương trình cắt giảm sở phí lan dần đến nhóm chuyên viên, để rồi cuối cùng chàng cũng lâm vào cảnh mất việc. Thất nghiệp, tù túng, thiếu hoạt động, mất bạn bè, Toàn bực bội trong lòng, lúc nào cũng muốn gây sự, không khí gia đình vì vậy mà đậm ra ngọt nhạt khó thở. Giận vợ, Toàn bỏ sang phòng dành cho khách ngủ, phòng này từ khi mẹ chàng trở về Việt Nam vẫn bỏ trống và chẳng ai có nhu cầu bước vào. Toàn bất ngờ khám phá được bức thư mẹ để lại. Toàn đọc thư trong sự xúc động nghẹn ngào. Mẹ chàng trọn đời thương yêu, tận tụy hi sinh cho chàng, bà viết thư rầy la chàng tuy có hơi nghiêm khắc, nhưng bà là mẹ, bà rầy la chẳng qua vì thương yêu dạy dỗ chớ nào có ý ghét bỏ con, cơ sao ta lại có thể giận hờn mẹ, đối xử với mẹ tàn tệ như vậy kìa? Toàn muốn chụp điện thoại liên lạc

với mẹ ngay, nhưng một chút hổ thẹn bỗng len lỏi trong lòng, khiến chàng ngừng lại. Toàn nghĩ : “Lúc hưng thời thì giận hờn ghét bỏ mẹ, rồi chờ đến lúc thất thời mới biết hồi tâm thương mẹ, thì kỳ cục quá đi!”. Một hôm Toàn thấy trong mớ thư vừa nhận, có giấy tờ của trường trung học gửi cho cha mẹ học sinh. bấy lâu nay, bận rộn làm ăn Toàn bỏ xụi việc dạy dỗ chăm sóc, theo dõi con học hành cho vợ, nay nhân lúc rảnh rang chàng bèn tò mò mở ra xem. Phong thư gồm bản thông báo kết quả kỳ thi lục cá nguyệt của con, theo đó thì hai môn Anh Văn và toán quá kém, khiến chàng vừa lo vừa giận. Hai mẹ con vừa đưa nhau về nhà, thì Toàn liền chỉ tay vào mặt thằng con hùng hổ hét :

- Thằng đầu bò! Mày giống ai mà ngu quá! Anh văn và toán là những môn dễ ợt mà bị điểm C là sao?

Bob sợ điếng, núp vào mẹ né tránh, không dám hó hé lời nào. Mary bực bội nhìn chồng, rồi lừng khừng cất tiếng :

- Nó ngu giống ai tao không biết, chớ chắc chắn không giống tao rồi. Tao đâu có ngu như người ta vậy?

-Mày nói như vậy là cố ý nói tao ngu, phải không?, Toàn sùng sộ.
- Không dám a! mày khôn lắm lắm ! Khôn quá mức cho nên mới mang hết tài sản ra mua thứ cổ phiếu mắc toi làm tiêu tan cả sự nghiệp chớ?

Toàn chịu đựng hết nổi. Chính con vợ đã không chịu lời tiền ra yểm trợ chàng trong phút lâm nguy nên chàng mới tiêu tan vốn liếng, vậy mà, nó còn dám lớn tiếng chửi chàng ngu thì làm sao chàng chịu đựng nổi. Toàn giận dữ chửi thề một tiếng, bước tới “xán” cho vợ một tát tay, đoạn vội vã bỏ vào phòng đóng cửa cái rầm. Chàng biết mình đã có hành động lầm lỡ tai hại nên cố gắng im lặng mặc cho mẹ vợ la hét ở bên ngoài... Tính nết của Mary chẳng hiền tí nào. Mẹ chửi bới ồm tỏi, đập phá đồ đạc lung tung, rồi đóng cửa phòng rầm rầm thách thức chồng bước ra đấu sức. Chồng nhịn nhục, cửa đóng then gài khiến mẹ điên tiết hơn, mẹ gọi Cảnh sát khẩn cấp 911 tố cáo vụ hành hung. Chỉ nội trong vòng hai tiếng đồng hồ thì cảnh sát đã đến nhà. Sau khi nghe lời khai thêm thắt của Mary và Bob, họ gõ cửa phòng gọi Toàn ra, còng tay chàng dẫn đi ngay, không màng nghe một lời biện bạch. Đêm trong tù dài vô tận. Đau đốn, nhục nhã, ê chề, Toàn trần trọc thức trắng đêm, thỉnh thoảng buông tiếng thở dài não nuột, kèm theo lời lầm bầm thở than :
“Thôi hết rồi. Mình đã mất hết rồi. Mất tiền, mất việc, mất luôn cả vợ cả con. Ôi ! thật không ngờ người đàn bà mà mình yêu mê say đắm, đã cùng

nhau chia xẻ ngọt bùi trong mười mấy năm trời lại đang tâm hại mình như thế này. Ôi! còn cái thằng con duy nhất mà mình nâng niu như trứng mỏng, chỉ vì một lời rầy la, mà đã hùa theo mẹ phản lại cha mình!”... Sáng hôm sau, Toàn được trả tự do về nhà. Chàng điên tiết nhìn con vợ hung dữ, muốn trị tội nó mà chẳng biết ra tay cách nào cho ổn. Chắc Mary cũng lo ngại nên nằng dẫn con đi mất. Đến chiều Mary về nhà, có nhân viên công lực đi kèm. Nhân viên công lực tổng đạt cho Toàn án lệnh Tòa án, theo đó, viện dẫn lý do bảo vệ an ninh cho người đàn bà yếu đuối, Tòa cấm Toàn không được đến gần vợ trong vòng một dặm. Điều đó, có nghĩa là Toàn phải cuốn gói đi ngay trước sự giám sát của nhân viên công lực. Toàn chỉ kịp dồn quần áo vào va-li, xách thêm cái cặp nhỏ đựng giấy tờ, rồi ra xe lái đi. Trong khi soạn giấy tờ Toàn lén nhét khẩu súng ngắn tùy thân vào cặp, và cũng cất vào đó xâu chuỗi có tượng Quan Âm mà chàng chợt khám phá ở góc tủ. Tượng này mẹ Toàn đã ân cần trao cho chàng ngày vượt biên, từ ngày cưới vợ khác đạo chàng đã bỏ bê không đeo nữa, nay vô tình gặp lại mới nhớ ra. Toàn lái xe ra đi trong hoàn cảnh vô cùng bi đát : không nhà cửa nghề nghiệp vợ con, không tiền bạc, không một người bạn tâm giao đỡ đần trong cơn hoạn nạn, còn mớ thẻ tín dụng thì chẳng còn giá trị gì nữa. Toàn phóng xe như bay, lái theo phản ứng chớ chẳng biết sẽ đi đâu, về đâu. Đầu óc chàng sôi động rồi ren như một bãi chiến trường : nổi thất vọng, thù hận, chua xót, nhục nhã, tiếc thương... thay phiên ngự trị tâm tư chàng và ý nghĩ chết thì thường trực lảng vảng trong đầu. Bất chợt thấy một công viên cây cối um tùm ở vùng ngoại ô hiện ra trước mặt, Toàn vội quan xe lái vào. Công viên vắng tanh. Toàn gục đầu ngồi trên băng đá, miên man suy nghĩ. Biến cố đau thương dồn dập khiến Toàn điên cuồng, thù hận căm căm, sôi sục trong đầu ý tưởng bắn giết trả thù, mà trả thù ai đây? trả thù cả xã hội loài người chăng? trả thù cái đám môi giới đầu tư chứng khoán chăng? hay chỉ riêng con vợ hồn hào của chàng? Giết người đâu có lợi gì cho mình, vả lại, vợ chết ai sẽ lo cho con đây? Hành động nào suy cho cùng cũng không ổn cả, trừ khi mình chết thì mới mong được yên thân mà thôi. Ý nghĩ tự tử vừa lóe trong đầu thì Toàn liền mở cặp, mân mê khẩu súng, rồi chậm chậm chia vào màng tang bóp cò. Cò súng kẹt cứng. Toàn sức nhớ lại, kéo khóa an toàn rồi đưa súng lên bóp cò lần nữa. Cò súng vẫn kẹt không nhúc nhít. Kiểm soát lại bộ phận cò súng, Toàn bỗng chứng kiến một sự việc kỳ lạ khó tin hiển hiện trước mắt chàng : chẳng biết bằng cách nào, sợi giây chuyền có tượng Quán Thế âm đã chui vào bộ phận cò quán chặt, khiến cò súng không xê dịch được. Chàng có ngờ đâu, pho tượng mà chàng không hề tin tưởng, vượt biên mang theo chỉ vì muốn chiều lòng mẹ, nhưng trong giờ phút nghiêm trọng này, đã hiển linh cứu mạng chàng. Toàn xúc động ngắm pho tượng, một cảm giác yên ổn kỳ diệu xâm nhập tâm tư. Toàn nắm chặt

tượng, khóc như mưa, khóc thay cho tiếng lòng nức nở kể lể nỗi đớn đau sâu tui của mình. Những giọt nước mắt đã giúp Toàn vui đi phần nào nỗi đau thương, chàng lấy lại chút bình tĩnh nên ý nghĩ tự tử không còn nữa. Chàng nghĩ mình phải sống vì mẹ, và phải quyết tâm làm cái gì cho mẹ vui để chuộc tội lỗi ngày xưa mới được. Toàn lái xe rời công viên. Chàng đang phân vân chẳng biết đi về đâu, bỗng sực nhớ đến Lâm, vội lái xe đến nhà người em bạn dì. Lâm mới mua ngôi nhà ba phòng khá rộng, nhưng không biết anh ta có chấp nhận cho chàng tạm trú vài ngày không? Vợ chồng Lâm tiếp đón chàng niềm nở. Sau khi nghe Toàn kể lể hoàn cảnh đớn đau của mình, Lâm an ủi :

- Câu chuyện của anh tuy đau buồn nhưng không có gì bi đát cả, xin anh đừng nản lòng. Anh nhớ không? ngày xưa anh em mình qua đây không tiền bạc, không hiểu biết tiếng Anh, mà mình còn sống được. Còn bây giờ, anh có cấp bằng đại học, có xe, có trợ cấp thất nghiệp trong khi chờ xin việc, vả lại, tiền bạc anh mất nhiều nhưng đâu có hết, anh còn tiền hưu trí trong quỹ 401K mấy trăm ngàn nữa chi... Anh cứ tạm sống với tụi em một thời gian, từ từ sắp xếp lại mọi việc. Theo em, chuyện nan giải là chuyện hàn gắn đờ vỡ gia đình, chớ còn chuyện gầy dựng lại sự nghiệp như xưa, với khả năng của anh thì nào có khó khăn gì!

Thời gian gần đây, Toàn chỉ thân tình với nhóm bạn chứng khoán, đến lúc lâm nguy, họ bỏ rơi chàng như một con chó ghẻ, trái lại, người em bạn dì mà chàng lo là thì vẫn đối xử với chàng đậm đà thắm thiết như xưa. Toàn vừa cảm thấy hổ thẹn vừa xúc động dạt dào, ấp úng cất tiếng :
- Cám ơn Lâm ! Không có em cứu nguy thì chắc chắn anh đành chịu cảnh ngủ bờ ngủ bụi rồi! Anh làm sao có thể thuê nhà gấp trong hoàn cảnh tiền bạc eo hẹp này !

- Anh em trong nhà mà ơn nghĩa gì anh? Nhà em dư đến hai phòng! có anh ở chung thì vui nhà vui cửa chớ có thiệt thòi gì cho em đâu?

Từ đó, Toàn yên thân nương náu tại nhà Lâm. Lâm lo lắng cho Toàn rất chu đáo, ngoài nhu cầu ăn ở, Lâm còn bảo bọc cả những chi tiêu vặt vãnh, và luôn luôn an ủi nâng đỡ tinh thần Toàn, nhờ vậy, lần lần Toàn hồi phục lại niềm tự tin và sự khôn ngoan sáng suốt ngày trước. Toàn nghĩ rằng trước khi bắt đầu xây dựng lại sự nghiệp, chàng cần ổn định mái ấm gia đình. Vì vậy, chàng liền liên lạc với vợ tìm phương hòa giải, nhưng tình cảm vợ chồng đã rạn nứt vô phương cứu chữa, nhứt là sau khi chàng biết rõ là chỉ sau một tuần chia tay thì Mary đã nhanh nhẩu cặp tay tình nhân đứ đờn khắp nơi rồi.

Sau nhiều phen điện thoại thương thảo, cuối cùng cả hai đồng tình ly hôn và cũng thỏa thuận phân chia tài sản, theo đó Toàn chỉ được giữ một xe, Mary giữ con và tất cả tài sản còn lại, trong đó có nhà, xe hơi, chiếc ca nô, tư trang và các chương mục đứng tên riêng. Toàn có điểm lợi là giữ nguyên được tiền trong quỹ hưu bổng 401K và không phải cấp dưỡng đồng nào vì đang là kẻ thất nghiệp chẳng có lợi tức. Mất vợ, mất con tuy đau lòng nhưng sau khi giải quyết xong chuyện gia đình Toàn nghe lòng nhẹ nhõm ra. Chàng bắt đầu lập hồ sơ xin trợ cấp thất nghiệp. Tiền trợ cấp thất nghiệp đủ cho chàng sống khuây khỏa, nên chàng dự định sẽ nghỉ ngơi một thời gian, chờ tinh thần thật ổn định rồi mới xin đi làm lại.

Từ ngày thoát chết một cách màu nhiệm, lại hiểu được nhân tình thế thái, lòng háo hức lợi danh của Toàn suy giảm dần. Giờ đây, chàng chỉ ước mơ một nếp sống bình thường, miễn là không đến nỗi thiếu hụt, hầu có đủ thời giờ dành cho việc tu dưỡng thân tâm, tìm hiểu sâu rộng Phật Pháp và hành trạng của vị Bồ Tát mà chàng hết lòng tin tưởng. Do đó, hàng ngày chờ lúc gia chủ đi vắng chàng thường đến bàn thờ Phật có tôn trí tượng Bồ Tát Quan Âm để lễ bái, và nghiền ngẫm quyển Phổ Môn Giảng Lục của Pháp Sư Bảo Tịnh, do hòa thượng Trí Nghiêm dịch ra tiếng Việt, mà chàng vô tình tìm thấy trong tủ sách. Nhờ đọc Phổ Môn giảng lục, Toàn thâm hiểu phần nào diệu nghĩa phẩm Phổ Môn, lòng ngưỡng mộ hạnh nguyện “linh cảm tâm thanh cứu khổ cứu nạn” của Bồ Tát Quán Thế âm ngập tràn, từ đó, Toàn bỗng tha thiết mong chiêm bái thánh địa Phổ Đà sơn để đánh lễ Bồ Tát. Lâm cũng khuyến khích chàng, nhân lúc rảnh rang này, nên đi du lịch một chuyến sang Trung Quốc. Từ đây về Việt Nam, chỉ trả thêm chút đỉnh tiền, sẵn dịp này cũng nên về thăm lại đất nước thân yêu. Theo gợi ý này, Toàn lấy vé hàng không đi Thượng Hải, chàng viếng thăm Tô Châu, Hàng Châu, rồi đến Ninh Ba dùng tàu tốc hành đến Phổ Đà lưu trú tại khách sạn Tứ Lai tiểu trang một tuần lễ. Toàn đến đảo Phổ Đà vào một chiều thu tuyệt đẹp : biển xanh, trời trong cao ngất, mây trắng lửng lơ. Cảnh trí ở đây xinh tươi trang nhã vừa phảng phất một bầu không khí màu nhiệm thiêng liêng, tạo cho khách hành hương cảm giác lâng lâng thanh thoát. Toàn được hướng dẫn viên lần lượt đưa đi chiêm bái các thánh tích trên đảo : tượng Quan âm Nam Hải bằng đồng cao 33 thước, Quan âm khiêu (vết chân Bồ Tát trên tảng đá), Quan Âm tử trúc (rừng trúc tím), Phạm Âm Hải Triều âm động, Viện Quan Âm Bát Kháng Khứ, các chùa Phổ Tế, Pháp Vũ và Huệ Tế. Theo người hướng dẫn thì nơi nào cũng có truyền thuyết về sự thị hiện màu nhiệm của Bồ Tát, Bồ Tát luôn luôn thị hiện cho những kẻ có lòng thiết tha mong cầu được gặp Ngài. Ở địa điểm nào, Toàn cũng chân thành đánh lễ Bồ Tát, thiết tha niệm danh hiệu của Ngài và thành khẩn mong được thấy Ngài thị hiện.

Toàn nghĩ mình đã có đại nhân duyên từng được Bồ Tát cứu khổ cứu nạn, nên tin chắc cũng sẽ có duyên để gặp Ngài thị hiện. Thế nhưng, tuy đã thành khẩn lễ bái khẩn nguyện bao ngày tại động Hải Triều âm và rừng trúc tím mà Toàn vẫn chưa thấy dấu hiệu gì khác lạ. Dù vậy, Toàn vẫn không nản lòng. Ngày cuối cùng, Toàn còn nấn ná đến chùa Phổ Tế, điện Viên Thông chiêm bái lần chót trước khi rời đảo. Điện Viên Thông nổi tiếng với pho tượng Quan Âm cao trên 8 thước, hùng vĩ hòa ái. Toàn thành kính chiêm ngưỡng tượng. Chàng có cảm giác là càng chiêm ngưỡng chàng càng đón nhận được lòng từ bi vô lượng của Bồ Tát ban phát cho chàng, khiến chàng xúc động nước mắt lưng tròng, pho tượng qua làn nước mắt trở thành lung linh sắc vàng rực rỡ. Toàn đi kinh hành quanh tượng, chàng tiếp tục chiêm ngưỡng “Quan Âm tam thập nhị ứng tùy hình”, tức 32 hình tướng mà Bồ Tát tùy duyên hóa hiện để cứu độ chúng sanh. Chàng nghĩ mình phải tạc 32 hình tướng này, thì khi gặp Bồ Tát thị hiện mình mới không bỏ lỡ cơ hội thấy Ngài. Vừa quan sát từng hình tướng, Toàn vừa thầm khẩn nguyện : “Con chưa có duyên để thấy Ngài thị hiện nơi đây, nhưng con luôn luôn tin tưởng rằng ngày nào đó Ngài sẽ thị hiện cho con thấy một lần tại chốn khác”. Bỗng nhiên, Toàn nghe nhà sư già đứng cạnh bên lẩm bẩm một mình : “Sao chỉ tạc có 32 tượng? 32 tượng thì ít quá!”. Tượng tạc theo tinh thần phẩm Phổ Môn, vậy mà nhà sư này dám chê bai là ít, thật là sai lầm, Toàn nghe chói tai không chịu được, bèn bực bội lên tiếng :

- Vậy theo sư thì bao nhiêu tượng mới đầy đủ?
- Hà! hà! Bồ Tát tùy tâm chúng sanh biến hiện để cứu độ, mà tâm chúng sanh thì muôn vàn sai khác, ưa thích vô lượng vô biên hình tướng, nên Bồ Tát cũng phải ứng hiện vô lượng vô biên hình tướng để cứu độ...
- Toàn nghe câu nói của lão tăng mà rúng động cả châu thân, liền cung kính thưa hỏi :
- Thưa thầy ! như lời thầy dạy thì Bồ Tát Quan Thế âm thị hiện dưới muôn ngàn hình tướng khác biệt chớ không phải chỉ hạn cuộc vào 32 hình tướng này mà thôi?
- Đúng vậy! Quan âm thị hiện đủ mọi hình tướng và ở khắp mọi nơi nên mới có câu :
- Ao nào cũng có ánh trăng
- Nhà nào cũng có Quan Âm hiện tiền.

Tóm lại, ai cũng đã từng đối diện với Quan âm, nhưng có người thấy và có người không bao giờ thấy?

Thưa thầy! mình phải tạo nhân duyên nào thì mới thấy được Ngài?
- Phải tập nhìn, tập lắng nghe cái khổ của thế gian, tập hạnh từ bi cứu khổ cứu nạn thì vô lượng vô biên ứng hóa thân của Bồ Tát sẽ thị hiện rành rành trước mắt.

- Thưa thầy! theo nghĩa này thì con cũng đã từng hội kiến với Bồ Tát Quan Âm mà con không biết, phải không thầy!
- Đúng vậy!
- Con sẽ ráng học hạnh lắng nghe, hạnh từ bi, nhưng e rằng đạo đức của con hèn kém, con sợ mình chưa đủ đạo lực để nhận biết, thầy ạ! Xin thầy gia ơn chỉ cho con biết Quan Âm mà con sẽ gặp hình dáng như thế nào? Con năn nỉ thầy mà !
- O! Con sẽ gặp vị Quan Âm đó ở miền Nam nước Việt. Khi gặp Ngài, tâm con sẽ an ổn vui mừng, thầy tin con sẽ nhận ra Ngài ngay kia mà !
- Xin thầy làm ơn dạy rõ thêm chi tiết! Con sợ con sơ sót bỏ lỡ cơ hội và nhìn không ra Ngài được!
- O ! ...đó là người đàn bà, mặc áo lam, chân tay lem luốc, không giày dép, tóc rối, mặt mày vô cùng hờn hờ...
- Toàn đang mừng rỡ lắm nhằm ghi nhận kỹ từng chi tiết này, chợt thấy vị sư già thoan thoát bước đi. Chàng vội vã bước theo ngay nhưng mới đó mà nhà sư đã mất dạng trong đám khách hành hương đông đảo rồi. Chùng suy nghĩ lại, nhớ từng câu đối thoại, chàng bỗng ngẩn người tự hỏi : “Chẳng biết vị sư già đã đối thoại với mình bằng thứ ngôn ngữ nào? dường như không phải tiếng Việt, tiếng Mỹ, vậy thì làm sao mình nghe hiểu được kia? chẳng lẽ mình đã mơ trong khi đang ngắm tượng?”
- Tỉnh hay mơ không cần biết, Toàn một mực tin theo vị sư già, nên đổi lộ trình về thẳng Saigon, chớ không ghé Hà Nội như đã dự định. Đến nơi, chàng nôn nóng lặn lội khắp hang cùng ngõ hẻm trong thành phố hàng hai tháng trời mà vẫn không tìm đâu ra hình bóng người đàn bà áo lam hội đủ những chi tiết cần thiết. Kẻ mặc áo lam thì đầu tóc, giày dép tươm tất còn kẻ đầu bù tóc rối, chân đất thì chẳng mặc áo lam. Điềm quan trọng khác là chàng chẳng tìm đâu ra được người có dung nhan vui tươi hờn hờ và có thể tạo cho chàng niềm an lạc cả. Toàn trở lên miền Đông, rồi lần lượt xuống khắp các tỉnh miền Tây, cuối cùng, về đến Rạch Giá nhưng vị Bồ Tát mà chàng nôn nao tâm cầu vẫn biệt tăm. Thất vọng nã nê, Toàn xách hành lý lững thững tìm đường về nhà mẹ. Thấy anh ngỡ ngác đứng trước cửa, Lan không tin ở mắt mình, dụi mắt nhìn kỹ, rồi mừng rỡ rú lên :
- Anh hai ! anh về sao không báo tin trước để em đón!

- Hà ! Hà ! anh muốn cả nhà ngạc nhiên kia mà! Uả! má đi đâu vậy em?
- Mai ! thưa cậu Hai đi con. Rồi con chạy rút, báo tin với ngoại là cậu hai đã về ghen con!
- Con bé thưa cậu, rồi phóng lên chiếc xe đạp đi ngay. Toàn lại lên tiếng :
- Má ở đâu em hãy cho anh biết. Anh muốn đi đến đó thăm má liền bây giờ!
- Má thường trực ở chùa Thập Phương á! Chùa cách nhà chỉ độ chừng năm phút, nếu anh muốn gặp gấp thì em đưa anh đi ngay.

Lan khóa cửa, đèo anh trên chiếc xe gắn máy lái đi. Vừa tới cổng chùa, Toàn đã nghe tiếng bé Mai réo bà ngoại ôm tởi :
 - Ngoại ơi ! ngoại ! cậu Hai ở bên Mỹ về! Cậu hai về nhà rồi ngoại ơi!

Chùa đang có khóa hạ, ban trai soạn làm việc khá cực nhọc. Dì Ba đang đầu bù tóc rối hì hục rửa mớ nồi niêu trong nhà bếp, chợt nghe tiếng cháu ngoại reo vang, dì mừng quýnh, nước mắt tuôn tràn, không kịp xỏ chân vào dép, tức tốc chạy ra cổng, hớn hờ ôm con :
 - Con! Con thương của má!

- Bà nắm tay con thật chặt, chắc sợ con mình vượt mất chẳng? Toàn hiểu như vậy và xúc động toàn thân, một cảm giác an lạc kỳ lạ tràn ngập trong lòng. Chàng cất tiếng gọi : “Má!”, rồi chàng ngấm nhìn bà thật kỹ. Bà mặc chiếc áo vạt hò màu lam cũ kỹ, chân đất, tay dính lọ lem luốc, tóc rối lỏa xỏa, đang rạng rỡ nhìn con không chớp mắt. Toàn hơi sững sốt, rồi bỗng sực hiểu, chàng ôm chầm mẹ thỏn thức : “Thì ra Quan Âm Bồ Tát là má! Má chính thật là Bồ Tát Quan Âm của con, vậy mà trước kia con đui mù chẳng biết!”. Chàng trầm nghĩ : “Khi mình đã “mở mắt” thấy được một hình tượng Quan Âm, thì có lẽ mình sẽ có đủ khả năng khám phá biết bao nhiêu Quan âm đã hiện hữu trong cõi đời này.Ồ nhỉ! đối với mình thì Lâm chẳng phải là một Quan âm đã an ủi, chở che, cứu khổ, cứu nạn mình sao?

Tháng 5.2001

---o0o---

CÂY KHÔ TRỞ BÔNG

Từ Kim Lăng, Nam Kinh, tỉnh Giang Tô, Đức Tương đã lội suối băng rừng chịu đựng bao gian khổ mới đến được vùng núi Nhạn Đăng, thuộc huyện

Lạc Thanh, thị xã Ôn Châu, tỉnh Triết Giang, hi vọng tìm được một đạo tràng thanh tịnh nương náu tu tập. Thế nhưng, tuy đến tự viện nào chàng cũng cần mẫn chấp tác, rồi mới thành khẩn thiết tha đạo đạt nguyện vọng của mình, nhưng Đức Tướng vẫn chẳng được tự viện nào cho nhập chúng. Thất vọng nào nề chàng thần thờ xuống núi, băng khuâng chẳng biết thân phận của mình sẽ phải nổi trôi ở chốn nào?

Đức Tướng tục danh Lý sĩ Tú, là con của một gia đình nho gia thanh bản tại Kim Lăng. Cha mất sớm, bà mẹ Tú tảo tần mua bán, tuy tiền bạc thiếu hụt vẫn hi sinh chất mót từng đồng gửi con đến chùa Báo Ân học hành, hi vọng đứa con sẽ đỗ đạt làm quan rạng rỡ tông môn. Vào triều đại nhà Minh, các ngôi chùa lớn như Báo Ân, được cải biến thành những trung tâm giáo dục đặt dưới sự kiểm soát của triều đình, để dạy dỗ chung tam giáo : Nho, Phật và Đạo. Môn sinh dành phần lớn thời giờ trao đổi văn chương thi phú của Nho gia, đồng thời, cũng phải nghiền ngẫm thông suốt giáo lý Phật đà và nghi lễ của Đạo gia, vì đề thi gồm cả những câu hỏi về Phật và Đạo. Tuy quyết tâm theo đuổi mộng ước quan trường để chiều lòng mẹ, nhưng Tú rất say mê học Phật, nhất là triết lý Bát Nhã và tu tập thiền quán, do đó, chàng thường tham dự các thời khóa tụng niệm và hành thiền tại chùa. Chàng học trò nghèo, hiếu học và có đạo tâm, sớm được hòa thượng Tây Lâm, trụ trì Chùa Báo Ân chú ý. Hòa thượng thương yêu miễn cho chàng học phí, bù lại, chàng cũng tình nguyện gánh vác công quả cực nhọc tại khu nhà trù. Ngày thi cử chưa đến, ước mơ của mẹ chưa thực hiện, thì bất ngờ bà mẹ bị lâm trọng bệnh rồi qua đời. Khổ đau mất mẹ khiến Tú nhận chân rõ rệt lý vô thường vô ngã trên cuộc đời, nên ngay sau khi hoàn tất lễ thất tuần cho mẹ, Tú liền quỳ lạy hòa thượng Tây Lâm thỉnh cầu xuất gia. Hòa thượng hoan hỷ chấp nhận cho chàng tu tập sự, làm lễ thí phát và cho chàng thọ giới sa di với pháp danh Đức Tướng, đoạn ủy thác chàng cho thầy giáo thọ đặc trách dạy dỗ. Chùa Báo Ân tu tập theo truyền thống thiền tông hệ phái Quy Nguỡng, chuyên chú đặc biệt vào Kinh Kim Cang để tham cứu tu tập, chớ không đặt nặng việc xử dụng công án như phái Lâm Tế. Chủ trương này dựa trên truyền thuyết theo đó lục tổ Huệ Năng, trong khi còn là cư sĩ đang gánh củi đã nghe Kinh Kim Cang mà phát tâm, về sau, khi nghe Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang đến câu “Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, liền đại ngộ và được Ngũ tổ trao truyền y bát. Hòa thượng Tây Lâm, tuổi đã ngoài bảy mươi lăm, hàng ngày vẫn nghiêm túc hành thiền và trì tụng Kinh Kim Cương Bát Nhã chẳng chút xao lãng. Hòa thượng thường vân du chiêm bái các đại tùng tâm “hang ổ” của chư tổ sư thiền ngày xưa như chùa Nam Hoa của Lục tổ, chùa Mật Aán, tổ đình Quy Nguỡng, chùa Nam Đài tổ Thạch Đầu, chùa Lâm Tế tại Thạch gia Trang... Mùa thu năm Gia Tĩnh thứ 43 (1564), Ngài

hướng dẫn phái đoàn đệ tử trong đó có Đức Tướng chiêm bái Ngũ Đài sơn đánh lễ Bồ Tát Văn Thù. Đầu xuân năm sau, đang khi vẫn còn mạnh khỏe, hòa thượng bỗng khẩn cấp họp chúng từ già, rồi long trọng nhắc nhở : “Theo lý vô thường thì chùa Báo Ân sẽ có lúc bị hủy hoại và các con sẽ gặp khó khăn. Dù trong hoàn cảnh nào, thầy mong sao các con vẫn tiếp tục kiên trì tu tập, giữ giới luật như giữ đôi tròng mắt của mình”. Kế đến, hòa thượng dặn dò riêng từng đệ tử lớn, rồi cuối cùng, Ngài ngoắc Đức Tướng đến phán dạy : “Rất tiếc là ta chỉ có nhân duyên chỉ cho con cánh cửa, con đường tu tập gian nan còn lại phải do con chọn lựa và tự khám phá mà bước vào. Ta chỉ nhắc con một điều là Đức Tướng tức là Không, mà Không cũng tức là Đức Tướng. Con nên tâm niệm điều đó để làm yếu chỉ mà hội nhập thiên môn”. Sau khi phú chúc xong hậu sự, hòa thượng chấp tay làm thâm đọc tụng trọn bộ Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, rồi lặng lẽ nhập diệt. Sự ra đi tự tại của hòa thượng khiến cho tứ chúng vừa hân hoan vừa thương cảm, ai ai cũng thệ nguyện tinh tấn tu tập để khỏi phụ lòng tin yêu của thầy. Đúng theo lời tiên đoán của hòa thượng, chỉ hơn một năm sau thì ngôi tự viện nguy nga bị sét đánh gây hỏa hoạn cháy rụi. Chùa Báo Ân được coi là tài sản quốc gia nên chánh quyền có trách nhiệm liền tức tốc mở cuộc điều tra : thầy trụ trì và 17 tăng sĩ phụ trách điều hành tự viện bị dẫn giải về huyện đường chấp cung rồi bị giam giữ. Chùa Báo Ân tuy tập nập thiện tín lễ bái, nhưng theo tinh thần tu tập đấm bạt của hòa thượng Tây Lâm, chùa không thừa tiền bạc để biết “lễ nghĩa”, nên giới chức điều tra không chấp nhận thuyết thiên tai và nhất quyết cho rằng hỏa hoạn do phá hoại, do đó, cuộc điều tra ngày càng trở nên gay gắt, số phận của chư tăng đang bị câu lưu rất mờ mịt. Nhóm tu sĩ trẻ còn lại như rắn không đầu, đói rách, không mái lá che nắng mưa, lại nơm nớp lo sợ bị liên lụy, nên lần lần tản mác đến các tự viện khác nương thân. Đức Tướng là một trong số ít tu sĩ gắng gượng ở lại, hằng ngày thay phiên nhau cơm nước chăm nuôi chư tăng tù tội. Cuộc điều tra bỗng chuyển hướng sang nhóm phụ trách khu nhà trù, nơi xuất phát ngọn lửa. Từ ngục thất, thầy trụ trì nhắn tin khuyên bảo nhóm nhà trù nên lánh mặt thật xa để tránh nguy cơ bị lùng bắt, tra tấn, tù đày. Thế là Đức Tướng đành gạt nước mắt hấp tấp lủi trốn khỏi thành phố Nam Kinh. Chàng chỉ kịp mang theo chút lương khô và bản kinh Kim Cang làm của tùy thân. Đức Tướng lo lắng đi liên tục ngày đêm chẳng dám nghỉ ngơi, mệt lắm thì chàng chui vào lùm cây kín đáo xa xa đường lộ nằm chợp mắt, vừa tỉnh dậy đã vội vã lên đường. Mãi đến khi đã vượt sang địa phận tỉnh Triết Giang, mới hiểm nguy giảm thiểu, chàng mới thư thả ngắm cảnh và chiêm bái các ngôi chùa gần xa. Thật ra, lúc bấy giờ lương khô mang theo đã cạn, Đức Tướng rất cần tìm đến các ngôi chùa địa phương để xin bữa cơm chay, và sau đó, nếu thấy ngôi chùa hợp ý, thì sẽ khẩn khoản xin được nương náu tu

tập. Chùa nào cũng vui vẻ bố thí cho chàng bữa ăn, nhưng việc xin lưu trú thì chẳng có dấu hiệu gì sáng sủa. Có nơi khéo léo từ chối viện lẽ luật lệ triều đình khó khăn đã ngăn cấm họ chứa chấp kẻ xa lạ, có nơi lạnh lùng xua đuổi chẳng một lời giải thích. Trong cảnh nhục nhã bẽ bàng nào Đức Tướng cũng chẳng sanh tâm sân hận, chàng tự biết mình tuy cạo đầu nhưng chỉ là một sa di, chưa có tăng tịch, không giấy giới thiệu của bốn sư, đáng điệu bệ rạc, quần áo xốc xếch, nên nếu họ nghi ngờ chàng là kẻ lưu manh giả dạng tu sĩ cũng là chuyện bình thường. Từ nơi này lang thang đến nơi khác, Đức Tướng vô tình lần mò đến dãy núi Nhạn Đãng, thuộc huyện Lạc Thanh, thị xã Ôn Châu. Nhạn Đãng sơn là một dãy núi thanh tú có trên trăm ngọn, rừng cây sâm uất, hang động thâm u, thác nước hồ suối mỹ miều và cũng có hằng hai mươi ngôi chùa rải rác khắp nơi. Đức Tướng trèo lên Nhạn Hồ Cương, Linh Nham, Đại Long Thu, Ý Thiên đỉnh... chiêm bái hơn 10 ngôi tự viện mà vẫn chẳng thấy có chút tia hi vọng về chốn dung thân. Tình trạng tỏ vẻ khả quan hơn tại chùa Hiền Thánh. Sau khi nghe Đức Tướng tha thiết đạo đạt nguyện vọng, và giải đáp suôn sẻ vài vấn nạn về thiền, hòa thượng trụ trì tỏ vẻ hoan hỷ như sẽ thu nhận chàng. Đức Tướng đang khắp khởi mừng thầm, bỗng nghe Ngài gạn hỏi lý do rời chùa, rời thầy. Tuy hiểu rằng nếu trả lời thành thật chắc chắn sẽ gặp khó khăn, nhưng Đức Tướng đã nguyện giữ giới cẩn trọng như giữ đôi tròng mắt, nên chẳng cần suy nghĩ dông dài, chàng trình bày rõ rệt cội nguồn. Dầu tin tưởng chàng vô tội và ái ngại cho thân phận của chàng, hòa thượng cũng buộc lòng từ chối. Đức Tướng lại lặn lội sang ngọn Linh Phong, chiêm bái chùa Linh Phong và Quan Âm động. Chàng trèo lên tầng điện thứ 10, đánh lễ Bồ Tát Quán Thế Âm rồi lặng lẽ ra đi. Chàng nghĩ thỉnh cầu nhập chúng chỉ chuốc thêm một lần đau thương nhục nhã chớ chẳng ích lợi gì, hướng chi, chùa này chuyên tu Tịnh Độ, chẳng khế hợp với căn cơ thiền của chàng. Chàng lui thủ xuống núi, dừng chân bên quán nước ọp ẹp nằm sát đường mòn, gọi chén trà nóng rồi lơ đãng nhìn về chốn xa xôi mù mịt, quên mất thời gian, quên cả tách trà. Bà chủ quán hiền hậu thương hại nhìn chàng, bà ngập ngừng mấy lần rồi mới khơi chuyện :

- Chú uống trà kéo nguội. Trông chú có vẻ là người từ phương xa đến đây hành hương. Chẳng hay chú đã tham bái khắp các đỉnh núi chưa?

Đức Tướng sực tỉnh cơn mộng mơ, hớp miếng trà, cất tiếng thờ dài rồi bùi ngùi đáp :

- Thưa bà! Con từ Kim Lăng đến đây mong tìm một ngôi tự viện để xin tu tập, chớ thật ra, không nhằm mục đích hành hương.
 - Quý hóa lắm! Thế chú đã chọn ngôi chùa nào vậy?

- Con nào dám chọn lựa. Con khẩn cầu khắp nơi, mong tìm một chốn an ổn tu tập mà chẳng chùa nào chấp nhận cả!

- Sao kỳ vậy kia?

- Con vốn là sa di chùa Báo Ân. Chùa cháy, thầy trụ trì và 17 tăng sĩ phụ tá bị câu lưu để điều tra. Thầy trụ trì khuyên con trốn đi để khỏi liên lụy. Khi thỉnh cầu nhập chúng, con sợ phạm giới vọng ngữ không dám dấu diếm điều này, mà khai thật thì chẳng chùa nào chịu chứa chấp cả! Oái! trời đất mênh mông, nhưng tìm được một chỗ dung thân thì gian nan khôn xiết!

- Tội chú quá! sao chú không tự mình chọn một địa điểm vắng vẻ trên non cao, cất cái thảo am, tự sống tự tu, thì ai ngăn cấm chú được?

- Con đã nghĩ đến điều đó rồi bà ạ! Tu một mình thì ngoài việc dựng thảo am mình lại cần phát hoang một khoảnh đất trồng tía để tự túc. Mà dựng thảo am hay phát hoang đều đòi hỏi phải có chút đỉnh tiền mua vật liệu, dụng cụ, hạt giống... cùng phân thực phẩm dự trữ tối thiểu để tạm sống trong thời gian chờ đợi gặt hái hoa màu. Ở đây xứ lạ, làm sao con có thể tìm ra vị thí chủ giúp đỡ con bước đầu cho được?

- Tưởng chuyện gì khó chớ chuyện này thì già có thể làm được. Nếu chú tha thiết tu tập thì già sẽ giúp chú dựng thảo am và hằng ngày sẽ mang cơm nước cúng dường chú, chú chỉ cần dụng công tu mà thôi, và chẳng phải bận tâm điều gì khác nữa!

Thế rồi bà lão thuê dân làng đưa chàng trở lên ngọn Linh Phong, vượt khỏi động Quan Âm một khoảng ngắn, thì khám phá ra được một địa điểm thanh vắng, thuận tiện cho việc dựng ngôi tịnh thất để chàng tạm trú mà hạ thủ công phu. Tịnh thất mái tranh vách lá sơ sài, bé nhỏ xinh xinh, ẩn dưới bóng đại thụ râm mát, có tầm nhìn toàn cảnh Nhạn Đãng sơn hùng vĩ. Đáng tiếc là khoảnh đất này tương đối hẹp, chỉ vừa đủ cho Đức Tướng trồng vài cụm hoa trang trí, chớ chẳng canh tác được. May mắn là chàng không phải bận tâm chuyện ẩm thực, vì lão bà luôn luôn giữ vẹn lời hứa là mỗi ngày mang cơm nước lên một lần trước giờ ngộ. Đức Tướng bắt đầu lập thời khóa tu tương tự theo sinh hoạt của chùa Báo Ân, theo đó, ngoài các thời tọa thiền, chàng cũng giữ hai thời công phu khuya và tối, đặc biệt với phần trì tụng Kinh Kim Cang. Thoạt đầu, Đức Tướng tu tập rất đồng mãnh, nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, chàng bắt đầu cảm thấy uể oải buồn chán và đôi khi còn bị khủng hoảng đến nỗi muốn hoàn tục. Nguyên Đức Tướng âm thầm mang tự ti mặc cảm là sa di, cộng với nỗi ám ảnh về lời răn dạy của chư cô đức rằng tăng mà sớm lìa chúng thì nguy hiểm

như con hổ xa rừng “hổ ly sơn hổ bại, tăng ly chúng tăng tàn”, nên cứ phập phồng sợ gặp ma chướng và vì vậy đôi khi mất tự tin nên sanh tâm giải đãi. Ngoài ra, chàng vốn quen thuộc cái không khí rộn rịp của ngôi chùa thị thành đông đảo Phật tử ra vào, nay lại phải sống thui thủi một mình, không thầy không bạn, nên cảm thấy cô đơn chán nản cùng cực. Cũng may là những cơn khủng hoảng hành hạ chàng chỉ kéo dài cho đến giờ Ngọ, khi Đức Tướng nhấc thấy bóng dáng lão bà mang com nước lên núi thì nó liền tan biến. Sự kiện trùng hợp này thật khó hiểu. Có lẽ, khi thấy bà chàng vừa âm lòng, vừa cảm thấy xấu hổ nên tâm tinh tán phát sanh chướng? Hoặc giả, chính thái độ thành khẩn cúng dường của bà đã tạo cho chàng niềm hứng khởi chướng? Thật ra, Đức Tướng chẳng thể suy tìm ra nguyên nhân nào rõ rệt. Chàng chỉ cảm nhận rằng mỗi khi thấy bà thì chàng đón nhận được nguồn tươi mát an vui, rồi bỗng nhiên phục hồi được niềm tin và nghị lực để tu tập. Vô tình mà lão bà biến thành điểm tựa tinh thần cho chàng trong thời gian khó khăn lúc ban đầu.

Năm năm, mười năm, rồi hai mươi năm trôi qua. Đức Tướng vẫn kiên trì tọa thiền. Thân tâm chàng biến thành một khối rắn chắc như kim cương, thách đá cái lạnh mùa đông, cái oi ả mùa hè, và tâm chàng thì rộng không chướng có chỗ để cho ngũ trần - thanh hương vị xúc pháp - chen vào khuấy phá nhiễm ô.

Vào một buổi trưa mùa đông, khác hơn thường lệ, một cô gái tuổi chừng đôi mươi xinh đẹp đã mang com lên tịnh thất thay cho lão bà. “Sắc bất dị không, nhan sắc khuynh thành đó chẳng khiến ta động tâm”, chàng bình thản tự hào. Cô gái bỗng ngọt ngào lên tiếng :
- Mẹ con đau, nên con thay thế bà mang com nước cúng dường sư!

Âm thanh là không nên lời nói nhu mì dễ nghe đó chẳng ảnh hưởng đến chàng chút xíu gì cả, nó chỉ khiến chàng khó chịu vì mất sự yên tĩnh. Lão bà lẳng lặng mang com đến, rồi lẳng lặng đi, đâu có nói năng phiến hà như thế này. Trong khi chàng vẫn an nhiên bất động thì cô gái bỗng run rẩy lập cập, rồi áp úng :
- Nơi này có ngọn gió luôn lạnh quá! Sư ơi! Con lỡ quên mang theo áo ấm, con lạnh chịu không nổi! sư làm ơn ôm con vào lòng một chút cho ấm lại, kéo con chết mất!

Đức Tướng cười nhạt, khoát tay bỏ đi, rồi lạnh lùng ngâm nga :

Tạ tợ cây khô dựa đá lạnh
Chẳng còn sinh khí đã ba đông.(1)
(Khô mộc ý hàn nham
Tam đông vô noãn khí)

Hốt nhiên Đức Tướng thấy lão bà đứng trước cửa tự lúc nào. Có lẽ, bà đã xuất hiện đúng lúc để chứng kiến được mẫu đối thoại “hào hùng” của chàng. Lạ quá! sao lão bà chẳng lộ vẻ khâm phục vậy kìa? Đức Tướng đang chờ đợi bà lão cất lời tán thán, nào ngờ bà chợt lắc đầu, rồi với giọng nói hiền hòa bình thường, bà chậm rãi lên tiếng :

- Thật là uông cho công của già bấy lâu nay! Già đã làm lần cúng dường cho thứ “cây khô” vô tri giác như người! Ôi! tiếc quá! đáng tiếc quá!

Đức Tướng không tin tưởng lỗ tai của mình. Chàng còn phân vân tự hỏi chẳng biết bà nói thật hay đùa cợt, thì bỗng thấy bà lão, trong tay cầm sẵn môi lửa từ lúc nào, ung dung dí lửa vào vách lá khiến ngôi tịnh thất bùng cháy tan tành. Thế rồi, bà quay lưng bước đi chẳng thèm nói với Đức Tướng một lời nào nữa.

Biến cố đột ngột khiến Đức Tướng choáng váng lạng người. Chàng tu đến mức độ không bị thanh sắc lung lạc những tưởng được người người báỉ phục, ngờ đâu, chính lão bà thí chủ trong hai mươi năm trời lại bày tỏ thái độ bất mãn, phũ phàng đốt tịnh thất xua đuổi chàng. Đức Tướng suy nghĩ điên cả đầu mà vẫn không hiểu nổi hành động quái lạ của lão bà, chàng chua xót nhìn lại mớ tro tàn, rồi uể oải bước đi, mà chẳng biết đi đâu và làm cái gì? Chàng đi lang thang lạc lõng trong rừng cây thưa đến khi trời tối đen không lui tới được mới ngồi bệt xuống, mà đầu óc vẫn nặng trĩu với bao câu hỏi quay cuồng. “Có thật mình đã biến thành thứ cây khô vô tri giác chẳng? Giới tu hành thường nhắc nhở nhau rằng tụng kinh Kim Cang dễ bị biến tánh trở thành khô khan nóng nảy. Điều này có đúng không và mình đã lâm vào trạng huống này sao? Sư phụ Tây Lâm cũng tu thiền theo Kinh Kim Cang mà sư phụ dào dạt từ bi, đâu có khô khan tình cảm như ta?”. Vừa nghĩ đến thầy, Đức Tướng liền hồi tưởng lại thời gian tụng tụng theo thầy chiêm báỉ Ngũ Đài sơn. Ngày đó, đang khi tham quan chùa Hiẻn Thông, sắp bước vào điện Văn Thù, bỗng sư phụ khoát tay bảo chàng dừng lại, chỉ hai câu đối trước cửa rồi bảo :

- Con đọc to hai câu đối này cho thầy nghe .
- Thưa : “Đức tướng phi không phi hữu, ứng tùy cơ dĩ hằng chu” và “Pháp thân vô khứ vô lai, trụ tịch quang nhi bất động”.(2)
- Ta đã đặt pháp danh con là Đức Tướng là muốn con thâm cứu huyền nghĩa của vế đối này. Con đã hiểu rõ Ngài Văn Thù là tượng trưng của Bát Nhã trí, là Pháp thân tịch quang thường trụ mà đức tướng vẫn luôn luôn hằng khởi chu biến để tùy cơ cứu độ chúng sanh. Và tuy cứu độ vô lượng vô biên chúng sanh mà Bồ Tát vẫn chẳng thấy có chúng sanh nào được cứu độ, bởi vì Bồ Tát nào có phân biệt tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng...

Lời dạy của thầy bỗng bùng nổ như tiếng sấm sét vang lừng, khiến thân tâm chàng cực kỳ giao động. Chàng chợt khám phá được điểm sai lầm của mình. Chàng đã đi tìm cái “không” trong chấp ngã, bị điên đảo vì mãi thấy “tướng người tướng chúng sanh tướng thọ mạng”, vì vậy nên cái “không” chỉ là thứ không trong tự ngã khô khan cần cỗi. Thảo nào thầy đã căn dặn mình phải thấy tướng của đức là không, không còn tướng phân biệt ta, người, thì mình mới mong thâm nhập vào Trí Bát Nhã, trải tâm trùm khắp pháp giới chúng sanh mà phát tâm đại bi. Khi tâm từ bi không phân biệt rộng mở, thì thân tâm sẽ tươi mát như hoa lá xum xuê chớ đâu khô héo cần cỗi nữa. Tình thương dạt dào nhắc nhở chàng đến ân tình của thí chủ, rồi chàng bỗng buột miệng than thầm : “Ôi! hai mươi năm qua, bà lão đã bèn bĩ lo lắng cho mình không nê hà nắng mưa giá lạnh mà mình cứ coi đó là bổn phận, mình là người xứng đáng thụ hưởng cúng dường, và vì tất cả là “không” nên chẳng mấy may nảy sanh lòng cảm kích. Từ nay, mình nguyện chỉ thọ dụng cúng dường với tâm hoan hỷ là sẽ kết duyên đạo với thí chủ, ý thức rõ rệt rằng mình nguyện sẽ theo họ khắp các nẻo luân hồi để cứu độ, chớ không thọ nhận một cách ơ hờ như xưa nữa”. Đức Tướng bèn hỏi ngược lại câu chuyện buổi trưa để quán sát lại tâm mình : Khi thấy cô gái mang cơm đến thì mình sanh tâm tự hào là không nhiễm sắc, chớ chẳng mấy may thấu hiểu lòng hi sinh, nỗi khổ nhọc của người thí chủ đã lặn lội đường xa trong giá lạnh để phục vụ mình. Khi nghe cô gái thở thê ngọt ngào thì mình chống trả lại bằng niệm khó chịu. Thì ra, mình tưởng mình chẳng động tâm nhưng niệm tự hào, niệm khó chịu là gì? Đến khi nghe báo tin bà lão đau, thấy cô gái run rẩy vì lạnh mà mình vẫn đứng đưng chẳng chút xót thương, mình quả là thứ cây khô vô tri vô giác mà. Ôi! lão bà chính thực là bậc cao nhân đã thấy rõ nhược điểm của mình, nên mới đốt tịnh thất để cảnh tỉnh mình, có thể nói lão bà đã tạt cho mình một gáo nước lạnh buốt, mà nhờ vậy cây khô nay mới bắt đầu trở hoa.

Niềm vui mang mang tràn ngập, Đức Tướng tìm đường quay lại chốn cũ để mong gặp lại lão bà cảm tạ thâm ân. Chàng lặn lội khắp ngọn Linh Phong, nhưng lạ lùng làm sao, chàng lên xuống núi nhiều lần, hỏi thăm nhiều người, mà vẫn hoài công. Chàng chẳng tìm được dấu vết gì của quán nước dưới chân núi lẫn địa điểm ngôi tịnh cốc mà chàng đã ẩn tu bao năm trước. Chàng đứng tần ngần trước Quan Âm động, tại chốn linh thiêng này 20 năm trước, chàng đã đánh lễ khấn khoản Bồ Tát cứu khổ cứu nạn và hộ trì chàng tu tập, sau đó duyên phúc đã đến với chàng. Thế rồi, bỗng nhiên chàng thấu hiểu ngọn nguồn. Thì ra, diễn biến trong hai mươi năm qua có lẽ chỉ là hóa hiện của Bồ Tát Quán Thế Âm, và vị lão bà Bồ Tát đó đã hằng gia bị cho chàng, đã từng ban cho chàng nguồn an lạc và niềm tin vô bờ để tu tập. Trong niềm xúc động vô biên, Đức Tướng chân thành đánh lễ Bồ Tát Quán Thế Âm và thệ nguyện đời đời kiếp kiếp sẽ nương theo Ngài mà hành hạnh nguyện lắng nghe tiếng đau thương của chúng sanh để cứu khổ cứu nạn.

Sau nhiều năm ẩn tu, râu tóc mọc dài như cư sĩ nên Đức Tướng quyết định tạm giữ nguyên hình dạng này để đi lại dễ dàng mong tìm ra việc làm, sống chung đụng với kẻ thế tục hầu có cơ hội tùy nghi thực hành hạnh cứu khổ. Vừa xuống núi, gặp nông trại đầu tiên Đức Tướng liền dừng lại, ghé vào xin việc và may mắn được gia chủ thu nạp, tạm giao cho đàn bò hai mươi con để chăn giữ. Trong đàn có ba con bò cồ sừng sỗ hung dữ thường chém lộn nhau và hay cắn phá ruộng lúa người, đám mục đồng trẻ coi sóc không xuể nên chủ nhân mới quyết định chọn một người lớn tuổi chăn giữ. Đức Tướng vốn đã phát lồ tình thương không phân biệt, chàng quan niệm bò cũng là mình, mà mình cũng là bò, chàng tận tụy thương yêu chăm sóc bò như chăm sóc bầy con của mình. Chàng nâng niu vỗ về từng con, lựa cỏ non cho chúng ăn nước trong cho chúng uống, để ý từng vết trầy, từng mục gẻ, lau rửa sạch sẽ ghèn ráy, xua đuổi ruồi nhặng bu chúng... Chàng cũng nô đùa, ngọt ngào trò chuyện, chăm chú lắng nghe chúng, nên lần lần hiểu tính nết từng đứa, bù lại, chúng cũng mến chàng, răm rắp vâng lời chàng. Chỉ trong một thời gian ngắn, đàn bò của chàng mập mạnh ra, chúng đi đứng trật tự theo hàng lối, không đâm chém nhau, không chạy hoang phá phách ruộng người, nên chủ nhân rất hài lòng. Chăn bò nổi tiếng, chàng được chuyển sang nghề chăn ngựa, và nhờ tình thương không biên giới, nhờ biết lắng nghe từng con vật nên chàng lại thành công dễ dàng. Những bậc danh gia vọng tộc quý trọng ngựa đồ xô tìm đến, tranh nhau mua chuộc chàng về săn sóc tâu ngựa quý. Lần lần, có người khám phá ra thằng chăn ngựa lại có biệt tài văn chương, nên đề bạt chàng làm thơ ký, rồi thăng lần đến chức quản gia. Ở địa vị nghề nghiệp nào, Đức Tướng cũng cần mẫn làm việc mà vẫn có thừa thảnh thời giờ

tu tập và thực hành hạnh nguyện ban vui cứu khổ. Tiền công thấp hay cao chẳng phải là điều đáng quan tâm vì có bao nhiêu tiền thì chàng cũng đều đem phân phát cho những kẻ nghèo khó. Chàng cũng dành nhiều thời giờ chăm sóc kẻ bệnh hoạn già yếu, gánh vác công việc nặng nhọc dơ bẩn cho chúng bạn tội tở, dạy dỗ trẻ con, cứu người té sông, khuyên lơn kẻ hư đốn say sưa bài bạc..., thậm chí, nhỏ nhặt như chuyện dắt kẻ mù lòa, người già yếu băng qua đường, giúp xỏ mũi kim, đắp vá ổ gà, dùi tảng đá vào lề đường... chàng cũng vui vẻ hành trì. Tình thương của chàng cũng tràn trề đối với loài vật : cứu thương con mèo hoang, săn sóc chim non lạc mẹ, sưởi ấm con chó nhỏ... Tóm lại, lúc nào chàng cũng tỉnh thức lắng nghe tiếng kêu thương của chúng sanh để giúp đỡ, không từ nan việc nhỏ, không quản ngại việc lớn, dầu mình có thể bị nguy hiểm đến tánh mạng cũng không sờn lòng.

Sau mười năm nhập thế, lưu lạc từ nơi này đến chốn khác, Đức Tướng nhận thấy đã đến lúc nên dừng lại. Chàng dự định hành hương Phổ Đà sơn, chiêm bái thánh địa của Bồ Tát Quán Thế Âm, rồi sau đó sẽ tùy duyên xin vào chùa nhập chúng nghiêm trì tu tập. Lúc bấy giờ, chàng đang giữ chức vụ quản lý cho tiệm thuốc Hoa Đà Đại Dược Phòng tại thị xã Hàng Châu, tương đối rất tiện đường viếng Phổ Đà sơn. Chàng chỉ cần thuê xe ngựa trực chỉ một ngày đến bến Ninh Ba, từ đó sẽ mua vé tàu đò vượt biển đến Phổ Đà. Sau khi dành dụm được số tiền cần thiết đủ cho sở phí di chuyển và lưu trú tự túc độ chừng một năm tại thánh địa, chàng van nài chủ nhân cho nghỉ việc. Mới xuất hành được nửa ngày, chàng bỗng chứng kiến cảnh hỏa hoạn khiến ba căn nhà lá cất san sát bên nhau bị thiêu hủy tan tành. Tai nạn không chết người, nhưng chứng kiến cảnh nheo nhóc kêu gào khóc than thảm thiết của nạn nhân, ai chẳng động lòng trắc ẩn. Đức Tướng nhận thấy nếu phải dòi ngày đi hành hương lại thì cũng chẳng sao, do đó, chàng phân chia tiền cho các nạn nhân rồi lên xe trở về. Chàng xin chủ nhân cho làm việc lại và sau mười hai tháng dành dụm chàng đã hội đủ số tiền cần thiết để lên đường. Đức Tướng đến bến Ninh Ba, đang lay quay dọn hỏi chuyến đi thì vô tình nghe kể một hoàn cảnh cực kỳ thương tâm xảy ra tại địa phương này. Năm ngày trước, trời trong biển lặng, bỗng có đám mây đen tràn về bao phủ, rồi một cơn giông nhỏ kéo đến. Lúc đó có ba cha con hành nghề thả lưới giăng câu đang trúng một mẻ cá to, nên tiếp tục say mê làm việc bất chấp cuồng phong. Tuy chỉ là cơn giông nhỏ, nhưng vì thuyền đầy khẳm cá, nên chỉ sau vài lượn sóng đập vùi, chiếc thuyền mất thăng bằng lật úp. Người con trai lớn may mắn ôm được miếng ván nhỏ chịu đựng qua cơn sóng gió nhưng cha và em đã chết. Nay hai xác chết được vớt lên, gia đình khốn khổ đó lại không tiền chôn cất, nên hoàn cảnh thêm phần bi đát. Đức Tướng vội vã hỏi thăm đường tìm đến nhà nạn nhân an ủi và trao tất cả số tiền mang theo cho

họ. Ở xứ lạ tìm gấp việc làm rất khó khăn. Thời may, có kẻ biết chàng là người tốt bụng nên giới thiệu chàng làm nghề khâu vá lưới sống qua ngày. Lần này, Đức Tướng dự trữ chỉ gắng sức làm việc vừa đủ tiền mua vé tàu đò thì đi ngay, còn chuyện sinh sống tại Phố Đà sẽ định liệu sau. Sau một tháng dè sẻn từng xu, Đức Tướng gom đủ tiền mua vé, ung dung lên tàu và yên tâm chờ đợi. Tàu vừa mở giây chuẩn bị tách bến, thì có chàng thanh niên hấp tấp dẫn bà già chạy đến, kêu réo tàu chờ đợi. Chàng thanh niên lí nhí năn nỉ chủ tàu, dúi cho ông ta nắm tiền lẻ, rồi dợm dẫn bà già bước lên tàu. Chủ tàu giơ tay chặn lại, kiểm điểm tiền rồi nhăn mặt nạt lớn :

- Hừ! tiền này chỉ đủ cho một vé. Chỉ một người được lên tàu mà thôi!
- Con chỉ có chừng đó tiền, xin ông chủ thông cảm dùm!
- Thông cảm cái khỉ mốc! Ai cũng xin thông cảm kiêu đó thì chết cha tao rồi!
- Con lạy ông chủ! Mẹ con suốt đời ước mơ hành hương thánh địa một lần. Xin ông chủ làm ơn làm phước cho bà đi chuyến này!
- Vậy thì mẹ mày lên tàu, còn mày ở lại.
- Mẹ con đau yếu rề rề hà! con cần đi theo để săn sóc bà ông chủ à!
- Nè! đừng có nói nhây mãi! Tao đã nói không là không, nghe chưa?

Không thể chần chờ thêm được nữa, Đức Tướng bước xuống tàu, trao cho thanh niên vé đò, rồi ôn tồn lên tiếng :

- Tôi xin biểu chú vé tàu để hai mẹ con chú cùng đi. Chú em có hiếu đáng khen lắm! Chúc mẹ con chú đi hành hương chuyến này được nhiều lợi lạc.

Đức Tướng thanh thản ra đi. Chàng thầm nghĩ mình chưa có duyên chiêm bái thánh địa chuyến này, thì sẽ còn bao dịp khác, lo gì. Trời sắp tối, chàng đi bộ về khu phố chợ Ninh Ba, hỏi thăm đường mong tìm đến ngôi chùa gần nhất xin tá túc qua đêm. Đường xa, chàng lại nhớn nhोर không hồi hải, nên khi đến nơi thì cửa chùa đã đóng kín. Chàng ngắm nhìn cổng tam quan nguy nga, và hân hoan khám phá ngôi chùa mang danh hiệu A Dục Vương(3). Ngôi cổ tự này nổi tiếng lâu đời, với truyền thuyết về sự xuất hiện nhiệm mầu của bảo tháp ngọc Xá Lợi. Chàng chưa từng dám ước mơ mà nay vô tình chàng đã có duyên tìm đến. Chàng lóng ngóng nhìn vào chùa chẳng thấy bóng ai, nên dự định tìm chỗ khuất ngôi dầm sương suốt đêm chờ sáng, rồi sẽ vào chùa xin phép đánh lễ Xá Lợi. Chàng lại nghĩ nếu mình may mắn được đón nhận vào ngôi chùa nổi tiếng này tu tập thì phước đức vô cùng. Thình lình cánh cửa hông chùa bỗng mở toang, rồi một vị sư già hấp tấp bước ra ngoài. Đức Tướng mừng rỡ áp úng vái chào :

- Kính bạch hòa thượng!

- Con đi đâu mà giờ này mới đến?
- Thưa con ra bến tàu dự định hành hương Phổ Đà sơn, nhưng giờ chót con đã đổi ý. Con nghĩ con chưa có duyên chiêm bái Bồ Tát tại thánh địa nên đành tìm đường đến chùa lễ bái Bồ Tát vậy!
- Con lầm rồi ! Phải nói là con có đại nhân duyên với Bồ Tát mới đúng, nếu không, tại sao Bồ Tát lại báo mộng dạy ta đón nhận con vào chùa tu tập...

Đức Tướng xúc động nghẹn ngào, ú ớ :

- Dạ ! dạ !

- Con ạ ! - hòa thượng ôn tồn tiếp lời - hành hương chỉ là chuyện hình thức. Biết bao người đã đến thánh địa mà chẳng thấy biết, chẳng gần gũi, cảm thông với Bồ Tát. Ngược lại, những kẻ biết nương theo hạnh nguyện của Ngài tu tập, chân thành lắng nghe tiếng kêu than của chúng sanh trong thế gian để cứu khổ cứu nạn, thì tuy chưa từng đến thánh địa, mà đích thực đã chiêm bái thánh địa, và diện kiến Bồ Tát tự bao giờ.

Tháng 6.2001

Ghi chú :

1. Đây là mẩu chuyện thiền đã gợi hứng tác giả dựng truyện ngắn này :

Xưa kia có một bà lão nhiều đạo tâm, cất một ngôi tịnh am, và lo lắng đầy đủ tứ sự cúng dường để ủng hộ một vị thiền sư tu tập. Qua hai mươi năm ròng rã, vị sư tu hành tinh tấn, giữ giới hạnh nghiêm túc, đạo đức cao siêu.

Lão bà có một người con gái đến tuổi thanh xuân, nhan sắc mặn mà gợi cảm. Một hôm. muốn thử lòng nhà sư, lão bà dặn con gái : “Trưa nay, khi đem cơm nước đến cho sư thọ trai, con hãy thừa lúc bất ngờ ôm chặt lấy nhà sư mà hỏi : “Thế nào, những lúc cô đơn lạnh lẽo như thế này, có khi nào thầy thấy lòng trống trải, thiếu thốn gì chăng?”. Sư trả lời ra sao, con về thuật lại cho mẹ rõ.”

Cô gái vâng lời mẹ dạy, ôm sư vuốt ve, rồi thỏ thẻ lời đường mật.

Sư đáp : “Khô mộc ý hàn nham

Tam đông vô oán khí”

(cây khô bám vào tảng đá lạnh,

trải qua ba năm chẳng còn sinh khí gì nữa)

Cô gái thuật tự sự cho mẹ. Bà lão lộ vẻ không vui, than thở : “Thật là uổng phí công ta nuôi dưỡng suốt 20 năm trường, không ngờ ủng hộ nhằm kẻ phàm phu!”. Nói xong bà lão ra lệnh đuổi nhà sư ra khỏi cửa, rồi châm lửa đốt thảo am cho mất tích.

2. Đức tướng phi không phi hữu, ứng tùy cơ dĩ hằng chu : Tướng công đức (tướng do công đức kết thành) không phải không, không phải có, ứng theo căn cơ chúng sanh mà hằng chu biến ra.

Pháp thân vô khứ vô lai, trụ tịch quang nhi bất động : Thân là bản thể pháp (Bồ Tát Văn Thù là tượng cho bản thể tánh, là pháp thân, là bát nhã trí...) không đi không đến trụ ở cõi tịch quang (ánh sáng tịch tĩnh) mà không động.

3. A Dục Vương Quảng Lợi thiên tự tọa lạc tại Ninh Ba, tỉnh Triết Giang, gồm có các điện Thiên Vương, Bảo Hùng, Xá Lợi và Pháp Đường. Điện Xá Lợi cao 15.3 thước, bên trong có tháp Xá Lợi bằng đá dựng một tháp gỗ khảm thất bảo chứa tháp Phật Đảnh Xá Lợi. Theo truyền thuyết thì vua A Dục đã cho mang tháp Xá Lợi chôn dấu khắp nơi, đợi đúng cơ duyên thì Xá Lợi sẽ ứng hiện cho Phật tử chiêm bái. Vào năm 282 thời Tây Tấn, ẩn sĩ Lưu thái Hà mộng thấy vị Phật tăng chỉ dẫn địa điểm có xá lợi bảo tháp. Lưu thái Hà tìm đến Lưu sơn, nghe dưới đất có tiếng chuông khánh, Ngài thành tâm cầu nguyện, và đào đất khám phá được Bảo tháp, bên trong có chiếc chung vàng chứa Phật Đảnh Xá Lợi. Để bảo tồn thánh vật, một ngôi chùa đã được xây dựng để tàng trữ và thờ phượng vào đời nhà Tống (năm 425), đến năm 522, Vua Lương Vũ Đế cho xây thêm điện đường và ban danh hiệu A Dục Dương tự. Xá Lợi chùa A Dục Vương nổi tiếng rất linh thiêng. Chư tổ sư như Tĩnh Am, Hư Vân đã từng lưu lại chùa này để đánh lễ và chiêm bái.

---o0o---

Hết